



HỒ SƠ MỜI THẦU

- Tên gói thầu:** : Gói thầu số 16 – Cung cấp dịch vụ thuê chuyên gia kiểm tra đánh giá lò thu hồi nhiệt, dịch vụ xử lý ăn mòn dòng chảy FAC và dịch vụ Xray cho các van và các đường ống của buồng đốt.
- Bên mời thầu** : Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Ngọc Sơn

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSDT.

Bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSDT, mở thầu, đánh giá E-HSDT và trao hợp đồng.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSDT, cụ thể:

- Mục 1: Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT
- Mục 2: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm;
- Mục 3: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật
- Mục 4: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT và E-HSDT.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này bao gồm các yêu cầu về kỹ thuật của dịch vụ

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Biểu mẫu hợp đồng

Phần này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) và Bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có yêu cầu về tạm ứng) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Luật Đấu thầu	Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 đã được Quốc hội ban hành ngày 23 tháng 6 năm 2023 và được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 90/2025/QH15
Nghị định số 24/2024/NĐ-CP	Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
CDNT	Chỉ dẫn nhà thầu
BDL	Bảng dữ liệu đấu thầu
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
TCĐG	Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu
PV Power	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
PV Power Cà Mau	Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau
PV Power TSC	Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật
VND	Đồng Việt Nam

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	1.1. Chủ đầu tư quy định tại E-BDL phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ phi tư vấn theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ. 1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm; số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu (trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập) được quy định tại E-BDL.
2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng	2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSDT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống. 2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động. 2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).
3. Nguồn vốn	Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại E-BDL .
4. Hành vi bị cấm	4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ. 4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức. 4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây: a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị E-HSDT hoặc rút E-HSDT để một bên trúng thầu; b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu; c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Chủ đầu tư yêu cầu làm rõ E-HSDT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu. 4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây: a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu; b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. 4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây: a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; b) Cản trở người có thẩm quyền, Chủ đầu tư, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu; c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu; d) Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu; đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.

	4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây: a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của Chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu; b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định E-HSMT đối với cùng một gói thầu; c) Tham gia đánh giá E-HSDT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu; d) Cá nhân thuộc chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu; đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế; lập, thẩm định E-HSMST, E-HSMT; đánh giá E-HSDST, E-HSDT; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện hợp đồng; e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó; g) Nêu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong E-HSMT, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 44 và khoản 1 Điều 56 của Luật Đấu thầu; 4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 77, khoản 11 Điều 78, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82 của Luật Đấu thầu, bao gồm: a) Nội dung E-HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định; b) Nội dung E-HSDT; nội dung yêu cầu làm rõ E-HSDT của chủ đầu tư và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá E-HSDT; báo cáo của chủ đầu tư, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng E-HSDT trước khi được công khai theo quy định; c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định; d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật. 4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây: a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng; b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong E-HSDT mà không được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận; c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;
--	---

	d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.
5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu	5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Hạch toán tài chính độc lập; b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản; c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại E-BDL; d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu; đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự. 5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật; b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm c và d Mục 5.1 E-CDNT.
6. Nội dung của E-HSMT	6.1. E-HSMT bao gồm E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây: Phần 1. Thủ tục đấu thầu: - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSMT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật: - Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật. Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng - Chương VI. Biểu mẫu Hợp đồng 6.2. Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống là cơ sở để xem xét, đánh giá. 6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSMT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.
7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT	7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (webform và file đính kèm). Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu; đối với gói thầu có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng, việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước

	ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu. 7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, Nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Chủ đầu tư thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Chủ đầu tư xem xét, xử lý. Chủ đầu tư tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. 7.3. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu. 7.4. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi E-HSMT, thời điểm đóng thầu và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu. 7.5. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại E-BDL. Chủ đầu tư đăng tải thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống; tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiền đấu thầu mà không cần phải thông báo trước cho Chủ đầu tư. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu. 7.6. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT. 7.7. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.
8. Chi phí dự thầu	E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Chủ đầu tư đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định hiện hành. Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.
9. Ngôn ngữ của E-HSDT	E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).

10. Thành phần của E-HSDT	E-HSDT phải bao gồm các thành phần sau: 10.1. Đơn dự thầu theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; 10.2. Thỏa thuận liên danh theo mẫu (đối với nhà thầu liên danh); 10.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 E-CDNT; 10.4. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 16 E-CDNT; 10.5. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 15 E-CDNT; 10.6. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 13 E-CDNT; 10.7. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT theo quy định tại Mục 12 E-CDNT (nếu có); 10.8. Các nội dung khác theo quy định tại E-BDL.
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin để hoàn thành E-HSDT.
12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT	12.1. Trường hợp E-HSMT có quy định tại E-BDL về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét. 12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để tổ chuyên gia có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ, tiến độ thực hiện, chi phí và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III.
13. Giá dự thầu và giảm giá	13.1 Giá dự thầu ghi trong đơn và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này: a) Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu (chưa tính giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Nhà thầu tổng hợp giá dự thầu từ Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E hoặc 11G) Chương IV vào đơn dự thầu. b) Tất cả các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu. Trường hợp tại cột “đơn giá” nhà thầu ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của hạng mục công việc này vào hạng mục công việc khác thuộc gói thầu và sẽ không được Chủ đầu tư thanh toán riêng, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các hạng mục công việc theo yêu cầu của E-HSMT bảo đảm chất lượng, tiến độ. c) Đối với gói thầu không chia phần, trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, hợp đồng theo thời gian, giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng. d) Nhà thầu phải nộp E-HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong E-HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong cột “Danh mục dịch vụ” theo Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E hoặc 11G) Chương IV.

	13.2. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần thì nhà thầu có thể dự thầu một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải dự thầu đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì thực hiện theo một trong hai cách sau đây: a) Cách thứ nhất: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu (trong trường hợp này được coi là nhà thầu giảm giá đều theo tỷ lệ cho tất cả phần mà nhà thầu tham dự). b) Cách thứ hai: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá cho từng phần. 13.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT. Trường hợp hồ sơ dự thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Chủ đầu tư xử lý tình huống theo quy định tại khoản 11 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. 13.4. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSĐT của nhà thầu sẽ bị loại.
14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
15. Tài liệu chứng minh sự đáp ứng về kỹ thuật	15.1. Để chứng minh sự đáp ứng của dịch vụ so với yêu cầu của E-HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của E-HSĐT (đính kèm file lên Hệ thống) để chứng minh rằng các dịch vụ mà mình cung cấp phù hợp với các yêu cầu và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương V. 15.2. Các tiêu chuẩn về cung cấp dịch vụ chỉ mang tính mô tả mà không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ khác với điều kiện chứng minh được với Chủ đầu tư rằng những tiêu chuẩn thay thế này tương đương hoặc cao hơn so với những tiêu chuẩn quy định tại Chương V.
16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu	16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Chương III. Trường hợp được mời vào đối chiếu tài liệu, nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSĐT và để Chủ đầu tư lưu trữ. 16.2. Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSĐT và khi tham dự sơ tuyển thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.
17. Thời hạn có hiệu lực của E-HSĐT	17.1. E-HSĐT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại E-BDL. 17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSĐT, Chủ đầu tư có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSĐT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực E-HSĐT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSĐT thì E-HSĐT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp, trong trường hợp này, nhà thầu không phải nộp bản gốc thư bảo lãnh cho Chủ

	đầu tư. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện bằng văn bản hoặc trên Hệ thống.
18. Bảo đảm dự thầu	18.1. Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một hoặc các hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì thực hiện theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT. Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, nhà thầu quét (scan) thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh và đính kèm khi nộp E-HSDT. Đối với bảo lãnh dự thầu điện tử, nhà thầu chọn bảo lãnh dự thầu điện tử được phát hành, lưu trữ trên Hệ thống. Trường hợp E-HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 E-CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy. Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau: a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì E-HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả; b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả. 18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại E-BDL. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo đảm dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký (ký số đối với bảo lãnh dự thầu điện tử) hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có). Đối với gói thầu bảo hiểm, nhà thầu tham dự thầu không được xuất trình giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh do mình phát hành.

18.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu theo thời hạn quy định tại **E-BDL**. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực.

18.5. Các trường hợp phải nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) cho Chủ đầu tư:

a) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có);

b) Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng.

18.6. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư, nếu nhà thầu từ chối hoặc không nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo

	lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì nhà thầu sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu. 18.7. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập, nhà thầu có thể lựa chọn nộp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau đây: a) Bảo đảm dự thầu chung cho tất các phần mà mình tham dự thầu (giá trị bảo đảm dự thầu sẽ bằng tổng giá trị của các phần nhà thầu tham dự). Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu do nhà thầu nộp nhỏ hơn tổng giá trị cộng gộp thì Chủ đầu tư được quyền quyết định lựa chọn bảo đảm dự thầu đó được sử dụng cho phần nào trong số các phần mà nhà thầu tham dự; b) Bảo đảm dự thầu riêng cho từng phần mà nhà thầu tham dự. Trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì việc không hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu được tính trên phần mà nhà thầu vi phạm. 18.8. Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.2 E-CDNT nhỏ hơn 50 triệu đồng, tại thời điểm đóng thầu, nhà thầu không phải đính kèm thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.1 E-CDNT mà phải cam kết trong đơn dự thầu (không phải đính kèm cam kết riêng bằng văn bản) là nếu được mời vào đối chiếu tài liệu hoặc vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư) hoặc thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh với giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT (thời gian có hiệu lực của thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh là số ngày được quy định trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu và được tính từ ngày thực hiện đối chiếu tài liệu). Trường hợp nhà thầu chọn áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh khi đối chiếu tài liệu nhưng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của nhà thầu không đáp ứng quy định tại Mục 18.3 E-CDNT thì nhà thầu phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư) với giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Trường hợp nhà thầu không thực hiện theo cam kết nêu trên, nhà thầu bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu nêu trong đơn dự thầu (bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và bị khóa tài khoản trong vòng 06 tháng kể từ ngày chủ đầu tư công khai tên nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng). Trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì nhà thầu sẽ không được hoàn trả khoản tiền bảo đảm dự thầu này. 18.9. Đối với gói thầu đấu thầu trước, bảo đảm dự thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL.
19. Thời điểm đóng thầu	19.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT. 19.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.

20. Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT	20.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh. 20.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại E-HSDT thì E-HSDT đã nộp trước thời điểm E-HSMT được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá. 20.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT thì nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm dự thầu, bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá E-HSDT. Hệ thống thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu. 20.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống (ngoại trừ E-HSDT của nhà thầu đã nộp trước thời điểm sửa đổi E-HSMT và nhà thầu không nộp E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT được sửa đổi) đều được mở thầu để đánh giá.
21. Mở thầu	21.1. Chủ đầu tư phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng (hủy E-TBMT này và đăng tải E-TBMT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. 21.2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau: a) Thông tin về gói thầu: - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự. b) Thông tin về các nhà thầu tham dự: - Tên nhà thầu;

	- Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) (Hệ thống tự động tính trên cơ sở tính toán lại chi phí dự phòng sau khi giảm giá); - Giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu; - Thời gian có hiệu lực của E-HSDT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có). c) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì phải bao gồm các thông tin về giá dự thầu cho từng phần như điểm b khoản này.
22. Bảo mật	22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu. 22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSDT (nếu cần thiết) và đối chiếu tài liệu, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, thành viên tổ chuyên gia về các vấn đề liên quan đến E-HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.
23. Làm rõ E-HSDT	23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSDT theo yêu cầu của Chủ đầu tư, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong E-HSDT của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của E-HSDT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu. 23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSDT giữa nhà thầu và Chủ đầu tư được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống. 23.3. Việc làm rõ E-HSDT chỉ được thực hiện giữa Chủ đầu tư và nhà thầu có E-HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Chủ đầu tư phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSDT. 23.4. Nhà thầu không thể tự làm rõ E-HSDT sau thời điểm đóng thầu. 23.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.

	23.6. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu. 23.7. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, máy móc, bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà E-HSDT không đính kèm các tài liệu này thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.
24. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung	24.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong E-HSMT. 24.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong E-HSMT. 24.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong E-HSMT.
25. Xác định tính đáp ứng của E-HSDT	25.1. Tổ chuyên gia sẽ xác định tính đáp ứng của E-HSDT dựa trên nội dung của E-HSDT theo quy định tại Mục 10 E-CDNT. 25.2. E-HSDT đáp ứng cơ bản là E-HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong E-HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong E-HSDT mà: a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả sử dụng của dịch vụ được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với E-HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng; b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT. 25.3. Tổ chuyên gia phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của E-HSDT theo quy định tại Mục 15 E-CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu nêu trong Phần 2 – Yêu cầu về kỹ thuật đã được đáp ứng và E-HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản. 25.4. Nếu E-HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong E-HSMT thì E-HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT nhằm làm cho E-HSDT đó đáp ứng cơ bản E-HSMT.
26. Sai sót không nghiêm trọng	26.1. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT thì Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT. 26.2. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong E-HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. E-HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của Chủ đầu tư.

	26.3. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các E-HSDT.
27. Nhà thầu phụ	27.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để thực hiện một phần công việc trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không bao gồm tổ chức, cá nhân cung cấp, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, cấu kiện bán thành phẩm, thiết bị, cho thuê thiết bị thi công. Việc nhà thầu thuê nhân công để thực hiện gói thầu không phải là sử dụng nhà thầu phụ. Nhà thầu phải kê khai Nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho Nhà thầu phụ theo Mẫu số 09A Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được Nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho Nhà thầu phụ. 27.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại E-BDL. Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại Mục này trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thoả thuận liên danh. 27.3. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ). 27.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được Chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc của gói thầu. 27.5. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì bị xử lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. 27.6. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ này có tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu mà nhà thầu đã trúng thầu và các công việc tư vấn này bao gồm: lập, thẩm tra thiết kế FEED, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; thẩm định giá; giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định; lập, thẩm định E-HSMST, E-HSMT; đánh giá E-HSDST, E-HSDT; thẩm định kết quả sơ tuyển (nếu có), kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu.
28. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu	Không áp dụng ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu.
29. Đánh giá E-HSDT	29.1. Tổ chuyên gia áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSDT. 29.2. Căn cứ vào E-HSDT của các nhà thầu đã nộp trên Hệ thống và phương pháp đánh giá E-HSDT tại Mục 29.1 E-CDNT, Tổ chuyên gia đánh giá E-HSDT theo quy trình dưới đây.

	a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III: - Đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu đối với các nội dung: + Tư cách hợp lệ của nhà thầu; + Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu. Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu. - Hệ thống tự động đánh giá về trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống của nhà thầu. - Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của bảo đảm dự thầu, thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh). - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm. b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III: - Đánh giá các nội dung: Lịch sử không hoàn thành hợp đồng, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm trên cơ sở thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT; - Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, trường hợp E-HSMT có yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai và tài liệu đính kèm để đánh giá; - Đối với các nội dung về nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có), tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai của nhà thầu; - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật. c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính. d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III. đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng nhà thầu. e) Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu theo quy định tại Mục 30 E-CDNT. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu.
--	---

29.5. Nguyên tắc đánh giá E-HSDT:

- a) Đối với các nội dung Hệ thống đánh giá tự động, Tổ chuyên gia không thể sửa đổi kết quả đánh giá từ “không đạt” thành “đạt” khi Hệ thống đã đánh giá “không đạt”. Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận;
- b) Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai và thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp áp dụng thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) để đánh giá;
- c) Trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin về hợp đồng tương tự kê khai và file tài liệu chứng minh các thông tin về hợp đồng đó thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT. Trường hợp các hợp đồng mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT hoặc nhà thầu không kê khai, kê khai không đầy đủ hợp đồng tương tự, Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có hợp đồng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại;
- d) Trường hợp nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có) mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (bao gồm cả trường hợp nhân sự, thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.
- Trường hợp nhà thầu được xếp hạng thứ nhất, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự chủ chốt đã đề xuất trong E-HSDT hoặc nhân sự chủ chốt đã được thay thế một lần theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP), trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự chủ chốt khác nhưng phải bảo đảm nhân sự chủ chốt dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự chủ chốt đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.
- đ) Đối với các nội dung ngoài các nội dung nêu tại các điểm a, b, c và d khoản này, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai và file đính kèm thì Chủ đầu tư yêu cầu làm rõ HSDT để làm cơ sở để xem xét, đánh giá;

30. Đối chiếu tài liệu và thương thảo Hợp đồng

30.1. Nhà thầu được Chủ đầu tư mời vào đối chiếu tài liệu phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư tổ chức đối chiếu tài liệu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT, bao gồm:

- a) Bản gốc bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp sử dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) hoặc tiền mặt hoặc Séc bảo chi theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT;
- b) Đối với nhà thầu tự cập nhật số liệu về thuế trên Hệ thống từ năm 2021 trở đi (không phải do Hệ thống tự trích xuất), tài liệu chứng minh thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm gần nhất phù hợp với số liệu về thuế của nhà thầu trên Hệ thống thuế điện tử. Trường hợp số liệu của nhà thầu do Hệ thống trích xuất từ Hệ thống thuế điện tử thì không yêu cầu nhà thầu xuất trình tài liệu để chứng minh;
- c) Đối với nhà thầu tự cập nhật số liệu tài chính trên Hệ thống từ năm 2021 trở đi (không phải do Hệ thống tự trích xuất), tài liệu chứng minh tình hình tài chính theo quy định tại Mẫu số 08 Chương IV phù hợp với số liệu tài chính trên Hệ thống thuế điện tử. Trường hợp số liệu của nhà thầu do Hệ thống trích xuất từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử thì không yêu cầu nhà thầu xuất trình tài liệu để chứng minh;
- d) Các tài liệu chứng minh về hợp đồng tương tự mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật...);
- đ) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự chủ chốt (nếu có), thiết bị chủ yếu (nếu có): bằng cấp, chứng chỉ, kinh nghiệm của nhân sự mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT;
- e) Tài liệu khác (nếu có).

30.2. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được tiếp tục thương thảo hợp đồng (nếu có), xét duyệt trúng thầu. Trường hợp áp dụng thương thảo hợp đồng, việc đối chiếu tài liệu diễn ra khi thương thảo hợp đồng. Đối với số liệu về thuế, số liệu về tài chính từ năm 2021 trở đi do nhà thầu tự cập nhật không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu bị loại và bị coi là có hành vi gian lận quy định tại điểm b Mục 4.4 E-CDNT.

30.3. Chủ đầu tư gửi Thông báo mời đối chiếu tài liệu đến nhà thầu trên Hệ thống. Trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu phải ghi rõ thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (đối với bảo đảm dự thầu có giá trị dưới 50 triệu đồng), thời gian, địa điểm thực hiện đối chiếu tài liệu trên cơ sở bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến đối chiếu tài liệu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

30.4. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu.

	30.5. Trường hợp áp dụng thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây: a) Báo cáo đánh giá E-HSDT; b) E-HSDT và các tài liệu làm rõ E-HSDT (nếu có) của nhà thầu; c) E-HSMT và các tài liệu làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có). 30.6. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng: a) Không thương thảo các nội dung mà nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của E-HSMT; b) Không được làm thay đổi đơn giá đã xác định tại bước đánh giá về tài chính, trừ trường hợp gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật. 30.7. Nội dung thương thảo hợp đồng: a) Những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa E-HSMT và E-HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong E-HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng; b) Các đề xuất thay đổi hoặc phương án kỹ thuật thay thế của nhà thầu nếu trong E-HSMT có quy định cho phép nhà thầu chào phương án kỹ thuật thay thế theo khoản 12.1 Mục 12 E-CDNT; c) Thương thảo về nhân sự chủ chốt: Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT hoặc nhân sự đã được thay thế một lần theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP), trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu. d) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu; đ) Thương thảo về các sai sót không nghiêm trọng quy định tại Mục 29 E-CDNT; e) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác. 30.8. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có). 30.9. Trường hợp thương thảo không thành công, Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 32.1 E-CDNT.
31. Điều kiện xét duyệt trúng thầu	Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: 31.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III. Trường hợp tại thời điểm xét duyệt trúng thầu, nếu nhà thầu bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống thì Chủ đầu tư cần yêu cầu Nhà thầu thực hiện khôi

	phục trạng thái tham gia để được xét duyệt trúng thầu. 31.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III. 31.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III. 31.4. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại E-BDL. 31.5. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu theo quy định tại E-BDL.
32. Hủy thầu	32.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm: a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT; b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt đối với dự án hoặc thay đổi về mục tiêu, phạm vi mua sắm đối với dự toán mua sắm do sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức bộ máy nhà nước và các trường hợp bất khả kháng khác làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong E-HSMT; c) E-HSMT không tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu; d) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. đ) Hủy thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 42 của Luật Đấu thầu. e) Hủy thầu theo quy chế riêng về lựa chọn nhà thầu do Chủ đầu tư quy định (nếu có). 32.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c và d Mục 32.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật. 32.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục này, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Chủ đầu tư phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại khoản 9 Điều 14 của Luật Đấu thầu.
33. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu	33.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSDT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau: a) Thông tin về gói thầu: - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng;

	- Thời gian thực hiện gói thầu. b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu: - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật (nếu có); - Giá đánh giá (nếu có); - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Thời gian thực hiện hợp đồng. c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu. 33.2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị trên Hệ thống hoặc gặp trực tiếp Chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu. 33.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 32.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.
34. Thay đổi khối lượng dịch vụ	34.1. Vào thời điểm trao hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền tăng hoặc giảm khối lượng dịch vụ nêu trong Chương IV với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của E-HSDT và E-HSMT. Tỷ lệ tăng, giảm khối lượng không vượt quá 10%. 34.2. Tùy chọn mua thêm: Không áp dụng.
35. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng	Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 13 Chương VIII cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng được tính kể từ ngày Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.
36. Điều kiện ký kết hợp đồng	36.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực. 36.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của E-HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định nêu trong E-HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp

	theo vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có). 36.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.
37. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	37.1. Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại Mục 5 E-ĐKC Chương VI. Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu quy định tại Phần 4 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận. 37.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây: a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
38. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị Hội đồng giải quyết kiến nghị, người có thẩm quyền, Chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo địa chỉ sau: Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần - Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật. Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội.

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

E-CDNT 1.1	Tên Chủ đầu tư: Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP - Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật.
E-CDNT 1.2	Tên gói thầu: Gói thầu số 16 – Cung cấp dịch vụ thuê chuyên gia kiểm tra đánh giá lò thu hồi nhiệt, dịch vụ xử lý ăn mòn dòng chảy FAC và dịch vụ Xray cho các van và các đường ống của buồng đốt. Bao gồm 02 Lô: + Lô 1: Cung cấp dịch vụ Thuê chuyên gia kiểm tra, đánh giá lò thu hồi nhiệt HRS11-12 và dịch vụ xử lý hiện tượng ăn mòn dòng chảy FAC. + Lô 2: Cung cấp dịch vụ Xray cho các van và các đường ống của buồng đốt. Tên dự án/ dự toán mua sắm: Chi phí đại tu NMD Cà Mau 1 năm 2026.
E-CDNT 3	Nguồn vốn: Vốn sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP/ Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau.
E-CDNT 5.1 (c)	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau: Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP - Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật. + Trường hợp nhà thầu, chủ đầu tư là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước, nhà thầu được tham dự gói thầu của chủ đầu tư nếu sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu đó thuộc ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính của tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước. + Trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập, nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với Chủ đầu tư, trừ trường hợp: nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó; các đơn vị sự nghiệp công lập có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý. + Đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư. - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn. Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:

	$\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ Trong đó: X_i: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i; Y_i: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh; n: Số thành viên tham gia trong liên danh. - Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu khi chào thầu dịch vụ do nhà thầu đó cung cấp không phải đáp ứng quy định về bảo đảm cạnh tranh quy định tại Mục này.
E-CDNT 7.5	Hội nghị tiền đấu thầu: Không
E-CDNT 10.8	Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây: Không yêu cầu
E-CDNT 12.1	Nhà thầu không được phép nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế
E-CDNT 17.1	Thời hạn hiệu lực của E-HSDT là: ≥ 90 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 18.2	Nội dung bảo đảm dự thầu: Giá trị bảo đảm dự thầu đối với từng trường hợp như sau: + Nhà thầu tham dự thầu Lô 1: 300.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng). + Nhà thầu tham dự thầu Lô 2: 3.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Ba triệu đồng). + Nhà thầu tham dự thầu cả 2 Lô: 303.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Ba trăm linh ba triệu đồng) Đối với nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu nêu trên trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi này. Trường hợp nhà thầu liên danh, thành viên liên danh có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP như nêu trên phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị bảo đảm dự thầu tương ứng với tỷ lệ giá trị công việc thành viên đó đảm nhận trong liên danh trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện hành vi này. - Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: ≥ 120 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 18.4	Thời gian hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: 14 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.
E-CDNT 18.9	Không áp dụng.
E-CDNT 27.2	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 50% giá dự thầu của nhà thầu.
E-CDNT 29.1	Phương pháp đánh giá E-HSDT là: - Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về kỹ thuật: Áp dụng phương pháp Đạt/ Không đạt. - Đánh giá về tài chính: Áp dụng phương pháp giá thấp nhất.

E-CDNT 29.3 (đ)	Xếp hạng nhà thầu: Nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.
E-CDNT 31.4	Nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất. Đối với gói thầu được chia làm nhiều phần (lô), việc đánh giá E-HSDT và xét duyệt trúng thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở bảo đảm: giá đề nghị trúng thầu của cả gói thầu không vượt giá gói thầu được duyệt mà không so sánh với ước tính chi phí của từng phần.
E-CDNT 31.5	Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: Giá gói thầu được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.
E-CDNT 34.1	Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa là: 10%. Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa là: 10%.

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy. Đối với gói thầu bảo hiểm, nhà thầu tham dự thầu không được xuất trình giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh do mình phát hành.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

4. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.

5. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo quy định tại Bảng số 01 Chương này.

Nhà thầu được đánh giá đạt tất cả nội dung quy định tại Bảng số 01 thì đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng trên một địa bàn cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm cung cấp dịch vụ trên một địa bàn cụ thể như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá E-HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi là tỷ giá bán ra của ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 09B Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp dịch vụ phi tư vấn) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽¹⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế ⁽²⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này
3	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) ⁽⁴⁾	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm ⁽³⁾ tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là: Trường hợp tham gia Lô 1: 21.800.000.000 VNĐ; Trường hợp tham gia Lô 2: 200.000.000 VNĐ; Trường hợp tham gia cả hai Lô: 22.000.000.000 tỷ VNĐ.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng
4	Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự	Nhà thầu phải cung cấp Hợp đồng tương tự đã hoàn thành ⁽⁴⁾ với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ ⁽⁵⁾ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến thời điểm đóng thầu. Trong đó hợp đồng tương tự là: - Số lượng Hợp đồng và tính chất tương tự được xem xét đối với từng trường hợp như sau: + Trường hợp tham gia Lô 1: Tối đa 03 Hợp đồng cung cấp vật tư hoặc dịch vụ bao gồm đầy đủ các phạm vi công việc sau:	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)
					Mẫu số 05, Bản Hợp đồng kê khai và tài liệu chứng minh giá trị hoàn thành, được nghiệm thu

	• Cung cấp Chuyên gia thực hiện kiểm tra, đánh giá thiết bị Nhà máy nhiệt điện. • Cung cấp vật tư ống áp lực/ thiết bị trao đổi nhiệt cho Nhà máy điện hoặc nhà máy công nghiệp. • Dịch vụ hàn các đường ống áp lực của lò thu hồi nhiệt trong các nhà máy điện hoặc có tối thiểu 6 nhân sự đã từng hàn ống cho lò thu hồi nhiệt của NMEĐ khí chu trình hỗn hợp.			
	+ Trường hợp tham gia Lô 2: 01 Hợp đồng cung cấp dịch vụ chụp phóng xạ tại các nhà máy nhiệt điện hoặc nhà máy công nghiệp. + Trường hợp tham gia cả 02 lô: Đáp ứng yêu cầu nêu trên đối với từng Lô - Có tổng quy mô (giá trị) tối thiểu là: + Trường hợp tham gia Lô 1: 4.800.000.000 VNĐ; + Trường hợp tham gia Lô 2: 40.000.000 VNĐ; + Trường hợp tham gia cả hai Lô: 4.840.000.000 VNĐ.			

Ghi chú:

(1) Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;
- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc Tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ thầu thi chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(2) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc
 - Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.
- (3) Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.
- (4) Hợp đồng hoàn thành là Hợp đồng có toàn bộ công việc đã được nghiệm thu hoặc Hợp đồng đã được thanh lý. Trong trường hợp Hợp đồng có thời gian thực hiện lớn hơn 12 tháng, Hợp đồng hoàn thành là Hợp đồng đã hoàn thành tối thiểu 12 tháng và toàn bộ công việc đã hoàn thành được nghiệm thu/ bàn giao.
- (5) Đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện. Đối với các hợp đồng mà Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng thầu bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá..

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị chủ yếu:

a) Nhân sự chủ chốt:

Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế.

Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Nhà thầu được đánh giá đạt tất cả nội dung quy định tại Bảng số 02 thì đáp ứng yêu cầu về nhân sự chủ chốt

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt

Lô 1: Cung cấp dịch vụ Thuê chuyên gia kiểm tra, đánh giá lò thu hồi nhiệt HRSG11-12 và dịch vụ xử lý hiện tượng ăn mòn dòng chảy FAC.

Stt	Vị trí công việc	Tiêu chuẩn đánh giá	Tài liệu yêu cầu
1	Chỉ huy trưởng	Số lượng: 1 người	Kê khai đầy đủ theo mẫu 06A-B-C
		Trình độ: Đại học trở lên chuyên ngành kỹ thuật	Bản sao có công chứng/ chứng thực bằng tốt nghiệp/ chứng nhận/ chứng chỉ.
		Chứng minh khả năng huy động	Bản sao HĐLĐ nếu nhân sự thuộc biên chế của nhà thầu hoặc tài liệu khác để chứng minh nhân sự do nhà thầu huy động còn hiệu lực ít nhất đến thời điểm đóng thầu.
		Kinh nghiệm thi công: tối thiểu 07 năm trong lĩnh vực lắp đặt/ bảo dưỡng sửa chữa nhà máy nhiệt điện	Kê khai đầy đủ theo mẫu 06 C
		Kinh nghiệm thi công tương tự: Đã tham gia ít nhất 02 công trình với vai trò là chỉ huy trưởng	Bản sao y/ chứng thực: Hợp đồng thi công và tài liệu có tên nhân sự tham gia; hoặc bản chứng thực xác nhận của chủ đầu tư (thể hiện rõ vị trí của nhân sự)
2	Chuyên gia nghiên cứu & đánh giá chuyên sâu tình trạng lò thu hồi nhiệt. (HRSG Condition Assessment)	Tiếng Anh: Có chứng chỉ B hoặc tương đương trở lên, giao tiếp lưu loát.	Chứng chỉ B hoặc tương đương trở lên
		Số lượng: 1 người	Kê khai đầy đủ theo mẫu 06A-B-C
		Trình độ: - Chuyên gia từ nhà sản xuất/thiết kế gốc lò thu hồi nhiệt (HRSG) của nhà máy điện Cà Mau, hoặc - Chuyên gia từ tổ chức có chứng chỉ sửa chữa/ thiết kế thiết bị áp lực do ASME/CEN cấp.	Bản sao có công chứng/ chứng thực chứng nhận/ chứng chỉ.
		Chứng minh khả năng huy động	Bản sao HĐLĐ nếu nhân sự thuộc biên chế của nhà thầu hoặc tài liệu khác để chứng minh nhân sự do nhà thầu huy động còn hiệu lực ít nhất đến thời điểm đóng thầu.

Stt	Vị trí công việc	Tiêu chuẩn đánh giá	Tài liệu yêu cầu
3	Chuyên gia khảo sát, kiểm tra tình trạng lò thu hồi nhiệt (HRS Standard Inspection)	Kinh nghiệm thi công: Tối thiểu 10 năm kinh nghiệm vận hành/ khảo sát, kiểm tra đánh giá lò thu hồi nhiệt trong nhà máy điện	Kê khai đầy đủ theo mẫu 06 C
		Kinh nghiệm thi công tương tự: - Đã tham gia tối thiểu 03 Hợp đồng khảo sát kiểm tra, đánh giá chuyên sâu tình trạng lò thu hồi nhiệt trong nhà máy điện chu trình hỗn hợp 2-2-1 có công suất $\geq 700\text{MW}$ với vai trò nghiên cứu & đánh giá chuyên sâu tình trạng lò thu hồi nhiệt (HRS Condition Assessment).	Bản sao y/ chứng thực: Hợp đồng thi công và tài liệu có tên nhân sự tham gia; hoặc bản chứng thực xác nhận của chủ đầu tư (thể hiện rõ vị trí của nhân sự). Tài liệu chứng minh việc hoàn thành Hợp đồng nghiên cứu & đánh giá chuyên sâu tình trạng lò thu hồi nhiệt trong nhà máy điện chu trình hỗn hợp 2-2-1 có công suất $\geq 700\text{MW}$.
		Số lượng: 02 người	Kê khai đầy đủ theo mẫu 06A-B-C
		Trình độ: - Chuyên gia từ nhà sản xuất/thiết kế gốc lò thu hồi nhiệt (HRS) của nhà máy điện Cà Mau, hoặc Chuyên gia từ tổ chức có chứng chỉ sửa chữa/ thiết kế thiết bị áp lực do ASME/CEN cấp. - Có chứng chỉ NDT theo ISO 9712 hoặc ASNT	Bản sao có công chứng/ chứng thực chứng nhận/ chứng chỉ.
		Chứng minh khả năng huy động	Bản sao HỒLĐ nếu nhân sự thuộc biên chế của nhà thầu hoặc tài liệu khác để chứng minh nhân sự do nhà thầu huy động còn hiệu lực ít nhất đến thời điểm đóng thầu.
		Kinh nghiệm thi công: Tối thiểu 10 năm kinh nghiệm vận hành/ khảo sát kiểm tra đánh giá lò thu hồi nhiệt trong nhà máy điện	Kê khai đầy đủ theo mẫu 06C
		Kinh nghiệm thi công tương tự: - Đã tham gia tối thiểu 03 Hợp đồng khảo sát kiểm tra, đánh giá lò thu hồi nhiệt trong nhà máy điện chu trình hỗn hợp 2-2-1 có công suất $\geq 700\text{MW}$ với vai trò nghiên cứu & đánh giá tình trạng lò thu hồi nhiệt (HRS Standard Inspection).	Bản sao y/ chứng thực: Hợp đồng thi công và tài liệu có tên nhân sự tham gia; hoặc bản chứng thực xác nhận của chủ đầu tư (thể hiện rõ vị trí của nhân sự). Tài liệu chứng minh việc hoàn thành Hợp đồng nghiên cứu & đánh giá tình trạng lò thu hồi nhiệt trong nhà máy điện chu trình hỗn hợp 2-2-1 có công suất $\geq 700\text{MW}$.

Stt	Vị trí công việc	Tiêu chuẩn đánh giá	Tài liệu yêu cầu
4	Nhân sự giám sát hàn	Số lượng: 02 người	Kê khai đầy đủ theo mẫu 06A-B-C
		Trình độ: - Có chứng chỉ giám sát hàn CSWIP 3.1/AWS CWI	Bản sao có công chứng/ chứng thực chứng nhận/ chứng chỉ.
		Chứng minh khả năng huy động	Bản sao HĐLĐ nếu nhân sự thuộc biên chế của nhà thầu hoặc tài liệu khác để chứng minh nhân sự do nhà thầu huy động còn hiệu lực ít nhất đến thời điểm đóng thầu.
		Kinh nghiệm thi công: tối thiểu 05 năm kinh nghiệm giám sát hàn	Kê khai đầy đủ theo mẫu 06 C
5	Thợ hàn	Kinh nghiệm thi công tương tự: Đã tham gia tối thiểu 02 công trình hàn ống áp lực lò hơi/ lò thu hồi nhiệt với vai trò giám sát hàn	Bản sao y/ chứng thực: Hợp đồng thi công và tài liệu có tên nhân sự tham gia; hoặc bản chứng thực xác nhận của chủ đầu tư (thể hiện rõ vị trí của nhân sự).
		Số lượng: 10 người	Kê khai đầy đủ theo mẫu 06A-B-C
		Trình độ: Có chứng chỉ hàn 6G	Bản sao có công chứng/ chứng thực chứng nhận/ chứng chỉ.
		Chứng minh khả năng huy động	Bản sao HĐLĐ nếu nhân sự thuộc biên chế của nhà thầu hoặc tài liệu khác để chứng minh nhân sự do nhà thầu huy động còn hiệu lực ít nhất đến thời điểm đóng thầu.
		Kinh nghiệm thi công: tối thiểu 05 năm kinh nghiệm là thợ hàn	Kê khai đầy đủ theo mẫu 06 C
		Kinh nghiệm thi công tương tự: Đã tham gia tối thiểu 02 công trình hàn ống áp lực dàn ket của lò hơi/ lò thu hồi nhiệt	Bản sao y/ chứng thực: Hợp đồng thi công và tài liệu có tên nhân sự tham gia; hoặc bản chứng thực xác nhận của chủ đầu tư (thể hiện rõ vị trí của nhân sự).

Stt	Vị trí công việc	Tiêu chuẩn đánh giá	Tài liệu yêu cầu
6	Thợ lắp đường ống	Số lượng: 12 người	Kê khai đầy đủ theo mẫu 06A-B-C
		Chứng minh khả năng huy động	Bản sao HDLĐ nếu nhân sự thuộc biên chế của nhà thầu hoặc tài liệu khác để chứng minh nhân sự do nhà thầu huy động còn hiệu lực ít nhất đến thời điểm đóng thầu.
		Kinh nghiệm thi công: tối thiểu 05 năm kinh nghiệm là thợ lắp đặt cơ khí tại nhà máy công nghiệp.	Kê khai đầy đủ theo mẫu 06 C
		Kinh nghiệm thi công tương tự: Đã tham gia tối thiểu 02 công trình thi công lắp đặt ống áp lực lò hơi/lò thu hồi nhiệt với vai trò là thợ lắp đặt ống áp lực lò hơi/lò thu hồi nhiệt (hoặc vị trí tương đương).	Bản sao y/ chứng thực: Hợp đồng thi công và tài liệu có tên nhân sự tham gia; hoặc bản chứng thực xác nhận của chủ đầu tư (thể hiện rõ vị trí của nhân sự).
7	Giám sát an toàn	Số lượng: 02 người	Kê khai đầy đủ theo mẫu 06A-B-C
		Trình độ: Có chứng chỉ đào tạo an toàn nhóm 2 còn hiệu lực ít nhất đến thời điểm đóng thầu.	Bản sao có công chứng/ chứng thực chứng nhận/ chứng chỉ.
		Chứng minh khả năng huy động	Bản sao HDLĐ nếu nhân sự thuộc biên chế của nhà thầu hoặc tài liệu khác để chứng minh nhân sự do nhà thầu huy động còn hiệu lực ít nhất đến thời điểm đóng thầu.
		Kinh nghiệm thi công: Có 05 năm kinh nghiệm giám sát an toàn hoặc phụ trách an toàn tại Nhà máy công nghiệp	Kê khai đầy đủ theo mẫu 06 C
8	Nhân sự NDT	Kinh nghiệm thi công tương tự: Đã tham gia 02 công trình dự án lắp đặt/BDSC cho Nhà máy công nghiệp với vai trò là giám sát an toàn	Bản sao y/ chứng thực: Hợp đồng thi công và tài liệu có tên nhân sự tham gia; hoặc bản chứng thực xác nhận của chủ đầu tư (thể hiện rõ vị trí của nhân sự).
		Số lượng: 02 người	Kê khai đầy đủ theo mẫu 06A-B-C
		Trình độ: Có chứng chỉ NDT Level II theo ISO 9712 hoặc ASNT	Bản sao có công chứng/ chứng thực chứng nhận/ chứng chỉ.

Stt	Vị trí công việc	Tiêu chuẩn đánh giá	Tài liệu yêu cầu
		Chứng minh khả năng huy động	Bản sao HĐLĐ nếu nhân sự thuộc biên chế của nhà thầu hoặc tài liệu khác để chứng minh nhân sự do nhà thầu huy động còn hiệu lực ít nhất đến thời điểm đóng thầu.
		Kinh nghiệm thi công: Có 05 năm kinh nghiệm là nhân sự thực hiện công tác NDT	Kê khai đầy đủ theo mẫu 06 C
		Kinh nghiệm thi công tương tự: Đã tham gia 02 công trình dự án lắp đặt/ BDSC cho Nhà máy công nghiệp với vai trò là nhân sự thực hiện NDT	Bản sao y/ chứng thực: Hợp đồng thi công và tài liệu có tên nhân sự tham gia; hoặc bản chứng thực xác nhận của chủ đầu tư (thể hiện rõ vị trí của nhân sự).

Lô 2: Cung cấp dịch vụ Xray cho các van và các đường ống của buồng đốt.

Stt	Vị trí công việc	Tiêu chuẩn đánh giá	Tài liệu yêu cầu
1	Nhân sự thực hiện công tác kiểm tra RT	Số lượng: 02 người	Kê khai đầy đủ theo mẫu 06A-B-C
		Trình độ: Có chứng chỉ RT tối thiểu level 2 theo tiêu chuẩn ISO 9712 hoặc ASNT còn hiệu lực ít nhất đến thời điểm đóng thầu.	Bản sao có công chứng/ chứng thực bằng tốt nghiệp/ chứng nhận/ chứng chỉ.
		Có chứng chỉ an toàn bức xạ do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn hiệu lực ít nhất đến thời điểm đóng thầu	Bản sao HĐLĐ nếu nhân sự thuộc biên chế của nhà thầu hoặc tài liệu khác để chứng minh nhân sự do nhà thầu huy động còn hiệu lực ít nhất đến thời điểm đóng thầu.
		Chứng minh khả năng huy động	Kê khai đầy đủ kinh nghiệm của nhân sự theo mẫu 6C chương IV.
		Kinh nghiệm thi công: tối thiểu 3 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm tra RT	Bản sao y/ chứng thực: Hợp đồng thi công và tài liệu có tên nhân sự tham gia; hoặc bản chứng thực xác nhận của chủ đầu tư (thể hiện rõ vị trí của nhân sự).
2	Giám sát an toàn	Số lượng: 01 người	Kê khai đầy đủ theo mẫu 06A-B-C
		Trình độ: Có chứng chỉ đào tạo an toàn nhóm 2 còn hiệu lực ít nhất đến thời điểm đóng thầu.	Bản sao có công chứng/ chứng thực bằng tốt nghiệp/ chứng nhận/ chứng chỉ.
		Chứng minh khả năng huy động	Bản sao HĐLĐ nếu nhân sự thuộc biên chế của nhà thầu hoặc tài liệu khác để chứng minh nhân sự do nhà thầu huy động còn hiệu lực ít nhất đến thời điểm đóng thầu.
		Kinh nghiệm thi công: Có 02 năm kinh nghiệm giám sát an toàn hoặc phụ trách an toàn tại Nhà máy công nghiệp	Kê khai đầy đủ theo mẫu 06 C
		Kinh nghiệm thi công tương tự: Đã tham gia 01 công trình dự án lắp đặt/BDSC cho Nhà máy công nghiệp với vai trò là giám sát an toàn	Bản sao y/ chứng thực: Hợp đồng thi công và tài liệu có tên nhân sự tham gia; hoặc bản chứng thực xác nhận của chủ đầu tư (thể hiện rõ vị trí của nhân sự).

b) Thiết bị chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu:

Thiết bị chủ yếu có thể thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp thiết bị chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong E-HSMT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động thiết bị (bao gồm cả trường hợp thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế;

Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực trong E-HSMT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSMT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Nhà thầu được đánh giá đạt tất cả nội dung quy định tại Bảng số 03 thì đáp ứng yêu cầu về thiết bị chủ yếu

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các thiết bị chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 06D Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau:

Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị chủ yếu

Lô 1: Cung cấp dịch vụ Thuê chuyên gia kiểm tra, đánh giá lò thu hồi nhiệt HRSG11-12 và dịch vụ xử lý hiện tượng ăn mòn dòng chảy FAC

TT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Đvt	Số lượng tối thiểu
1	Máy vát mép ống trong (phù hợp cho ống 38,1x2,6mm)	Cái	02
2	Máy vát mép ống ngoài (phù hợp cho ống 38,1x2,6mm)	Cái	02
3	Máy hàn Tig 301 hoặc tương đương (các phụ kiện kèm theo, dây nguồn, trong đó dây khí hàn dài 50m, mỏ hàn (bao gồm mỏ hàn tig flexible để hàn trong kẹt), ...)	Bộ	08
4	Bơm thử áp lực áp suất 11 bar còn hiệu lực kiểm định.	Cái	01
5	Máy doa thẳng công suất 300-750 W	Cái	10
6	Mỏ cắt oxy gió đá kèm Gas, oxy	Bộ	02
7	Máy cắt, máy mài 125	Cái	06
8	Ultrasonic thickness (UT) có thể đo dải chiều dày từ 1.0 mm- 200 mm	Cái	01
9	Borescope, dây dài 30m, đầu dò (1 inch, ½ inch)	Cái	01

Lô 2: Cung cấp dịch vụ Xray cho các van và các đường ống của buồng đốt

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Đơn vị	Số lượng tối thiểu
1	Nguồn phóng xạ Ir-192	Cái	01
2	Máy phát tia X	Cái	01
3	Ống dẫn nguồn	Cái	01
4	Collimator tungsten	Cái	01

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Đơn vị	Số lượng tối thiểu
5	Cassette / film holder	Cái	01
6	Tấm chì tăng cường	Cái	02
7	Bộ dụng cụ RT	Bộ	Đầy đủ cho RT
8	Máy đo mật độ (densitometer)	Cái	01

c) Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng phương pháp đạt/ không đạt để xây dựng tiêu chí đánh giá về kỹ thuật.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí trong Bảng số 04 đều được đánh giá là đạt.

Bảng số 04: Tiêu chí đánh giá về kỹ thuật

Lô 1: Cung cấp dịch vụ Thuê chuyên gia kiểm tra, đánh giá lò thu hồi nhiệt HRSG11-12 và dịch vụ xử lý hiện tượng ăn mòn dòng chảy FAC

Nội dung đánh giá		Đạt	Không đạt
I	Đánh giá đối với chuyên gia		
1	Phạm vi công việc		
	Nhà thầu chào đầy đủ phạm vi công việc tại Chương V, Mục 1, điểm 3.1.	Đầy đủ	Không đầy đủ
2	Thời gian huy động		
	Đáp ứng yêu cầu về số lượng chuyên gia và thời gian huy động theo Chương V, Mục 2, điểm 1.1	Đáp ứng	Không đáp ứng
3	Báo cáo của chuyên gia		
	Đáp ứng theo yêu cầu nêu tại Chương V, Mục 2, điểm 1.1	Đáp ứng	Không đáp ứng
II	Đánh giá đối với vật tư thay thế		
1	Phạm vi hàng hóa cung cấp		
	Chào đủ 100% hạng mục hàng hoá theo yêu cầu tại Phụ lục 2, Bảng 1	Đầy đủ	Không đầy đủ
2	Yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa		
2.1	Các thông số kỹ thuật theo yêu cầu tại Phụ lục 2, Bảng 1	Đáp ứng	Không đáp ứng
2.2	Các thông số và yêu cầu kỹ thuật trong trường hợp nhà thầu chào vật tư tương đương theo yêu cầu tại Chương V, Mục 2, Điểm 1.2a hoặc 1.2b	Đáp ứng	Không đáp ứng
2.3	Cung cấp tài liệu kỹ thuật theo danh mục hàng hoá của gói thầu để chứng minh sự phù hợp của hàng hóa theo yêu cầu tại Chương V, Mục 2, Điểm 1.2	Đáp ứng	Không đáp ứng

Nội dung đánh giá		Đạt	Không đạt
2.4	Hàng hóa có đầy đủ thông tin hãng sản xuất và xuất xứ	Đáp ứng	Không đáp ứng
2.5	Hàng mới 100%, chưa qua sử dụng, sản xuất từ 2025	Đáp ứng	Không đáp ứng
3	Tiến độ và địa điểm giao vật tư thay thế		
3.1	Thời gian giao hàng ≤ 60 ngày	Đáp ứng	Không đáp ứng
3.2	Địa điểm giao hàng: Tại NMĐ Cà Mau 1, xã Khánh An, tỉnh Cà Mau	Đáp ứng	Không đáp ứng
4	Chế độ bảo hành		
4.1	Có văn bản cam kết tuân thủ chế độ bảo hành theo yêu cầu tại chương V, Mục 2, Điểm 1.2	Đáp ứng	Không đáp ứng
4.2	Có văn bản cam kết Thời gian bảo hành hàng hóa theo yêu cầu tại chương V, Mục 2, Điểm 1.2	Đáp ứng	Không đáp ứng
III	Tiêu chí đánh giá đối với yêu cầu kỹ thuật phần công việc dịch vụ xử lý hiện tượng ăn mòn dòng chảy FAC lò thu hồi nhiệt HRSG 11-12 <i>*Nhà thầu trình bày tại Biểu mẫu số 10B và đính kèm các tài liệu liên quan</i>		
1	Chào đầy đủ phạm vi công việc theo yêu cầu tại Phụ lục 2, bảng 2	Đáp ứng	Không đáp ứng
2	Công tác chuẩn bị thi công theo yêu cầu nêu tại chương V, mục 2, điểm 1.3a	Đáp ứng	Không đáp ứng
3	Công tác tổ chức thực hiện theo yêu cầu tại chương V, mục 2, điểm 1.3b	Đáp ứng	Không đáp ứng
4	Công tác thi công theo yêu cầu tại chương V, mục 2, điểm 1.3c	Đáp ứng	Không đáp ứng
5	Yêu cầu về nghiệm thu theo yêu cầu tại chương V, mục 2, điểm 1.3d	Đáp ứng	Không đáp ứng
6	Yêu cầu về bảo hành dịch vụ theo yêu cầu tại chương V, mục 2, điểm 1.3e		
7	Yêu cầu về phòng chống cháy nổ theo yêu cầu tại chương V, mục 2, điểm 1.5a	Đáp ứng	Không đáp ứng
8	Yêu cầu về vệ sinh, bảo vệ môi trường theo yêu cầu tại chương V, mục 2, điểm 1.5b	Đáp ứng	Không đáp ứng
9	Yêu cầu về an toàn lao động theo yêu cầu tại chương V, mục 2, điểm 1.5c	Đáp ứng	Không đáp ứng
10	Yêu cầu về biện pháp đảm bảo chất lượng công trình theo yêu cầu tại chương V, mục 2, điểm 1.5e	Đáp ứng	Không đáp ứng
11	Các cam kết của nhà thầu theo yêu cầu tại chương V, mục 3	Đáp ứng	Không đáp ứng

Lô 2: Cung cấp dịch vụ Xray cho các van và các đường ống của buồng đốt

Nội dung đánh giá		Đạt	Không đạt
III	Đánh giá đối với yêu cầu kỹ thuật phần công việc dịch vụ Xray cho các van và các đường ống của buồng đốt <i>*Nhà thầu trình bày tại Biểu mẫu số 10B và đính kèm các tài liệu liên quan</i>		
1	Chào đầy đủ phạm vi công việc theo yêu cầu tại Chương V, Mục 1, điểm 3.2.	Đáp ứng	Không đáp ứng
2	Công tác chuẩn bị thi công theo yêu cầu nêu tại chương V, mục 2, điểm 1.4a	Đáp ứng	Không đáp ứng
3	Công tác tổ chức thực hiện theo yêu cầu tại chương V, mục 2, điểm 1.4b	Đáp ứng	Không đáp ứng
4	Công tác thi công theo yêu cầu tại chương V, mục 2, điểm 1.4c	Đáp ứng	Không đáp ứng
5	Yêu cầu về nghiệm thu theo yêu cầu tại chương V, mục 2, điểm 1.4d	Đáp ứng	Không đáp ứng
6	Yêu cầu về bảo hành dịch vụ theo yêu cầu tại chương V, mục 2, điểm 1.4e	Đáp ứng	Không đáp ứng
7	Yêu cầu về phòng chống cháy nổ theo yêu cầu tại chương V, mục 2, điểm 1.5a	Đáp ứng	Không đáp ứng
8	Yêu cầu về vệ sinh, bảo vệ môi trường theo yêu cầu tại chương V, mục 2, điểm 1.5b	Đáp ứng	Không đáp ứng
9	Yêu cầu về an toàn lao động theo yêu cầu tại chương V, mục 2, điểm 1.5c	Đáp ứng	Không đáp ứng
10	Yêu cầu về biện pháp đảm bảo chất lượng công trình theo yêu cầu tại chương V, mục 2, điểm 1.5e	Đáp ứng	Không đáp ứng
11	Các cam kết của nhà thầu theo yêu cầu tại chương V, mục 3	Đáp ứng	Không đáp ứng

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Phương pháp đánh giá đối với mỗi Lô: Sử dụng phương pháp giá thấp nhất.

Xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có);

Bước 5. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 6. Xếp hạng nhà thầu: E-HSĐT có giá dự thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Việc đánh giá E-HSĐT và xét duyệt trúng thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở bảo đảm tổng giá đề nghị trúng thầu của gói thầu là thấp nhất và giá đề nghị trúng thầu của cả gói thầu không vượt giá gói thầu được duyệt mà không so sánh với ước tính chi phí của từng phần.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện HSDT đáp ứng căn bản HSMT, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá dự thầu có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá dự thầu tương ứng thì đơn giá dự thầu được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá dự thầu nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá dự thầu; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá dự thầu và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá dự thầu của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;
- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSMT;
- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá dự thầu rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá dự thầu sẽ được sửa lại;
- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;
- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về số lượng hàng hóa cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSDT của nhà cung cấp có sai lệch;

Trường hợp có sai lệch thiếu về số lượng hàng hóa cung cấp mà không có đơn giá tương ứng trong HSDT của nhà cung cấp có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

Lấy mức đơn giá dự thầu cao nhất đối với hạng mục công việc mà nhà cung cấp chào thiếu trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDT của các nhà cung cấp vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá dự thầu của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một nhà cung cấp duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSDT của nhà cung cấp này; trường hợp HSDT của nhà cung cấp không có đơn giá dự thầu tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà cung cấp có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu

Mục 5. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập (nếu có)

Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập thì trong E-HSMT phải nêu rõ tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá đối với từng phần hoặc nhiều phần để các nhà thầu tính toán phương án chào thầu theo khả năng của mình. Việc đánh giá E-HSDT và xét duyệt trúng thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở bảo đảm tổng giá đề nghị trúng thầu của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất); tổng giá đánh giá của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá) và giá đề nghị trúng thầu của cả gói thầu không vượt giá gói thầu được duyệt mà không so sánh với ước tính chi phí của từng phần.

Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

Yêu cầu về cách thức thực hiện đối với gói thầu này:

- Tất cả biểu mẫu do Bên mời thầu thực hiện được scan đính kèm E-HSMT.
- Tất cả biểu mẫu do Nhà thầu thực hiện được scan đính kèm E-HSDT.

Stt	Biểu mẫu	Trách nhiệm thực hiện	
		Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01. Phạm vi cung cấp	X	Cam kết
1	Mẫu số 02. Đơn dự thầu		X
2	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh		X
3	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập</i>)		X
4	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh</i>)		X
5	Mẫu số 05. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện		X
6	Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt		X
7	Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt		X
8	Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn		X
9	Mẫu số 06D. Bảng kê khai thiết bị chủ yếu		X
10	Mẫu số 07. Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ		X
11	Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu		X
12	Mẫu số 09A. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ		X
13	Mẫu số 09B. Danh sách các công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc của gói thầu		X
14	Mẫu số 10A. Bảng tiến độ thực hiện		X
15	Mẫu số 10B. Biện pháp thi công		X
16	Mẫu số 11. Bảng giá dự thầu (<i>áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra</i>)		X

PHẠM VI CUNG CẤP

Tên gói thầu: Gói thầu số 16 – Cung cấp dịch vụ thuê chuyên gia kiểm tra đánh giá lò thu hồi nhiệt, dịch vụ xử lý ăn mòn dòng chảy FAC và dịch vụ Xray cho các van và các đường ống của buồng đốt

Mục 1. Giới thiệu chung về gói thầu

1. Giới thiệu chung NMD Cà Mau 1 và các hệ thống thiết bị liên quan đến gói thầu

1.1. Hệ thống lò thu hồi nhiệt

a) Nguyên lý công nghệ của hệ thống:

Lò thu hồi nhiệt NMD Cà Mau 1 là dạng lò ngang, tuần hoàn tự nhiên 3 cấp áp suất: cao áp, trung áp, hạ áp.

Tầng cao áp và trung áp bao gồm các bộ tiết nhiệt (economizer), bộ sinh hơi (evaporator) và hệ thống hơi siêu nhiệt (superheater). Nước được bơm từ bơm nước cấp qua bộ tiết nhiệt đến bao hơi, sau đó nước đi vào bộ sinh hơi. Tại đây hơi được sinh ra bằng cách hấp thụ nhiệt khối thoát từ tuabin khí. Hỗ hợp hơi và nước được đưa về bao hơi tại đây hơi được tách ra và đưa vào hệ thống hơi siêu nhiệt đi vào tuabin hơi.

Tầng hạ áp bao gồm bộ sinh hơi, bao hơi và hơi siêu nhiệt. Nước được bơm từ bơm nước ngưng đi qua bộ gia nhiệt nước ngưng (Preheater) vào bao hơi. Tương tự như phần cao áp, hơi được tách ra tại bao hơi và đi vào hệ thống hơi siêu nhiệt trước khi vào tuabin hơi hạ áp.

b) Thông số kỹ thuật chính của hệ thống lò thu hồi nhiệt

Áp suất (bar)		Nhiệt độ (°C)		Lưu lượng (kg/s)	
VH Gas	VH Dầu	VH Gas	VH Dầu	VH Gas	VH Dầu
Nước cấp cao áp					
138.13	125.46	154	145.9	2x72.692	2x67.407
Nước cấp trung áp					
54.39	48.74	152.4	144.5	2x15.427	2x9.741
Nước cấp hạ áp					
5.74	8.34	152	144.1	2x10.927	2x11.141
Hơi cao áp					
128.72	117.61	567.2	549.1	2x72.692	2x67.407
Hơi trung áp/tái sấy (reheat)					
30.86	26.72	565.3	548	2x85.740	2x74.973
Hơi hạ áp					
4.58	3.86	288.7	274.9	197.598	170.187

c) Van và các đường ống của buồng đốt

Trong thời gian đại tu NMD Cà Mau 1 năm 2026, một số van được thay mới và cần chụp phóng xạ để đánh giá chất lượng mối hàn. Đồng thời chụp phóng xạ các đường ống nhiên liệu cấp vào tuabin khí để kịp thời phát hiện khuyết tật. Các vị trí van, đường ống dự kiến chụp phóng xạ chi tiết tại **Phụ lục 3** đính kèm

1.2. Hiện tượng ăn mòn dòng chảy FAC

Theo khuyến cáo của chuyên gia, một trong những giải pháp giảm hiện tượng ăn mòn dòng chảy (FAC) là nâng cấp vật liệu co ống fin tube của bộ LP EVA từ vật liệu ban đầu SA-192 lên vật liệu chứa crom SA-213 T11 (hàm lượng crom từ 1,0 -1,5%) có độ cứng cao hơn.

2. Phạm vi công việc chung

- Nhà thầu cung cấp nhân sự (bao gồm chuyên gia và nhân sự khác), vật tư thay thế, vật tư tiêu hao, vật liệu phụ, công cụ dụng cụ, máy thi công ... để thực hiện toàn bộ phạm vi công việc chi tiết quy định tại Mục 2 dưới đây, đảm bảo quá trình thực hiện và chất lượng công việc tuân thủ quy trình vận hành & bảo dưỡng thiết bị của nhà máy, các tài liệu kỹ thuật cụ thể cho thiết bị/ hệ thống của nhà máy, các tiêu chuẩn quốc gia/quốc tế quy định
- Địa điểm thực hiện: Tại NMD Cà Mau 1. Địa chỉ: Ấp 6, Xã Khánh An, tỉnh Cà Mau.
- Nhà thầu (bằng chi phí của mình) có quyền được đi khảo sát thực tế tại NMD Cà Mau 1 để đánh giá và cập nhật thêm về tình trạng thiết bị, lịch sử vận hành, BDSC, sự cố, tài liệu hướng dẫn vận hành và BDSC của nhà sản xuất, vật liệu & các thông số kỹ thuật, các dụng cụ đặc biệt được cấp theo thiết bị, các quy trình phối hợp, chất lượng của các thiết bị trong gói thầu tham dự, tình trạng vận hành của các máy công cụ trong xưởng của nhà máy,... và các thông tin cần thiết khác (nếu cần).
- Trong quá trình thi công nếu có bất cứ một thiết bị hay công việc nào của hệ thống thuộc phạm vi danh mục/hạng mục thi công của gói thầu, nhưng chưa được nêu trong phạm vi công việc của HSMT, nếu không làm thay đổi cơ bản tính chất công việc thì nhà thầu vẫn thực hiện công tác mà xem như đó là một phần nội dung công việc đã được thống nhất.
- Nhà thầu phải cam kết và chứng minh việc cung cấp nhân sự, vật tư tiêu hao, vật liệu phụ đáp ứng công việc và tiến độ công việc theo yêu cầu của Chủ đầu tư.
- Nhà thầu phải lập tiến độ thi công tổng thể, các hạng mục chi tiết. báo cáo an toàn thi công, kết quả thực hiện công việc, khuyến cáo bất thường, báo cáo sự cố và báo cáo tổng thể, tham gia họp kiểm điểm tiến độ và xử lý vướng mắc với Chủ đầu tư khi có yêu cầu
- Nhà thầu phải tuân theo chỉ đạo chung của Chủ đầu tư trong công tác phối hợp để xử lý công việc đối với những hạng mục có nhiều bên tham gia thực hiện (chuyên gia, giàn giáo, vật tư thay thế, ...). Nhà thầu phải đáp ứng kịp thời về chất lượng và tiến độ công việc theo quy định.
- Thực hiện các công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi công việc của gói thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư nhằm đảm bảo chất lượng và tiến độ công việc của gói thầu.

Mục 2. Phạm vi công việc Lô 1: Cung cấp dịch vụ Thuê chuyên gia kiểm tra, đánh giá lò thu hồi nhiệt HRSG11-12 và dịch vụ xử lý hiện tượng ăn mòn dòng chảy FAC

1. Phạm vi công việc của Chuyên gia kiểm tra, đánh giá lò thu hồi nhiệt HRSG11-12

Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm

2. Phạm vi công việc cung cấp dịch vụ xử lý hiện tượng ăn mòn dòng chảy FAC

Chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm

Mục 3. Phạm vi công việc Lô 2: Cung cấp dịch vụ Xray cho các van và các đường ống của buồng đốt

Chi tiết tại Phụ lục 3 đính kèm

ĐƠN DỰ THẦU ⁽¹⁾

Ngày: ____ [/]

Tên gói thầu: ____ [/]

Kính gửi: ____ [/]

Sau khi nghiên cứu HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ____ [/], Mã số thuế _____ [/] cam kết thực hiện gói thầu _____ [/] số TBMT: _____ [/] theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT.

Hiệu lực của HSDT: _____ [/]

Bảo đảm dự thầu: _____ [ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu]

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu⁽²⁾: _____ [ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh);
2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;
3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);
6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;
7. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu⁽³⁾;
8. Những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực;
9. Trường hợp trúng thầu, E-HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết;
10. Nếu E-HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 E-CDNT của E-HSMT;
11. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu;
12. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín

khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày chủ đầu tư công khai tên chúng tôi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng.⁽⁵⁾

Ghi chú:

- (1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.
- (2) Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì không áp dụng nội dung này.
- (3) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

Ngày: ____ [/]

Gói thầu: ____ [/]

Thuộc dự án/dự toán mua sắm: ____ [/]

Căn cứ⁽²⁾ ____ [/]

Căn cứ⁽²⁾ ____ [/]

Căn cứ HSMT Gói thầu: ____ [/] với số TBMT: ____ [/]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: ____ [/]

Mã số thuế: ____ [/];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: ____ [/]

Mã số thuế: ____ [/];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Tên thành viên liên danh thứ n: ____ [/]

Mã số thuế: ____ [/];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu ____ [/] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [/].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____ [ghi tên của liên danh].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [/] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [/] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công ____ [thành viên lập liên danh] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp HSDT cho cả liên danh.

[-Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ HSDT hoặc văn bản đề nghị rút HSDT;

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;
- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo (nếu có), hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây ⁽⁴⁾:

STT	Tên các thành viên trong liên danh	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh ()	- ____ - ____	- ____ % - ____ %
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____ % - ____ %
....			
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
- Hủy thầu gói thầu ____ [/] thuộc dự án/ dự toán mua sắm ____ [/] theo thông báo của Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phần mà nhà thầu liên danh tham dự thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh đối với phần tham dự thầu.

(2) Nhà thầu cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E hoặc 11G). Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập)

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): ____ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 BDL hoặc tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1 BDL]

Ngày phát hành bảo lãnh: ____ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ____ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ____ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là ____ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/TBMT số ____ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu bằng một khoản tiền là ____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Theo yêu cầu của nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁴⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà thầu có văn bản rút HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) hoặc đã đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) nhưng từ chối ký biên bản đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có), trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày

kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong HSDT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Ghi theo quy định tại Mục 18.2 BDL.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 19.1 BDLCDNT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾*(áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh)*

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): _____ *[ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 BDL hoặc ghi tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1 BDL]*

Ngày phát hành bảo lãnh: _____ *[ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: _____ *[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

Bên bảo lãnh: _____ *[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là _____ *[ghi tên nhà thầu]⁽²⁾* (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu _____ *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án/dự toán mua sắm _____ *[ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* theo Thư mời thầu/TBMT số _____ *[ghi số trích yếu của Thư mời thầu/TBMT]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là _____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong _____⁽³⁾ ngày, kể từ ngày _____ tháng _____ năm _____⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁵⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là _____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà thầu có văn bản rút HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) hoặc đã đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) nhưng từ chối ký biên bản đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có), trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

7. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh _____ *[ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh]* vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi nhà thầu ký

kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong HSDT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định tại Mục 18.2 BDL.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 19.1 CDNT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN ⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*.

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>		
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Giá hợp đồng ⁽³⁾	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>		Tương đương ____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ____ VND
Tên dự án/ dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]</i>		
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>		
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]</i>		
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]</i>		
E-mail:	<i>[ghi địa chỉ e-mail]</i>		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III⁽²⁾			
1. Loại dịch vụ	<i>[ghi thông tin phù hợp]</i>		
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện ⁽³⁾	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>		
3. Quy mô thực hiện	<i>[ghi quy mô theo hợp đồng]</i>		
4. Các đặc tính khác	<i>[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]</i>		

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá và nhà thầu cung cấp bản sao công chứng/chứng thực hợp đồng, biên bản nghiệm thu khối lượng, thanh lý hợp đồng

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự chủ chốt này để tham gia thực hiện gói thầu.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1		<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
2		
...		

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
Stt	Tên	Căn cước công dân/Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chức chỉ/ Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bản, chứng chỉ có liên quan) trong quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng.

BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN⁽¹⁾

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/Hợp đồng/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]	...	...	...
2	...			

Ghi chú:

(1) Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu.

Nhà thầu phải chuẩn bị tài liệu chứng minh các nội dung đã kê khai để đối chiếu trong quá trình đối chiếu tài liệu.

BẢNG KÊ KHAI THIẾT BỊ CHỦ YẾU

Nhà thầu phải kê khai những thiết bị chủ yếu theo quy định tại điểm b Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các thiết bị này để tham gia thực hiện gói thầu. Thiết bị chủ yếu có thể thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong HSDT không đáp ứng yêu cầu, bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng thiết bị chủ yếu trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị chủ yếu thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Loại thiết bị		
Thông tin thiết bị	Tên nhà sản xuất	Đời máy (model)
	Công suất (*)	Năm sản xuất (*)
	Tính năng	Xuất xứ Số đăng ký/đăng kiểm (nếu có)
Hiện trạng	Địa điểm hiện tại của thiết bị	
	Thông tin về tình hình huy động, sử dụng thiết bị hiện tại	
Nguồn	Nêu rõ nguồn thiết bị ☐ Sở hữu của nhà thầu ☐ Đi thuê ☐ Cho thuê ☐ Chế tạo đặc biệt	

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

Chủ sở hữu	Tên chủ sở hữu	
	Địa chỉ chủ sở hữu	
	Số điện thoại	Tên và chức danh
	Số fax	Telex
Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho dự án		

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại khoản 2.1 Mục 2 Chương III

“ Không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm ____ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.

“ Có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm ____ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.

Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ. Trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ____ tháng ____ đến ngày ____ tháng ____ (nhà thầu điền nội dung này) Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của HSMT (trên cơ sở năm tài chính của nhà thầu)			
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)⁽²⁾			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSMT/số năm.

Nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai như sau:

Bản sao y chứng thực các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán;
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ⁽¹⁾

STT	Tên nhà thầu phụ ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ ⁽⁶⁾
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động nhà thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong HSDT.

**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU⁽¹⁾**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên ⁽²⁾	Công việc đảm nhận trong gói thầu ⁽³⁾	Giá trị % so với giá dự thầu ⁽⁴⁾	Ghi chú
1				
2				
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại Mẫu này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

BẢNG TIỀN ĐỘ THỰC HIỆN

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ do nhà thầu đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Biểu mẫu nêu trên để tham khảo, Nhà thầu điều chỉnh hoặc bổ sung nội dung theo đúng yêu cầu của từng gói thầu về tiến độ đối với chuyên gia, về vật tư thay thế, về dịch vụ

BIỆN PHÁP THI CÔNG

- 1. Tổng quan dự án**
 - 1.1. Tổng quan
 - 1.2. Tài liệu tham khảo và tiêu chuẩn áp dụng
- 2. Phạm vi công việc:**
 - 2.1. Cung cấp chuyên gia (nếu có)
 - a. Phạm vi công việc và số lượng chuyên gia
 - b. Thời gian huy động và biểu đồ huy động
 - c. Chế độ làm việc
 - 2.2. Cung cấp vật tư thay thế (nếu có)
 - 2.3. Cung cấp Dịch vụ bao gồm nhân công khác, vật tư tiêu hao, công cụ dụng cụ.
- 3. Giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thi công**
 - 3.1. Công tác chuẩn bị thi công
 - 3.2. Tổ chức mặt bằng thi công
 - a. Phương án bố trí mặt bằng công trường, lán trại tạm, thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu.
 - b. Cách thức bố trí rào chắn, biển báo.
 - c. Giải pháp cấp điện, cấp nước, thoát nước phục vụ thi công và phương án cấp điện dự phòng trong trường hợp nguồn điện công trường không đáp ứng yêu cầu
 - 3.3 Tổ chức thực hiện
 - a. Sơ đồ tổ chức và biểu đồ nhân lực thi công.
 - b. Phương án huy động đầy đủ số lượng và chất lượng nhân lực
 - c. Tiến độ thi công chi tiết
 - d. Biểu đồ huy động nhân lực, vật tư, thiết bị thi công
 - e. Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công khi có rủi ro khách quan
 - f. Phối hợp với các bên thực hiện tốt phạm vi công việc:
 - Phương án phối hợp giữa các bộ phận của nhà thầu.
 - Phương án phối hợp giữa nhà thầu và Chủ đầu tư.
 - Phương án phối hợp giữa nhà thầu và các cơ quan địa phương chính quyền.
 - 3.4 Công tác thi công
 - 3.5 Công tác tổ chức nghiệm thu các giai đoạn thi công và nghiệm thu tổng thể công trình
 - 3.6. Công tác an toàn sức khỏe môi trường
 - a. Công tác phòng, chống cháy, nổ
 - b. Công tác vệ sinh, bảo vệ môi trường
 - c. Công tác an toàn lao động
 - d. Tuân thủ quy định ATSKMT
 - 3.7 Biện pháp đảm bảo chất lượng
 - a. Quy trình quản lý chất lượng thi công
 - b. Biện pháp đảm bảo chất lượng vật tư, thiết bị
 - c. Biện pháp đảm bảo chất lượng công trình
 - 3.8 Bảo hành, bảo trì
 - a. Thời gian bảo hành
 - b. Biện pháp tổ chức thực hiện công tác bảo hành
- 4. Các cam kết trách nhiệm thực hiện hợp đồng.**

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU

Giá dự thầu bao gồm chi phí nhân công tổng hợp (trực tiếp và gián tiếp), vật tư thay thế, vật tư tiêu hao, vật liệu phụ, công cụ dụng cụ, máy thi công để thực hiện toàn bộ phạm vi công việc của gói thầu.

Giá dự thầu đã bao gồm tất cả chi phí thuế, phí, lệ phí, chi phí dự phòng (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất thuế GTGT 10%, các mức phí, lệ phí khác tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

Nhà thầu chào đầy đủ giá dự thầu cho mỗi hạng mục chi tiết tại các Phụ lục đính kèm HSMT và tổng hợp giá dự thầu vào mẫu này.

Bảng tổng hợp giá dự thầu được kết chuyển từ từ các bảng tính chi tiết của từng hạng mục công việc và chi phí liên quan trong hồ sơ dự thầu như sau:

STT	Dịch vụ	Mô tả	Thành tiền Giá dự thầu	Ghi chú
	LÔ 1			
1	Thuê chuyên gia kiểm tra, đánh giá lò thu hồi nhiệt HRSG 11-12	Phụ lục 1		Trọn gói
1.1	<i>Chuyên gia HRSG Condition Assessment</i>			
1.2	<i>Chuyên gia HRSG Standard Inspection</i>			
2	Dịch vụ xử lý hiện tượng ăn mòn dòng chảy FAC			
2.1	<i>Chi phí vật tư thay thế</i>	<i>1 gói</i>		Trọn gói
2.2	<i>Chi phí dịch vụ (bao gồm nhân công khác, vật tư tiêu hao, vật liệu phụ, công cụ dụng cụ, máy thi công)</i>			Đơn giá cố định
	LÔ 2			
1	Dịch vụ Xray cho các van và các đường ống của buồng đốt	Phụ lục 3		Đơn giá cố định
	Tổng cộng giá dự thầu trước thuế			
	Thuế GTGT 10%			
	Giá dự thầu đã bao gồm thuế GTGT			

Phần 2. PHẠM VI CÔNG VIỆC & YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. PHẠM VI CÔNG VIỆC & YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Phạm vi công việc

1. Giới thiệu chung về các hệ thống thiết bị liên quan đến gói thầu

1.1. Hệ thống lò thu hồi nhiệt

a) Nguyên lý công nghệ của hệ thống:

Lò thu hồi nhiệt NMD Cà Mau 1 là dạng lò ngang, tuần hoàn tự nhiên 3 cấp áp suất: cao áp, trung áp, hạ áp.

Tầng cao áp và trung áp bao gồm các bộ tiết nhiệt (economizer), bộ sinh hơi (evaporator) và hệ thống hơi siêu nhiệt (superheater). Nước được bơm từ bơm nước cấp qua bộ tiết nhiệt đến bao hơi, sau đó nước đi vào bộ sinh hơi. Tại đây hơi được sinh ra bằng cách hấp thụ nhiệt khối thoát từ tuabin khí. Hỗ hợp hơi và nước được đưa về bao hơi tại đây hơi được tách ra và đưa vào hệ thống hơi siêu nhiệt đi vào tuabin hơi.

Tầng hạ áp bao gồm bộ sinh hơi, bao hơi và hơi siêu nhiệt. Nước được bơm từ bơm nước ngưng đi qua bộ gia nhiệt nước ngưng (Preheater) vào bao hơi. Tương tự như phần cao áp, hơi được tách ra tại bao hơi và đi vào hệ thống hơi siêu nhiệt trước khi vào tuabin hơi hạ áp.

b) Thông số kỹ thuật chính của hệ thống lò thu hồi nhiệt

Áp suất (bar)		Nhiệt độ (°C)		Lưu lượng (kg/s)	
VH Gas	VH Dầu	VH Gas	VH Dầu	VH Gas	VH Dầu
Nước cấp cao áp					
138.13	125.46	154	145.9	2x72.692	2x67.407
Nước cấp trung áp					
54.39	48.74	152.4	144.5	2x15.427	2x9.741
Nước cấp hạ áp					
5.74	8.34	152	144.1	2x10.927	2x11.141
Hơi cao áp					
128.72	117.61	567.2	549.1	2x72.692	2x67.407
Hơi trung áp/tái sấy (reheat)					
30.86	26.72	565.3	548	2x85.740	2x74.973
Hơi hạ áp					
4.58	3.86	288.7	274.9	197.598	170.187

c) Van và các đường ống của buồng đốt

Trong thời gian đại tu NMD Cà Mau 1 năm 2026, một số van được thay mới và cần chụp phóng xạ để đánh giá chất lượng mối hàn. Đồng thời chụp phóng xạ các đường ống nhiên liệu cấp vào tuabin khí để kịp thời phát hiện khuyết tật. Các vị trí van, đường ống dự kiến chụp phóng xạ chi tiết tại **Phụ lục 3** đính kèm

d) Mục tiêu công việc

Lô 1: Cung cấp dịch vụ thuê chuyên gia kiểm tra, đánh giá lò thu hồi nhiệt HRSG11-12 và dịch vụ xử lý hiện tượng ăn mòn dòng chảy FAC.

- Cung cấp dịch vụ thuê chuyên gia có năng lực để thực hiện kiểm tra, đánh giá chuyên sâu tình trạng lò thu hồi nhiệt HRSG 11-12 nhằm thảo luận về các đề xuất, hình ảnh và danh sách tóm tắt ưu tiên của tất cả các đề xuất để theo dõi sự suy giảm hoặc các vấn đề phát sinh trong tương lai.
- Cung cấp dịch vụ xử lý hiện tượng ăn mòn dòng chảy FAC lò thu hồi nhiệt HRSG 11-12, bao gồm:
 - + Cung cấp vật tư thay thế;
 - + Cung cấp dịch vụ thi công, lắp đặt co, ống: Nhà thầu cung cấp nhân sự, công cụ dụng cụ, máy móc thiết bị, vật tư tiêu hao, ... thi công hàn cắt co ống, ống LP Eva và riser pipe LP lò thu hồi nhiệt 11, 12;
 - + Kiểm tra NDT toàn bộ các mối hàn ống trao đổi nhiệt;
 - + Làm sạch, thử áp toàn bộ hệ thống sinh hơi hạ áp sau khi thi công lắp đặt xong;
 - + Hoàn thiện báo cáo sau khi hoàn thành công tác thi công xử lý FAC.

1.2. Hiện tượng ăn mòn dòng chảy FAC

Theo khuyến cáo của chuyên gia, một trong những giải pháp giảm hiện tượng ăn mòn dòng chảy (FAC) là nâng cấp vật liệu co ống fin tube của bộ LP EVA từ vật liệu ban đầu SA-192 lên vật liệu chứa crom SA-213 T11 (hàm lượng crom từ 1,0 -1,5%) có độ cứng cao hơn.

Mục tiêu công việc:

Lô 2: Cung cấp dịch vụ Xray cho các van và các đường ống của buồng đốt nhằm phát hiện bất thường các mối hàn để xử lý kịp thời.

2. Phạm vi công việc chung

- Nhà thầu cung cấp nhân sự (bao gồm chuyên gia và nhân sự khác), vật tư thay thế, vật tư tiêu hao, vật liệu phụ, công cụ dụng cụ, máy thi công ... để thực hiện toàn bộ phạm vi công việc chi tiết quy định tại các Phụ lục được liệt kê dưới đây, đảm bảo quá trình thực hiện và chất lượng công việc tuân thủ quy trình vận hành & bảo dưỡng thiết bị của nhà máy, các tài liệu kỹ thuật cụ thể cho thiết bị/ hệ thống của nhà máy, các tiêu chuẩn quốc gia/ quốc tế quy định.
- Địa điểm thực hiện: Tại NMD Cà Mau 1. Địa chỉ: Ấp 6, Xã Khánh An, tỉnh Cà Mau.
- Nhà thầu (bằng chi phí của mình) có quyền được đi khảo sát thực tế tại NMD Cà Mau 1 để đánh giá và cập nhật thêm về tình trạng thiết bị, lịch sử vận hành, BDSC, sự cố, tài liệu hướng dẫn vận hành và BDSC của nhà sản xuất, vật liệu & các thông số kỹ thuật, các dụng cụ đặc biệt được cấp theo thiết bị, các quy trình phối hợp, chất lượng của các thiết bị trong gói thầu tham dự, tình trạng vận hành của các máy công cụ trong xưởng của nhà máy,... và các thông tin cần thiết khác (nếu cần).
- Trong quá trình thi công nếu có bất cứ một thiết bị hay công việc nào của hệ thống thuộc phạm vi danh mục/hạng mục thi công của gói thầu, nhưng chưa được nêu trong phạm vi công việc của HSMT, nếu không làm thay đổi cơ bản tính chất công việc thì nhà thầu vẫn thực hiện công tác mà xem như đó là một phần nội dung công việc đã được thống nhất.
- Nhà thầu phải cam kết và chứng minh việc cung cấp nhân sự, vật tư tiêu hao, vật liệu phụ đáp ứng công việc và tiến độ công việc theo yêu cầu của Chủ đầu tư.
- Nhà thầu phải lập tiến độ thi công tổng thể, các hạng mục chi tiết, báo cáo an toàn thi công, kết quả thực hiện công việc, khuyến cáo bất thường, báo cáo sự cố và báo cáo tổng thể, tham gia họp kiểm điểm tiến độ và xử lý vướng mắc với Chủ đầu tư khi có yêu cầu.

- Nhà thầu phải tuân theo chỉ đạo chung của Chủ đầu tư trong công tác phối hợp để xử lý công việc đối với những hạng mục có nhiều bên tham gia thực hiện (chuyên gia, giàn giáo, vật tư thay thế, ...). Nhà thầu phải đáp ứng kịp thời về chất lượng và tiến độ công việc theo quy định.
- Thực hiện các công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi công việc của gói thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư nhằm đảm bảo chất lượng và tiến độ công việc của gói thầu.

3. Phạm vi công việc chi tiết

3.1. Lô 1: Cung cấp dịch vụ Thuê chuyên gia kiểm tra, đánh giá lò thu hồi nhiệt HRSG11-12 và dịch vụ xử lý hiện tượng ăn mòn dòng chảy FAC

a) Thời gian thực hiện

- Thời gian làm việc của chuyên gia: Tổng thời gian huy động tối thiểu là 11 ngày/ 02 lò kể từ ngày bàn giao khu vực công tác, dự kiến bắt đầu từ tháng 8/2026. Cụ thể tại Phụ lục 1 đính kèm.
- Thời gian cung cấp vật tư thay thế: 60 ngày và không muộn hơn ngày 15/8/2026, kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực, tùy theo thời điểm nào đến trước.
- Thời gian cung cấp dịch vụ xử lý hiện tượng ăn mòn dòng chảy FAC: Thực hiện đồng thời 02 lò, trong vòng 30 ngày/ 02 lò và không muộn hơn ngày 19/9/2026 kể từ ngày bàn giao khu vực công tác, tùy theo thời điểm nào đến trước.

b) Phạm vi công việc của Chuyên gia kiểm tra, đánh giá lò thu hồi nhiệt HRSG11-12

Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm

c) Phạm vi công việc cung cấp dịch vụ xử lý hiện tượng ăn mòn dòng chảy FAC

Chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm

3.2. Lô 2: Cung cấp dịch vụ Xray cho các van và các đường ống của buồng đốt

a) Thời gian thực hiện

Thời gian cung cấp dịch vụ Xray trong vòng 20 ngày và không muộn hơn ngày 30/9/2026 kể từ ngày bàn giao mặt bằng thi công, dự kiến bắt đầu từ tháng 8/2026.

b) Phạm vi công việc chi tiết cung cấp dịch vụ Xray

Chi tiết tại Phụ lục 3 đính kèm.

Mục 2. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu.

1. Lô 1: Cung cấp dịch vụ thuê chuyên gia kiểm tra, đánh giá lò thu hồi nhiệt HRSG 11-12 và dịch vụ xử lý hiện tượng ăn mòn dòng chảy FAC

1.1. Yêu cầu đối với chuyên gia

Phạm vi công việc của chuyên gia: Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm

- Số lượng chuyên gia: Tối thiểu 03 người, bao gồm tối thiểu 01 chuyên gia nghiên cứu & đánh giá chuyên sâu tình trạng lò thu hồi nhiệt (HRSG Condition Assessment) và 02 chuyên gia khảo sát, kiểm tra tình trạng lò thu hồi nhiệt (HRSG Standard Inspection)
- Thời gian huy động chuyên gia tại công trường tối thiểu 11 ngày/ 2 lò, bắt đầu trong tháng 8/2026.
- Thời gian huy động thực tế có thể thay đổi phù hợp với tiến độ công tác sửa chữa tại công trường. Thời gian huy động thực tế sẽ được Chủ đầu tư thông báo bằng văn bản trước ít nhất 07 ngày.

Yêu cầu đối với **phương án thực hiện**, sản phẩm báo cáo của chuyên gia bao gồm:

- Kế hoạch cụ thể từng bước công tác đánh giá hai lò thu hồi nhiệt NMD Cà Mau 1.
- Báo cáo hàng ngày.
- Trong ngày làm việc thứ N, báo cáo kế hoạch làm việc chi tiết cho ngày N+1.
- Báo cáo theo giai đoạn theo tiến độ thực hiện tại công trường bao gồm khuyến cáo các bước tiếp theo (nếu có).
- Báo cáo đánh giá lò thu hồi nhiệt HRS11-12 đầy đủ nội dung gồm quá trình kiểm tra, thu thập, phân tích dữ liệu; đánh giá, kết luận và đưa ra khuyến cáo cần thực hiện cho chủ đầu tư. Báo cáo đính kèm đầy đủ hình ảnh để dẫn chứng.

1.2. Yêu cầu đối với vật tư thay thế phục vụ xử lý hiện tượng ăn mòn dòng chảy FAC lò thu hồi nhiệt HRS11-12

- Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ hàng hóa như danh mục tại Phụ lục 2;
- Thời gian giao hàng: 60 ngày và không muộn hơn ngày 15/8/2026, kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực, tùy theo thời điểm nào đến trước.
- Địa điểm giao hàng: Tại Nhà máy điện Cà Mau 1, xã Khánh An, tỉnh Cà Mau.
- Thông số kỹ thuật: Đáp ứng đầy đủ các thông số kỹ thuật của từng mục theo yêu cầu tại Phụ lục 2. Nhà thầu cung cấp tài liệu kỹ thuật hoặc bản vẽ kỹ thuật của các vật tư, trong đó thể hiện các thông số kỹ thuật cơ bản của vật tư.
- Hàng mới 100%, chưa qua sử dụng, sản xuất từ năm 2025 trở về đây.
- Hàng hóa phải đảm bảo đồng bộ, tương thích với Hệ thống/thiết bị mà nó kết nối, bao gồm:
 - + Đồng bộ tương thích lắp ghép;
 - + Đồng bộ tương thích với đặc tính làm việc của thiết bị;
 - + Đồng bộ tương thích về khả năng làm việc: Khả năng chịu lực, làm kín, độ bền;
 - + Không gây ảnh hưởng phụ tới đặc tính vận hành của thiết bị: Công suất, hiệu suất, tuổi thọ.
 - + Không gián tiếp là nguyên nhân phát sinh làm hư hỏng các bộ phận còn lại của thiết bị.
- Nhà thầu cam kết Hàng hóa có đầy đủ chứng chỉ chất lượng (C/Q) của nhà sản xuất.
- Thời gian bảo hành: Bằng thời gian bảo hành của nhà sản xuất hoặc tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu giá trị hàng hóa tùy theo điều kiện nào dài hơn
- Chế độ bảo hành: Nhà thầu phải cung cấp cam kết về chế độ bảo hành hàng hóa như sau:
 - + Nhà thầu phải cam kết hàng hóa được cung cấp theo Hợp đồng sẽ không có các khuyết tật có thể dẫn đến những bất lợi trong quá trình sử dụng bình thường của hàng hóa.
 - + Nếu Chủ đầu tư phát hiện thấy hàng hóa (hoặc một phần hàng hóa) không đúng như các quy định, mô tả kỹ thuật, bị khiếm khuyết, sai quy cách, hư hỏng, Chủ đầu tư có quyền từ chối không nhận hàng hóa hoặc yêu cầu Nhà thầu phải gửi bổ sung hoặc thay thế hàng hóa (hoặc một phần hàng hóa) sai quy cách hay bị hư hỏng bằng các hàng hóa (hoặc một phần hàng hóa) mới theo đúng các yêu cầu kỹ thuật và các điều kiện được quy định. Nhà thầu phải chịu mọi phí tổn liên quan đến việc thay thế này. Hàng hóa (hoặc một phần hàng hóa) được thay thế sẽ được bảo hành tiếp trong khoảng thời gian tương đương với thời hạn bảo hành quy định kể từ thời điểm thay thế.
 - + Trong thời gian bảo hành, nếu Nhà thầu không khắc phục được các khiếm khuyết, hư hỏng hoặc không thay thế kịp thời hàng hóa (hoặc một phần hàng hóa) trong khoảng thời gian yêu cầu trong văn bản thông báo của chủ đầu tư, Chủ đầu tư sẽ tự khắc phục

sửa chữa hoặc thay mới bằng nhân lực và chi phí của mình hoặc thông qua Bên thứ ba. Nhà thầu chịu trách nhiệm hoàn trả cho Chủ đầu tư toàn bộ số tiền phát sinh căn cứ theo các chứng từ hợp lệ mà Chủ đầu tư cung cấp.

Nhà thầu có quyền chào vật tư thay thế tương đương. Tiêu chí đánh giá đối với vật tư thay thế tương đương như sau:

a) Đối với hàng hóa tương đương là hàng hóa thay thế đã sản xuất và sử dụng trên thị trường

Bước 1: chứng minh hàng hóa tương đương đã sử dụng trên thị trường

Nhà thầu cần chứng minh một trong các yêu cầu sau:

- Nhà thầu cần phải cấp các hợp đồng cung cấp hàng hóa thay thế tương đương và xác nhận của đơn vị sử dụng để chứng minh: Hàng hóa tương đương đã được kiểm chứng đảm bảo đủ độ tin cậy bởi Tổng công ty/ Đơn vị trực thuộc/ Công ty con/ Công ty liên kết hoặc doanh nghiệp khác trong nước/ngoài nước hoạt động trong cùng lĩnh vực bao gồm:
 - + Danh mục hàng hóa phù hợp với gói thầu đang xét;
 - + Thời gian sử dụng ≥ 12 tháng;
 - + Chất lượng hàng hóa đáp ứng các tiêu chí vận hành ổn định.
- Hoặc 01 hợp đồng/ đơn đặt hàng cung cấp hàng hóa thay thế tương đương kèm theo xác nhận của đơn vị sử dụng (phải có đầy đủ thông tin liên hệ, tên, chức vụ để chủ đầu tư có thể xác minh khi cần thiết) để chứng minh hàng hóa tương đương đã được kiểm chứng đảm bảo đủ độ tin cậy bởi các đơn vị hoạt động trong cùng lĩnh vực với dự án.
- Hoặc nhà thầu chứng minh được các hàng hóa tương đương đó đã được sản xuất/chế tạo tại cơ sở sản xuất của đơn vị cung cấp cho nhà sản xuất gốc đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật và chất lượng.

Bước 2: đánh giá kỹ thuật đối với hàng hóa tương đương là hàng hóa thay thế

Các tiêu chí đánh giá hàng tương đương như sau:

- Chức năng của thiết bị, vật tư, phụ tùng;
- Môi trường, điều kiện làm việc của thiết bị, vật tư, phụ tùng;
- Thông số kỹ thuật đặc trưng của hàng hóa, vật tư, phụ tùng;
- Tính kiểm chứng: những sản phẩm tương tự đã được sản xuất của nhà sản xuất tương đương, đánh giá chất lượng và tuổi thọ hàng hóa tương đương;
- Cam kết hỗ trợ kỹ thuật, cam kết bảo hành, cam kết đảm bảo tài chính đối với hàng hóa sản xuất tương đương;
- Có bảng phân tích, so sánh chi tiết: Thông số, đặc tính kỹ thuật, thành phần vật liệu, tiêu chuẩn chế tạo/sản xuất... của hàng hóa và cung cấp đầy đủ tài liệu để chứng minh;
- Ít nhất 01 hợp đồng cung cấp vật tư/thiết bị tương tự;
- Có xác nhận của ít nhất 1 người sử dụng cuối cùng hàng hóa đảm bảo về chất lượng hàng trong khoảng thời gian tương đương với tuổi thọ bình quân của vật tư/thiết bị của NSX gốc.
- Các tài liệu chứng minh sử dụng tiếng Anh hoặc tiếng Việt và phải đáp ứng yêu cầu theo quy định về tài liệu kỹ thuật;

- Có cam kết hỗ trợ kỹ thuật khi lắp đặt, phản hồi trong 24 giờ làm việc khi có yêu cầu của Chủ đầu tư; cam kết bảo hành, cam kết đảm bảo tài chính đối với hàng hóa sản xuất tương đương;
- Trong trường hợp mua thiết bị, hệ thống nếu trong hồ sơ có quy định cụ thể về công nghệ, nhà thầu được phép chào công nghệ khác với điều kiện nhà thầu phải chứng minh và có xác nhận của người sử dụng công nghệ đó có tuổi thọ, chi phí vận hành, tính ổn định, độ chính xác tốt hơn hoặc bằng đối với công nghệ đang yêu cầu.
- Nhà thầu có trách nhiệm tổ chức cho Bên mời thầu tham quan, tìm hiểu trực tiếp tại đơn vị sử dụng hàng tương đương nếu Bên mời thầu thấy cần thiết trước khi phê duyệt KQLCNT/điều kiện để ký kết hợp đồng. Chi phí sẽ do Bên mời thầu chi trả.

b) Yêu cầu về bảo hành với hàng hóa tương đương khi được lựa chọn:

- Với hàng hóa tương đương chưa được Tổng công ty/ Đơn vị trực thuộc/ Công ty con/ Công ty liên kết kiểm chứng nhưng đã được kiểm chứng bảo đảm đủ độ tin cậy bởi doanh nghiệp khác trong nước hoạt động trong cùng lĩnh vực thì cần yêu cầu thời gian bảo hành tăng thêm 06 tháng và giá trị bảo hành tăng thêm 100% so với hàng hóa của Nhà sản xuất gốc;
- Với hàng hóa tương đương chưa được Tổng công ty/Đơn vị trực thuộc/Công ty con/Công ty liên kết và doanh nghiệp khác trong nước hoạt động trong cùng lĩnh vực kiểm chứng bảo đảm đủ độ tin cậy thì cần yêu cầu thời gian bảo hành tăng thêm 12 tháng và giá trị bảo hành tăng thêm 300% so với hàng hóa của Nhà sản xuất gốc.

1.3. Yêu cầu kỹ thuật đối với phần công việc dịch vụ xử lý hiện tượng ăn mòn dòng chảy FAC lò thu hồi nhiệt HRS 11-12

a) Công tác chuẩn bị thi công

- Nhà thầu phải chuẩn bị biện pháp tổ chức thi công chi tiết cho gói thầu, sơ đồ tổ chức thi công, các giải pháp kỹ thuật, biện pháp đảm bảo chất lượng công trình, bảo hành.
- Nhà thầu phải bố trí đủ lực lượng, phương tiện để tiếp nhận vật tư theo đúng quy định và phải có các biện pháp quản lý để đảm bảo chất lượng, số lượng vật tư trước khi đưa vào sử dụng.
- Nhà thầu phải chuẩn bị máy móc, dụng cụ thi công phải được liệt kê đầy đủ theo nội dung công việc và phải phù hợp với nội dung công việc. Các thiết bị nằm trong danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo quy định.
- Các thợ hàn sẽ được kiểm tra tay nghề tại công trường trước khi thi công.

b) Tổ chức thực hiện

Nhà thầu phải trình bày các nội dung sau:

- Nhà thầu phải có sơ đồ bố trí nhân lực thi công cho các bộ phận quản lý chất lượng, tiến độ, các nhóm (tổ) thi công ... chi tiết, phù hợp với nội dung công việc và tiến độ. Trong đó, qui định trách nhiệm của từng chức danh, từng bộ phận từ công tác chuẩn bị, thi công, theo dõi, giám sát, chạy thử nghiệm thu đến bàn giao đưa vào sử dụng.
- Nhà thầu phải cam kết huy động tối thiểu 46 nhân sự có mặt tại công trường để đảm bảo chất lượng, tiến độ công việc.
- Nhà thầu có phương án bố trí mặt bằng công trường, kho dụng cụ, kho vật tư, lán trại tạm, thiết bị thi công ...
- Nhà thầu có cách thức bố trí rào chắn, biển báo; tiêu chuẩn áp dụng, tiêu chuẩn phải phù hợp với qui định về an toàn hiện hành của Quốc gia.
- Nhà thầu phải có sơ đồ bố trí nhân lực thi công cho các bộ phận quản lý chất lượng, tiến độ, các nhóm (tổ) thi công ... chi tiết, phù hợp với nội dung công việc và tiến độ. Trong đó, qui

định trách nhiệm của từng chức danh, từng bộ phận từ công tác chuẩn bị, thi công, theo dõi, giám sát, chạy thử nghiệm thu đến bàn giao đưa vào sử dụng.

c) Công tác thi công

Nhà thầu phải trình bày các nội dung sau:

- Thời gian cung cấp dịch vụ xử lý hiện tượng ăn mòn dòng chảy FAC: Thực hiện đồng thời 02 lò, trong vòng 30 ngày/ 02 lò và không muộn hơn ngày 19/9/2026 kể từ ngày bàn giao khu vực công tác, tùy theo thời điểm nào đến trước.
- Tiến độ thi công: Trên cơ sở phạm vi công việc, Nhà thầu lập biểu tiến độ thi công chi tiết cho từng hạng mục công việc theo ngày. Bảng tiến độ thi công phải khả thi và phù hợp với yêu cầu thời gian thực hiện công việc. Trong đó:
 - + Vật tư tiêu hao, công cụ, dụng cụ tập kết tại công trường trước 07 ngày kể từ ngày yêu cầu sửa chữa.
 - + Nhà thầu phải cung cấp danh sách nhân sự thi công cho chủ đầu tư trước 07 ngày và nhân sự phải tập kết tại công trường trước 03 ngày kể từ ngày yêu cầu sửa chữa để phục vụ công tác tập huấn an toàn trước khi bắt đầu thi công.
 - + Vật tư thay thế: Thời gian giao hàng đáp ứng đúng yêu cầu.
 - + Nhà thầu phải lường trước được một số rủi ro khách quan và nêu rõ biện pháp giải quyết khi xảy ra để đảm bảo tiến độ thi công. Trong khoảng thời gian không thể thi công do điều kiện khách quan, Nhà thầu theo hướng dẫn của Chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi rủi ro khách quan.
- Nhà thầu phải trình bày cụ thể từng bước công tác xử lý hiện trạng ăn mòn dòng chảy (FAC) của hai lò thu hồi nhiệt NMT Cà Mau 1.
- Nhà thầu phải trình Quy trình hàn đã được áp dụng tại NMT Cà Mau tương ứng với công tác thi công xử lý hiện trạng ăn mòn dòng chảy (FAC).
- Nhà thầu có Phương án xử lý các bất thường trong quá trình bảo dưỡng sửa chữa.
- Việc sửa chữa, thay thế mới các chi tiết, không làm sai lệch thiết kế ban đầu của thiết bị.
- Trong suốt quá trình thử áp lực hệ thống LP-EVA nhà thầu phải bố trí đủ lực lượng có chuyên ngành phù hợp. Tất cả các lỗi không phải do vận hành gây ra thì nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.
- Biện pháp thi công do Nhà thầu lập phải phù hợp với các tiêu chuẩn áp dụng, điều kiện thi công thực tế tại hiện trường.
- Nhà thầu phải đảm bảo quá trình thi công công trình không làm ảnh hưởng đến sản xuất của Chủ đầu tư. Mọi vấn đề thi công nếu ảnh hưởng đến sản xuất của bên mời thầu chỉ được phép thực hiện sau khi được phép của Chủ đầu tư.
- Tối đa 15 ngày sau khi Hợp đồng có hiệu lực, Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư biện pháp thi công chi tiết cho từng hạng mục công việc và trình Chủ đầu tư xem xét chấp thuận.

d) Yêu cầu về nghiệm thu

- Đối với vật tư là tấm thép, nhà thầu phải cung cấp chứng chỉ chất lượng hàng hóa;
- Trước khi thực hiện hàn/thay thế cho lớp ống kế tiếp, nhà thầu phải thông báo và được sự đồng ý của bên mời thầu;
- Nhà thầu phải cung cấp báo cáo công việc hoàn thành (đính kèm hình ảnh, biên bản thử nghiệm NDT, biên bản làm sạch và thử áp).

- Nhà thầu phải cung cấp giấy chứng nhận thử áp toàn bộ hệ thống sinh hơi hạ áp (LP EVAP) sau khi thi công xong (đơn vị có chức năng cấp).

e) Yêu cầu về bảo hành

Thời gian bảo hành dịch vụ 12 tháng kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

1.4. Yêu cầu kỹ thuật cho Lô 2: Cung cấp dịch vụ Xray cho các van và các đường ống của buồng đốt

a) Công tác chuẩn bị thi công

- Nhà thầu trình bày công tác huy động nhân sự, các máy phục vụ thi công liệt kê đầy đủ theo nội dung công việc, đảm bảo không ảnh hưởng đến chất lượng và tiến độ công việc.
- Nhân sự có chứng chỉ hợp lệ
- Có giấy tờ chứng minh máy móc, thiết bị thuộc quyền sở hữu của Nhà thầu hoặc nếu đi thuê thì phải có cam kết của đơn vị cho thuê với thời gian thuê đáp ứng yêu cầu trong HSMT (ít nhất bằng với thời gian thực hiện gói thầu), thiết bị được hiệu chuẩn.

b) Tổ chức thực hiện

Nhà thầu phải trình bày các nội dung sau:

- Nhà thầu có phương án bố trí mặt bằng công trường, kho dụng cụ, kho vật tư, lán trại tạm, thiết bị thi công ...
- Nhà thầu có cách thức bố trí rào chắn, biển báo; tiêu chuẩn áp dụng, tiêu chuẩn phải phù hợp với qui định về an toàn hiện hành của Quốc gia.
- Nhà thầu phải có sơ đồ bố trí nhân lực thi công cho các bộ phận quản lý chất lượng, tiến độ, các nhóm (tổ) thi công ... chi tiết, phù hợp với nội dung công việc và tiến độ. Trong đó, qui định trách nhiệm của từng chức danh, từng bộ phận từ công tác chuẩn bị, thi công, theo dõi, giám sát, chạy thử nghiệm thu đến bàn giao đưa vào sử dụng.
- Tối đa 15 ngày sau khi Hợp đồng có hiệu lực, Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư biện pháp thi công chi tiết cho từng hạng mục công việc và trình Chủ đầu tư xem xét chấp thuận.

c) Công tác thi công

Nhà thầu phải trình bày các nội dung sau:

- Thời gian cung cấp dịch vụ Xray trong vòng 20 ngày và không muộn hơn ngày 30/9/2026 kể từ ngày bàn giao mặt bằng thi công, dự kiến bắt đầu từ tháng 8/2026.
- Nhà thầu phải bố trí công việc hợp lý (về huy động nhân sự; Máy móc thiết bị, vật tư,...).
- Nhà thầu phải trình bày Biện pháp thi công cụ thể từng bước cho công tác Xray.
- Thực hiện đúng quy trình NDT đã phê duyệt.
- Đảm bảo tiến độ yêu cầu thời gian thực hiện của gói thầu.
- Tối đa 20 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng, Nhà thầu đệ trình Bên mời thầu biện pháp thi công chi tiết cho từng hạng mục công việc xem xét chấp thuận.

d) Công tác an toàn về bức xạ

- Đối với các công tác cần sử dụng nguồn X-ray Nhà thầu cần thông báo và được cho phép, thỏa thuận với Chủ đầu tư/nhà máy và cần thỏa mãn với các quy định hiện hành của pháp luật, Chủ đầu tư, Tiêu chuẩn quốc tế và các yêu cầu hiện trường khác. Không cho phép đem bất cứ nguồn X-Ray nào vào khu vực mà chưa được sự cho phép của Chủ đầu tư.

- Cần thiết lập giới hạn khu vực nguy hiểm và có cảnh báo chỉ rõ khu vực bức xạ xung quanh nguồn phát X-Ray.
- Khi thực hiện công tác tại hiện trường, Nhà thầu cần thiết lập giới hạn khu vực nguy hiểm, khu vực ảnh hưởng và thông báo cho Chủ đầu tư/nhà máy trước khi thực hiện tối thiểu 04 giờ, trong thông báo Nhà thầu cần thông tin rõ thời gian thực hiện, vị trí thực hiện, các khu vực ảnh hưởng,... để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho con người và thiết bị.

e) Yêu cầu về nghiệm thu

- Trong vòng 30 ngày kể từ ngày dừng máy, Nhà thầu trình Chủ đầu tư Báo cáo cuối cùng phải bao gồm các biên bản ghi nhận hình ảnh vị trí NDT của từng điểm; danh mục kiểm tra (check list); báo cáo kết quả thực hiện; các tồn tại, khuyến cáo.

f) Yêu cầu về bảo hành: Không yêu cầu.

1.5. Yêu kỹ thuật chung đối với phần cung cấp dịch vụ của 2 Lô:

Lô 1: phần công việc dịch vụ xử lý hiện tượng ăn mòn dòng chảy FAC lò thu hồi nhiệt HRSG 11-12.

Lô 2: Cung cấp dịch vụ Xray cho các van và các đường ống của buồng đốt

a) Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ

- Nhà thầu phải tuân thủ nội quy phòng cháy và chữa cháy, nội quy sử dụng điện của Chủ đầu tư tại Nhà máy điện, phải áp dụng tất cả các biện pháp phòng cháy chữa cháy cần thiết, trang bị và duy trì bằng chi phí của Nhà thầu các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy lưu động mà Nhà thầu hoặc Chủ đầu tư cho là cần thiết, và tuân theo mọi quy định hiện hành của luật pháp Việt Nam về phòng chống cháy nổ.
- Nhà thầu sẽ phải bồi thường và không gây tổn hại đến Chủ đầu tư đối với mọi thiệt hại hoặc tổn thất do hậu quả cháy gây ra và Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm đối với mọi thiệt hại và tổn thất trong khu vực Nhà thầu chịu trách nhiệm, gồm cả khu vực của Nhà thầu phụ.

b) Yêu cầu về vệ sinh, bảo vệ môi trường

- Nhà thầu phải áp dụng tất cả các biện pháp thích hợp để bảo vệ môi trường (cả khu vực trong Nhà máy và tại lán trại) để giới hạn thiệt hại và ảnh hưởng đối với người và tài sản do ô nhiễm, tiếng ồn và do các hoạt động của Nhà thầu.
- Nhà thầu có trách nhiệm báo trước cho Chủ đầu tư và nhà máy biết nếu có ý định đem hóa chất độc hại hay các nguồn chứa hóa chất vào nhà máy. Cần phải nêu rõ tên hóa chất, chủng loại, mức độ nguy hiểm và các biện pháp an toàn áp dụng khi sử dụng hóa chất đó.
- Nhà thầu phải đảm bảo thao tác an toàn, không để rò rỉ hóa chất gây ảnh hưởng tới con người và môi trường xung quanh, phải có kế hoạch sử dụng và lưu trữ hợp lý, tránh xảy ra tai nạn liên quan tới hóa chất đang sử dụng hoặc tạm thời không sử dụng.
- Khi không cần sử dụng nữa, hóa chất độc hại phải được nhanh chóng đưa ra khỏi khu vực thao tác; hóa chất thải cần được thu gom đúng quy định, quản lý chặt chẽ.
- Nhà thầu có trách nhiệm dọn dẹp, vệ sinh hiện trường sau mỗi lần sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, máy móc... Rác thải trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa sẽ được Nhà thầu gom vào thùng rác và/hoặc nơi do Chủ đầu tư quy định. Quy trình thu gom và xử lý chất thải cần được thống nhất trước khi thực hiện công việc.
- Rác thải độc hại thải ra trong quá trình thực hiện công việc phải được thu gom vào thùng chứa riêng và bàn giao lại cho Chủ đầu tư/nhà máy sau khi hoàn thành công việc.
- Chủ đầu tư cần được thông báo và xin ý kiến trong các trường hợp còn nghi ngại về các phân loại một loại rác thải nào đó.

- Nhà thầu phải thông báo ngay lập tức cho Chủ đầu tư/nhà máy trong trường hợp xảy ra rò rỉ chất thải hay sự cố tương tự. Bất cứ sự rò rỉ dầu nào đều cần được xử lý ngay lập tức. Nhà thầu cần xây dựng sẵn phương án xử lý khi xảy ra rò rỉ chất thải hay tràn dầu và trình Chủ đầu tư phê duyệt.
- Nghiêm cấm xả dầu thải hay bất cứ chất thải ô nhiễm nào khác vào cống, kênh thoát nước, hồ nước thải... Tất cả dầu thải cần được phân loại và chứa trong thùng chứa thích hợp, thu gom đến địa điểm tập kết do Chủ đầu tư quy định.
- Nhà thầu, trong khả năng và phạm vi trách nhiệm của mình, cần đảm bảo thiết lập và duy trì trong suốt thời gian thao tác một môi trường và không gian làm việc an toàn và không gây ảnh hưởng xấu tới sức khỏe người lao động.

c) Yêu cầu về an toàn lao động

- Nhà thầu phải lập các biện pháp an toàn cho người, thiết bị và công trình có trên mặt bằng thi công, kể cả cho các thiết bị và công trình phụ cận.
- Biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên công trường để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo để phòng tai nạn.
- Nhà thầu phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải đình chỉ thi công. Nếu Nhà thầu để xảy ra vi phạm về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của mình thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Nhà thầu phải có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động cho người lao động của mình. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì người lao động phải có giấy chứng nhận đào tạo lao động phù hợp.
- Nhà thầu phải cam kết nhân sự của Nhà thầu có giấy khám sức khỏe định kỳ và bảo hiểm tai nạn lao động phù hợp theo quy định và cung cấp đầy đủ theo yêu cầu của Chủ đầu tư.
- Nhà thầu có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, an toàn lao động người lao động.
- Khi có sự cố về an toàn lao động, Nhà thầu và các bên liên quan có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật, đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường thiệt hại do Nhà thầu không bảo đảm an toàn lao động gây ra.
- Nhà thầu phải quan tâm đầy đủ đến việc phòng ngừa và thực hiện các khuyến cáo của Bộ Y tế, phòng chống bệnh truyền nhiễm nhóm A (nếu có) theo quy định hiện hành của Chính phủ, Bộ y tế, đảm bảo an toàn và sức khỏe cho nhân lực của Nhà thầu. Phối hợp với các cơ quan y tế địa phương, Nhà thầu phải đảm bảo rằng các nhân viên y tế, các phương tiện cấp cứu theo quy định của Nhà nước đối với Công trình.
- Nhà thầu cung cấp danh sách nhân sự kèm theo chứng chỉ, chứng nhận huấn luyện an toàn vệ sinh lao động liên quan đang còn hiệu lực (ít nhất tính đến thời điểm đóng thầu). Cam kết sẽ hoàn thiện hiệu lực đối với các chứng chỉ, chứng nhận đến thời điểm thi công hết hiệu lực, như sau:
 - + Giấy chứng nhận huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động/Thẻ an toàn lao động.
 - + Chứng chỉ của những người lao động làm những công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo quy định hiện hành của nhà nước
 - + Cam kết đối với nhân sự khi làm việc hàn cắt kim loại, thiết bị nâng hạ, trên cao, không gian hạn chế, , hóa chất.. có đầy đủ thẻ an toàn tương ứng/ hồ sơ đào tạo phù hợp với các quy định an toàn của nhà nước.

- + Tối đa 20 ngày sau khi ký Hợp đồng Nhà thầu phải hoàn thiện và trình Chủ đầu tư Hồ sơ An toàn Sức khỏe Môi trường để xem xét chấp thuận.

d) Yêu cầu về tuân thủ quy định ATSKMT

- Nhà thầu phải nộp cam kết tuân thủ trong HSDT và phải tuyệt đối tuân thủ trong quá trình thực hiện về các biện pháp bảo đảm an toàn, phòng chống cháy nổ và giữ gìn vệ sinh môi trường trong suốt quá trình thi công trên công trường theo quy định hiện hành của Bên mời thầu/ PV Power Ca Mau. Trường hợp Nhà thầu vi phạm quy định ATSKMT, Nhà thầu sẽ bị phạt theo quy định. Tất cả các chi phí phạt hành vi vi phạm của các nhân vi phạm, người giám sát an toàn của cá nhân vi phạm cũng như xử phạt hành chính đơn vị quản lý nhân sự vi phạm đều được trừ trực tiếp vào giá trị thực hiện hợp đồng của đơn vị quản lý nhân sự vi phạm.
- Nhà thầu có trách nhiệm phổ biến quy định ATSKMT tới toàn bộ nhân sự tham gia hợp đồng để biết và thực hiện.

e) Biện pháp đảm bảo chất lượng

Quy trình quản lý chất lượng thi công

Yêu cầu Nhà thầu liệt kê các quy trình quản lý chất lượng thi công được áp dụng nếu trúng thầu, các quy trình quản lý chất lượng thi công phải phù hợp tiêu chuẩn của nhà chế tạo hoặc quy định hiện hành của quốc gia/quốc tế.

Biện pháp đảm bảo chất lượng vật tư, thiết bị

Nhà thầu phải nêu biện pháp đảm bảo chất lượng toàn bộ vật tư, thiết bị sẽ đưa vào gói thầu, trong đó nêu cụ thể:

- Lập bảng danh mục toàn bộ vật tư, vật liệu, thiết bị sẽ đưa vào gói thầu và vật tư phục vụ cho biện pháp thi công.
- Cách thức chung bảo quản số lượng, chất lượng vật tư, vật liệu và thiết bị.
- Giải pháp xử lý vật tư, vật liệu và thiết bị phát hiện không phù hợp với yêu cầu gói thầu.
- Nhà thầu phải nêu biện pháp bảo quản vật tư, vật liệu, thiết bị công trình khi mưa bão.

Biện pháp đảm bảo chất lượng công trình

Nhà thầu phải trình bày biện pháp quản lý chất lượng thi công cho toàn bộ công trình và cho từng hạng mục công trình. Biện pháp quản lý chất lượng phải quy định trách nhiệm của từng chức danh, từng bộ phận từ công tác chuẩn bị, thi công, theo dõi giám sát, chạy thử nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng.

Nhà thầu phải cam kết:

- Việc Biện pháp thi công của Nhà thầu được thông qua không làm giảm trừ trách nhiệm của Nhà thầu đối với chất lượng và tiến độ thi công cho từng hạng mục và toàn bộ công trình. Đảm bảo chất lượng, thi công công trình không ảnh hưởng đến sản xuất của bên mời thầu, bảo hành toàn bộ công trình.
- Trường hợp do lỗi của nhà thầu làm thiệt hại đến bên mời thầu thì nhà thầu phải cam kết chịu trách nhiệm bồi hoàn hoặc phải cam kết chịu trách nhiệm trước cơ quan chức năng tùy theo mức độ thiệt hại gây nên.

f) Phân chia trách nhiệm

Cơ sở hạ tầng kỹ thuật hiện có: Chủ đầu tư có nguồn điện, nước, khí nén, cầu trục phục vụ thi công và sẽ cung cấp dịch vụ cho nhà thầu tại các điểm đầu nối của mình khi Nhà thầu có nhu cầu sử dụng (khi có nhu cầu sử dụng nhà thầu làm văn bản đăng ký với Chủ đầu tư và thực hiện theo quy định hiện hành của Chủ đầu tư), chi tiết như bảng sau:

STT	Nội dung	Bên mời thầu	Nhà thầu
1	Điện, nước thi công	x	
2	Khí nén phục vụ thi công	x	
3	Trong trường hợp có nhu cầu và được phép của CĐT thì Nhà thầu được sử dụng một số thiết bị trong workshop. Sau khi hoàn thiện công việc nhà thầu có trách nhiệm hoàn trả nguyên trạng và đảm bảo các tính năng sử dụng.	x	
4	Cung cấp giàn giáo và lắp đặt theo biện pháp thi công của nhà thầu (nếu có)	x	
5	Chỉ dẫn cho nhà thầu các yêu cầu chung về an toàn và đặc thù cho từng khu vực.	x	
6	Tổ chức họp kiểm điểm tiến độ cùng ngày với nhà thầu.	x	
7	Cấp giấy phép làm việc	x	
8	Thực hiện công tác theo phạm vi công việc		x
9	Lập giải pháp/ Biện pháp tổ chức thi công		x
10	Biện pháp tổ chức thi công phải được CĐT chấp thuận và Nhà thầu phê duyệt trước khi thi công.		x
11	Lập quy trình nghiệm thu và phải được chủ đầu tư chấp thuận trước khi thực hiện.		x
12	Lập tiến độ thi công		x
13	Lập sơ đồ tổ chức thi công		x
14	Chuẩn bị mặt bằng thi công		x
15	Cung cấp máy thi công, công cụ dụng cụ, vật tư tiêu hao, vật liệu phụ phục vụ thi công		x
16	Đèn chiếu sáng tại các khu vực thi công.		x
17	Cam kết hợp tác & thực hiện các công việc phát sinh trong quá trình BDSC.		x
18	Lập báo cáo tiến độ hàng ngày trình Chủ đầu tư và tham gia họp kiểm điểm tiến độ hàng ngày với CĐT		x
19	Nhà ở, lán trại/nơi nghỉ tạm ở công trường, ăn uống, đi lại cho công nhân trong thời gian thực hiện SCDK tại Nhà máy		x
20	Lập Báo cáo kết quả thực hiện (đính kèm hình ảnh và khuyến cáo)		x

Mục 3: Cam kết trách nhiệm thực hiện Hợp đồng

Nhà thầu phải cam kết chịu trách nhiệm cung cấp đủ số lượng và đảm bảo chất lượng tư tiêu hao/ vật liệu phụ mới 100% chưa qua sử dụng, để không ảnh hưởng đến tiến độ thi công và chất lượng công trình. Đối với lô Lô 1, danh mục bao gồm nhưng không hạn chế chủng loại cần thiết đáp ứng yêu cầu công tác trong quá trình thực hiện tại Phụ lục 2, bảng 3.

Nhà thầu cam kết cung cấp đầy đủ công cụ dụng cụ, máy thi công phục vụ thi công. Đối với các thiết bị đo, thiết bị nâng, thiết bị thủy lực ... phục vụ thi công trang bị cho gói thầu có giấy chứng nhận kiểm định còn hạn sử dụng.

Nhà thầu cam kết hệ thống/ thiết bị sau sửa chữa đảm bảo yêu cầu vận hành bình thường của thiết bị.

Nhà thầu cam kết ngay sau 20 ngày hợp đồng có hiệu lực nhà thầu sẽ lập biện pháp thi công chi tiết cho từng hạng mục công việc, biện pháp nghiệm thu, kiểm tra... đáp ứng theo các yêu cầu của tài liệu OEM, phù hợp các tiêu chuẩn, quy chuẩn có liên quan đáp ứng theo yêu cầu tại Phần 2, Chương V, Mục 2 và trình Chủ đầu tư.

Nhà thầu cam kết đảm bảo tiến độ thi công phù hợp theo yêu cầu thời gian thực hiện của gói thầu.

Nhà thầu cam kết trong mọi trường hợp, việc thay đổi nhân sự phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư/ Bên mời thầu.

Nhà thầu cam kết trong mọi trường hợp thay đổi nhân sự, nhân sự thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn nhân sự đã đề xuất.

Nhà thầu cam kết không thay đổi nhân sự chủ chốt (Chỉ huy trưởng/đội trưởng thi công, cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý chất lượng, tổ trưởng/trưởng nhóm thi công) theo các thông tin tại hồ sơ dự thầu. Trong trường hợp bắt buộc, Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh không thể huy động nhân sự chủ chốt đó, chỉ sau khi có sự chấp thuận của Chủ đầu tư, nhà thầu mới thay thế nhân sự chủ chốt. Trong trường hợp bắt buộc phải thay thế nhân sự chủ chốt do ốm đau, mất khả năng lao động, chuyển công tác,... Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh không thể huy động nhân sự chủ chốt như sau:

- Tài liệu chứng minh lý do bắt buộc thay thế (trường hợp ốm đau, mất khả năng lao động có xác nhận của bệnh viện, cơ quan có thẩm quyền);
- Tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm của vị trí thay thế nhân sự theo đúng yêu cầu của HSMT.

Nhà thầu phải cam kết nếu trúng thầu sẽ huy động số lượng nhân công kỹ thuật trực tiếp thực hiện gói thầu phù hợp với tiến độ thi công và đáp ứng yêu cầu của gói thầu.

Cam kết ngay trong vòng 20 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng Nhà thầu sẽ trình Hồ sơ An toàn Sức khỏe Môi trường, biện pháp thi công chi tiết cho từng hệ thống/thiết bị, Check list/biện pháp nghiệm thu, kiểm tra... đáp ứng theo các yêu cầu của Chủ đầu tư/ tài liệu OEM, phù hợp các tiêu chuẩn, quy chuẩn có liên quan đáp ứng theo yêu cầu tại Chương V, mục 2 và trình Chủ đầu tư. Trường hợp trong vòng 20 ngày kể từ khi ký Hợp đồng mà Nhà thầu chưa trình Hồ sơ An toàn Sức khỏe Môi trường (Hồ sơ ATSKMT), biện pháp thi công, check list/biện pháp nghiệm thu, kiểm tra, cho Chủ đầu tư, Nhà thầu bằng năng lực/trách nhiệm của mình sẽ hoàn thành đầy đủ theo quy định.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

Mẫu số 14. Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng

Mẫu số 15. Hợp đồng

Mẫu số 16. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

Mẫu số 17. Bảo lãnh tiền tạm ứng.

THƯ CHẤP THUẬN HSĐT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận HSĐT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Chủ đầu tư _____ [ghi tên chủ đầu tư] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [ghi tên, số hiệu gói thầu], Bên mời thầu _____ [ghi tên Bên mời thầu] (sau đây gọi tắt là “Bên mời thầu”) thông báo: Chủ đầu tư đã chấp thuận HSĐT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu _____ [ghi tên, số hiệu gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần thì ghi tên, số hiệu của phần mà nhà thầu được công nhận trúng thầu] với giá hợp đồng là _____ [ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu] với thời gian thực hiện gói thầu là _____ [ghi thời gian thực hiện gói thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu].

Đề nghị nhà thầu có văn bản trả lời công văn này và cam kết các nội dung sau:

1. Nhà thầu cam kết trong mọi trường hợp, việc thay đổi nhân sự phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.
2. Nhà thầu cam kết trong mọi trường hợp thay đổi nhân sự, nhân sự thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn nhân sự đã đề xuất.
3. Nhà thầu cam kết không thay đổi nhân sự chủ chốt theo các thông tin tại hồ sơ dự thầu. Trong trường hợp bất buộc, chỉ sau khi có sự chấp thuận của Chủ đầu tư, nhà thầu mới thay thế nhân sự chủ chốt.
4. Nhà thầu cam kết không thay đổi quá 30% tổng số nhân sự trực tiếp huy động cho gói thầu.
5. Nhà thầu cam kết trong trường hợp nhà thầu trúng cả 2 Lô của gói thầu, Nhà thầu không được sử dụng nhân sự chủ chốt, nhân sự kỹ thuật chính của gói thầu này để thực hiện bất kỳ công việc nào khác nằm ngoài phạm vi gói thầu.

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: _____ [ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng], tại địa điểm _____ [ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng, trường hợp hoàn thiện hợp đồng trên Hệ thống thì nêu rõ];

- Thời gian ký kết hợp đồng: _____ [ghi thời gian ký kết hợp đồng]; tại địa điểm _____ [ghi địa điểm ký kết hợp đồng], gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 15 Chương VIII – Biểu mẫu hợp đồng của HSMT với số tiền _____ và thời gian hiệu lực _____ [ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của HSMT].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó nhà thầu phải cam kết năng lực hiện tại của nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu của HSMT. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽¹⁾ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm

thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả bảo đảm dự thầu.

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [ghi tên gói thầu]

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 của Quốc hội;
- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội;
- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] và thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Bên mời thầu;
- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và Nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

BÊN A: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM – CTCP – TRUNG TÂM DỊCH VỤ KỸ THUẬT

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ với các nội dung sau:

Điều 1. Các định nghĩa

Trong Hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được diễn giải như sau:

- 1.1. "Hợp đồng" là thỏa thuận giữa Bên A và Bên B, thể hiện bằng văn bản này, được hai Bên ký kết, bao gồm cả các Phụ lục và tài liệu kèm theo.
- 1.2. "Bên A": Là Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật (PV Power TSC).
- 1.3. "Bên B": Là
- 1.4. "Hai Bên" là Bên A và Bên B.
- 1.5. "Ngày" là ngày dương lịch.
- 1.6. "Tuần" là 07 ngày dương lịch.
- 1.7. "Nhà máy" hoặc "NMNĐ Cà Mau 1" là toàn bộ các hệ thống công nghệ, thiết bị, các công trình phụ trợ cấu thành Nhà máy điện Cà Mau 1.
- 1.8. "Hàng hóa": Là các loại vật tư thay thế, tài liệu kỹ thuật kèm theo mà Bên B phải cung cấp cho Bên A theo quy định tại Phụ lục của Hợp đồng này.
- 1.9. "Dịch vụ" là (Bao gồm toàn bộ nhân công, vật tư thay thế/ Hàng hóa, vật tư tiêu hao, công cụ dụng cụ do Bên B cung cấp để thực hiện)
- 1.10. "Giá Hợp đồng": Là tổng số tiền mà Bên A phải trả cho Bên B theo Hợp đồng khi Bên B thực hiện đầy đủ và trọn vẹn nghĩa vụ Hợp đồng của mình.
- 1.11. "Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa" viết tắt là C/O: Tên tiếng Anh là Certificate of Origin, là văn bản hoặc các hình thức có giá trị pháp lý tương đương do cơ quan, tổ chức thuộc nước, nhóm nước, hoặc vùng lãnh thổ xuất khẩu hàng hóa cấp dựa trên quy định và yêu cầu liên quan về xuất xứ, chỉ rõ nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa đó.
- 1.12. "Giấy chứng nhận chất lượng" viết tắt là C/Q: Tên tiếng Anh là Certificate of Quality, là loại giấy tờ xác nhận rằng hàng hóa có chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn của nhà sản xuất hoặc các tiêu chuẩn quốc tế hoặc các tài liệu có tính chất tương tự.
- 1.13. "HSMT": Hồ sơ mời thầu
- 1.14. "HSDT": Hồ sơ dự thầu
- 1.15. "VND": Đồng Việt Nam
- 1.16. "An toàn sức khỏe môi trường" Viết tắt : ATSKMT –gồm các vấn đề về an toàn vệ sinh lao động, sức khỏe người lao động và môi trường làm việc, môi trường tự nhiên, xã hội.

Điều 2. Thành phần Hợp đồng

Thành phần Hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau và là bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng.

- 2.1. Văn bản hợp đồng (các điều khoản và các Phụ lục kèm theo Hợp đồng), các Sửa đổi, Bổ sung Hợp đồng (nếu có).
- 2.2. Biên bản thương thảo hoàn thiện Hợp đồng.
- 2.3. Hồ sơ dự thầu.
- 2.4. Hồ sơ mời thầu.
- 2.5. Các tài liệu khác kèm theo (nếu có).

Điều 3. Đối tượng Hợp đồng

- 1.1. Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý thực hiện công việc theo Phạm vi công việc chi

tiết tại Phụ lục.....

Đối tượng Hợp đồng bao gồm:

Phân chuyên gia:.....

Phân vật tư thay thế....

Phân Dịch vụ.....

Điều 4. Loại Hợp đồng và giá trị Hợp đồng

Loại Hợp đồng:

Tổng giá trị Hợp đồng: VNĐ (đã bao gồm thuế GTGT, thuế suất 10 %).

Bằng chữ:

*Giá trị Hợp đồng chi tiết tại **Phụ lục** đính kèm.*

Giá trị nêu trên đã bao gồm toàn bộ chi phí thực hiện dịch vụ (chi phí nhân công, vật tư tiêu hao, vật liệu phụ, công cụ dụng cụ, máy móc thiết bị thi công, chi phí phòng chống bệnh truyền nhiễm nhóm A (nếu có) theo quy định hiện hành của Chính phủ, Bộ y tế, Sở ban ngành địa phương và các chi phí phát sinh liên quan khác) để thực hiện toàn bộ phạm vi công việc theo chi tiết quy định tại Phụ lục 1 của Hợp đồng, kể cả việc sử dụng vật tư trong giai đoạn bảo hành.

Trường hợp mức thuế suất thuế GTGT thay đổi dẫn đến thay đổi Giá Hợp đồng, khi đó Giá Hợp đồng sẽ được điều chỉnh tương ứng.

Điều 5. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng và Bảo lãnh bảo hành

5.1. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng

Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng hoặc 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Bên B nhận được bản gốc Hợp đồng tùy theo ngày nào đến sau, Bên B phải nộp cho Bên A bảo đảm thực hiện hợp đồng với nội dung yêu cầu như sau:

- Hình thức Bảo đảm thực hiện Hợp đồng: Thư Bảo lãnh vô điều kiện không hủy ngang của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
- Giá trị Bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10% giá Hợp đồng.
- Hiệu lực: Bảo đảm thực hiện Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành nhưng không muộn hơn 07 ngày làm việc kể từ ngày ký Hợp đồng và có hiệu lực đến ngày phát hành Bảo lãnh bảo hành hoặc đến ngày Trường hợp đến ngày hết hạn của Bảo đảm thực hiện Hợp đồng mà Bên B chưa nộp Bảo lãnh bảo hành cho Bên A thì Bên B có trách nhiệm thực hiện gia hạn thời gian Bảo đảm thực hiện Hợp đồng thêm 60 ngày kể từ ngày Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng hết hạn.
- Quy định khác
 - + Bảo đảm thực hiện Hợp đồng sẽ được trả cho Bên A trong trường hợp Bên B vi phạm bất kỳ nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào của mình theo Hợp đồng. Để tránh nhầm lẫn, việc chi trả Bảo đảm thực hiện Hợp đồng như trên sẽ không loại bỏ trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại của Bên B cho Bên A đối với các thiệt hại xảy ra của Bên A xuất phát từ lỗi của Bên B.
 - + Trường hợp sau khi ký kết Hợp đồng 07 ngày làm việc mà Bên B vẫn chưa nộp cho Bên A Bảo đảm thực hiện Hợp đồng thì Bên B phải có văn bản thông báo cho Bên A lý do chậm trễ. Tuy nhiên, thời gian gia hạn thêm không quá 03 ngày. Sau thời điểm trên, Bên A sẽ xem xét chấm dứt Hợp đồng với Bên B.

5.2. Bảo lãnh bảo hành

Sau khi hoàn thành công việc, Bên B phải nộp cho Bên A bảo lãnh bảo hành nhằm đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành của Bên B. Bảo lãnh bảo hành gồm các nội dung chính sau:

- Hình thức bảo lãnh bảo hành: Thư bảo lãnh vô điều kiện không hủy ngang do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành.
- Giá trị bảo lãnh là 05% (năm phần trăm) giá trị phần công việc hoàn thành.
- Thời hạn bảo lãnh bảo hành là tối thiểu 12 tháng kể từ ngày ký **Biên bản nghiệm thu giá trị khối lượng hoàn thành**. Trường hợp Bảo lãnh bảo hành phát hành sau ngày ký Biên bản nghiệm thu giá trị khối lượng hoàn thành thì Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ ngày phát hành.
- Quy định khác:
 - + Bên A có quyền rút Bảo lãnh bảo hành trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ theo thời hạn được xác định tại văn bản thông báo của Bên A mà Bên B không tiến hành sửa chữa, thay thế hàng hóa bị hư hỏng. Để tránh nhầm lẫn, việc rút bảo lãnh - bảo hành như trên sẽ không loại bỏ trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại của Bên B cho Bên A đối với các thiệt hại xảy ra của Bên A xuất phát từ lỗi của Bên B
 - + Bảo lãnh bảo hành sẽ tự động hết hiệu lực khi đến ngày hết hiệu lực không phụ thuộc vào việc Bên A có hoàn trả bản gốc bảo lãnh cho Bên B hay không. Tuy nhiên, trong trường hợp cần thiết, Bên B có thể yêu cầu Bên A bằng văn bản hoàn trả bản gốc. Trong trường hợp này, Bên A chậm nhất trong vòng 05 (năm) ngày làm việc sẽ hoàn trả bản gốc Bảo lãnh bảo hành cho Bên B.
 - + 15 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Bên B chưa hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm được quy định trong Hợp đồng thì Bên B có trách nhiệm gia hạn hoặc đổi sang một bảo lãnh bảo hành mới và nộp cho Bên A để đảm bảo nghĩa vụ bảo hành của Bên B. Bảo lãnh gia hạn hoặc bảo lãnh mới có hiệu lực bằng thời gian bảo hành nêu trên tính từ ngày được gia hạn hoặc từ ngày phát hành. Trường hợp Bên B không thực hiện quy định này, Bên A có quyền xem xét rút bảo lãnh bảo hành.

5.3. Tất cả các chi phí liên quan đến việc lập và duy trì các loại Bảo lãnh nêu trên sẽ do Bên B chịu.

Điều 6. Địa điểm, tiến độ và cách thức thực hiện công việc:

6.1. Địa điểm:

Địa điểm giao hàng: Tại kho NMĐ Cà Mau 1. Địa chỉ: Ấp 6, xã Khánh An, tỉnh Cà Mau

Địa điểm thực hiện dịch vụ: Tại NMĐ Cà Mau 1 thuộc sự quản lý của Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau. Địa chỉ: Ấp 6, xã Khánh An, tỉnh Cà Mau.

6.2. Tiến độ thực hiện công việc:

6.2.1. Tiến độ giao hàng vật tư:

....

6.2.2. Tiến độ huy động chuyên gia

Thời gian huy động chuyên gia có mặt tại công trường dự kiến từ..... Tổng thời gian huy động dự kiến ngày

Thời gian huy động thực tế có thể thay đổi phù hợp với tiến độ công tác sửa chữa tại công trường. Thời gian huy động thực tế sẽ được Chủ đầu tư thông báo bằng văn bản trước ít nhất 07 ngày

6.2.3. Tiến độ cung cấp dịch vụ

Tổng thời gian thực hiện dịch vụ (.....) TỪ ngày bàn giao mặt bằng thi công ĐẾN thời điểm hai Bên ký **Biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình đưa vào sử dụng**.

Thời gian thực hiện công việc dự kiến bắt đầu từ tháng 8/2025.

Sau khi Hợp đồng có hiệu lực, căn cứ tiến độ đại tu thực tế, Bên A sẽ gửi công văn thông báo về thời điểm bắt đầu công việc chính thức đến Bên B trước 15 ngày.

6.3. Cách thức thực hiện cung cấp Dịch vụ

Trong vòng ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, Bên B phải trình Bên A các hạng mục sau:

- (i) Biện pháp thi công chi tiết bao gồm sơ đồ tổ chức thi công của Bên B.
- (ii) Tiến độ thi công cấp 3.
- (iii) Hồ sơ An toàn sức khỏe môi trường.

Trên cơ sở biện pháp thi công đã được Bên A thông qua, theo yêu cầu của Bên A, Bên B phải trình danh sách nhân sự, thiết bị công cụ dụng cụ, vật tư... Bên B sử dụng tại công trường và phù hợp với Hợp đồng (bao gồm cả thời gian và nhân lực làm thêm giờ, nếu cần thiết).

Trong quá trình thực hiện Dịch vụ, nếu có bất kỳ hạng mục công việc nào Bên A xét thấy có khả năng chậm tiến độ và/hoặc không đạt yêu cầu của Bên A và theo quy định của Hợp đồng thì Bên A có quyền yêu cầu Bên B và Bên B có trách nhiệm trong vòng tối đa 72 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của Bên A thực hiện việc điều chỉnh thích hợp (bao gồm một hoặc nhiều biện pháp như: làm thêm giờ, huy động thêm nhân sự, máy móc, thiết bị, vật tư...) để đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu của Bên A và theo quy định của Hợp đồng. Toàn bộ chi phí có liên quan đến việc điều chỉnh như vậy sẽ do Bên B chịu trách nhiệm và chi trả.

Trường hợp Bên B không có khả năng điều chỉnh hoặc điều chỉnh không đáp ứng theo yêu cầu hợp lý thì Bên A có quyền mời Bên thứ ba hoặc tự thực hiện việc điều chỉnh như vậy, mọi chi phí và rủi ro liên quan thuộc trách nhiệm của Bên B và do Bên B chi trả. Các chi phí trên (nếu có) đảm bảo phù hợp với đơn giá Hợp đồng.

A. CÁC QUY ĐỊNH VỀ VẬT TƯ/ HÀNG HÓA

Điều 7. Đóng gói Hàng hóa.

Bên B sẽ phải đóng gói Hàng Hóa phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển Hàng Hóa từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải đảm bảo Hàng Hóa không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng hiện có từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định.

Điều 8. GIAO NHẬN, NGHIỆM THU HÀNG HÓA.

8.1. Thông báo giao hàng: Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A trước ba (03) ngày làm việc về thời gian dự tính Hàng Hóa sẽ sẵn sàng để có thể giao cho Bên A tại địa điểm giao nhận hàng.

Thông tin liên lạc về giao nhận hàng hóa:

- Ông:
- Email:
- Số điện thoại:

8.2. Địa điểm giao nhận hàng: Tại kho Nhà máy điện Cà Mau 1, xã Khánh An, tỉnh Cà Mau.

8.3. Giao nhận Hàng hóa.

- Hàng hóa sẽ được giao cho Bên A tại địa điểm giao nhận hàng theo đúng các quy định trong Hợp đồng này trước sự chứng kiến của đại diện của Bên A và Bên B. Ngay sau khi việc giao nhận hàng kết thúc, đại diện của Bên A và Bên B sẽ cùng ký xác nhận vào **Biên bản giao nhận Hàng hóa** (được lập thành 06 bản gốc, mỗi Bên giữ 03 bản) xác nhận đầy đủ thông tin Hàng hóa đã giao nhận theo quy định của Hợp đồng.
- Mọi vấn đề phát sinh có liên quan tới chất lượng và số lượng hàng hóa trong quá trình giao nhận hàng tại địa điểm giao nhận hàng sẽ được ghi vào **Biên bản giao nhận Hàng hóa** cùng với các văn bản liên quan khác như biên bản giám định hàng đồ vỡ, hàng thiếu (nếu có) và sẽ được các Bên có liên quan cùng ký xác nhận để làm bằng chứng pháp lý giải quyết các tranh chấp (nếu có) sau này.

8.4. Việc nghiệm thu hàng hóa sẽ được tiến hành theo 02 bước như sau:

a. Nghiệm thu kỹ thuật.

- Hàng hóa đủ điều kiện nghiệm thu kỹ thuật được xác nhận bằng **Biên bản nghiệm thu kỹ thuật hàng hóa** trong vòng 01 ngày làm việc tính từ thời điểm Hàng hóa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau:
 - + Có đầy đủ đặc tính kỹ thuật, mã hiệu như quy định trong **Phụ lục**
 - + Có đầy đủ Giấy Chứng nhận Chất lượng (C/Q) của nhà sản xuất hoặc Cam kết chất lượng của Bên B.
- Sau khi **Biên bản nghiệm thu kỹ thuật hàng hóa** được Đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký kết, hàng hóa có đủ điều kiện để nhập kho.
- Ngày của **Biên bản nghiệm thu kỹ thuật hàng hóa** là ngày được dùng để xác định Hàng hóa có giao chậm hay không và được dùng để tính Phạt giao chậm.
- Trong trường hợp hàng hóa và chứng từ được giao, nhưng chưa được nghiệm thu kỹ thuật do phải làm rõ, xác nhận lại một số thông tin. Trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày hàng hóa và chứng từ đi kèm được giao đầy đủ, đại diện Bên A có trách nhiệm xem xét và thông báo cho Bên B những bất thường về hàng hóa, sự sai khác của chứng từ để Bên B giải trình, điều chỉnh, đổi hàng (nếu cần) cho phù hợp với yêu cầu hợp đồng. Việc xem xét trên bao gồm nhưng không giới hạn: thông số kỹ thuật hàng hóa; đơn vị tính hàng hóa; sự phù hợp giữa các chứng từ: hợp đồng, C/Q, C/O, tờ khai nhập khẩu... Trong trường hợp có sự sai khác đơn vị tính trong hợp đồng và chứng từ do nhà sản xuất gốc/nhà sản xuất tương đương cung cấp thì Bên A chỉ chấp nhận nghiệm thu hàng hóa khi hàng nhận được phù hợp về thông số kỹ thuật (khi dẫn chiếu đến bản vẽ hoặc mô tả được quy định trong hợp đồng) và hàng được giao phù hợp đúng với yêu cầu kỹ thuật của nhà máy. Sau khi làm rõ, xác minh những thông tin, chứng từ Bên B cung cấp là chính xác, thời gian đợi làm rõ, xác nhận không tính vào thời gian phạt.

b. Nghiệm thu giá trị hàng hóa:

- Hàng hóa đủ điều kiện nghiệm thu giá trị khi đáp ứng các yêu cầu sau:
 - + **Biên bản nghiệm thu kỹ thuật hàng hóa** được ký kết.
 - + Có đầy đủ Giấy Chứng nhận Xuất xứ Hàng Hóa (C/O) và các tài liệu kỹ thuật theo quy định Hợp đồng đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật.
- Đại diện Bên A có trách nhiệm ký **Biên bản nghiệm thu giá trị hàng hóa** trong vòng năm (05) ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày Bên A nhận được hàng hóa và chứng từ hợp lệ đi kèm.

- Để tránh hiểu lầm, thời gian xem xét tính hợp lệ của hàng hóa, chứng từ của Bên A và thời gian giải trình của Bên B không được tính vào thời gian ký Biên bản nghiệm thu bàn giao nêu trên.
- 8.5. Trong trường hợp hàng đồ vỡ, hàng thiếu, nếu cần thiết phải thuê cơ quan giám định độc lập để đánh giá tình trạng chất lượng và kỹ thuật của hàng hóa khi Hàng Hóa được giao cho Bên A tại địa điểm giao nhận hàng, Bên A và Bên B sẽ đàm phán và thống nhất bằng văn bản về việc mời một cơ quan giám định có thẩm quyền tại Việt Nam để tiến hành giám định hàng hóa, về nội dung, lịch trình giám định. Chi phí giám định sẽ do bên có lỗi chịu. Kết quả giám định tại biên bản giám định là căn cứ để xác định tình trạng, chất lượng, mức độ thiệt hại của hàng hóa cũng như xác định mức độ trách nhiệm đền bù của Bên B (nếu có).
- 8.6. Mọi đề nghị sửa đổi các thông tin liên quan đến Hàng hóa phải được thực hiện bằng văn bản và được Bên A đồng ý trước khi giao Hàng hóa đó. Bên A có quyền từ chối không nhận hàng hóa (một phần hay toàn bộ) nếu hàng hóa được giao không đáp ứng các yêu cầu sau:
- + Không tuân thủ đúng các đặc tính kỹ thuật;
 - + Không đúng thời hạn giao hàng đã được quy định trong Hợp Đồng.
- 8.7. Quy định về Giấy chứng nhận chất lượng (C/Q) và chứng từ tương đương.
- Chấp thuận C/Q điện tử hoặc C/Q được cấp bởi văn phòng đại diện/ chi nhánh của nhà sản xuất gốc/ nhà sản xuất tương đương tại khu vực. Nhà cung cấp phải đưa thông tin đường Link để kiểm tra đối với C/Q điện tử hoặc ủy quyền C/Q được cấp bởi văn phòng đại diện/ chi nhánh của nhà sản xuất gốc/nhà sản xuất tương đương tại khu vực.

Điều 9. Phạt vi phạm tiến độ cung cấp hàng hóa và bồi thường thiệt hại.

9.1. Phạt vi phạm tiến độ cung cấp hàng hóa

Tiến độ cung cấp hàng hóa: Theo quy định tại Điều tới ngày của **Biên bản nghiệm thu kỹ thuật hàng hóa**.

Nếu Bên B do lỗi của mình dẫn đến chậm thực hiện tiến độ cung cấp hàng hóa thì mức phạt đối với mỗi hạng mục chậm tiến độ được áp dụng như sau:

- Mức phạt: Phạt 02% (Hai phần trăm) giá trị trước thuế của phần giao chậm cho mỗi tuần giao chậm.
- Giá trị Tuần trong tính phạt giao chậm được xác định bằng tổng số ngày giao chậm chia cho 07 ngày và làm tròn 02 chữ số sau dấu phẩy.
- Tổng mức phạt vi phạm tiến độ tối đa là 8% giá trị Hợp đồng trước thuế.

Thời gian giao chậm không quá 04 tuần. Trường hợp Hàng hóa dự kiến giao chậm quá 04 tuần, Bên B có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Bên A. Trường hợp Hàng hóa giao chậm quá 04 tuần mà không được sự đồng ý của Bên A thì được hiểu là Bên B đã vi phạm cơ bản nghĩa vụ Hợp đồng.

9.2. Bồi thường thiệt hại.

Trường hợp Bên B vi phạm Hợp đồng gây thiệt hại cho Bên A thì ngoài trách nhiệm phạt vi phạm, Bên B phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại trực tiếp cho Bên A. Mức bồi thường thiệt hại không quá 100% giá trị của Hợp đồng

Điều 10. Bảo hành vật tư/ hàng hóa

10.1. Thời gian bảo hành vật tư/ hàng hóa.

Bên B cung cấp cam kết bảo hành được phát hành bởi Nhà sản xuất hoặc Bên B với thời gian bảo hành hàng hóa tối thiểu 12 tháng kể từ ngày ký **Biên bản nghiệm thu giá trị hàng hóa**.

10.2. Yêu cầu về bảo hành vật tư/ hàng hóa:

- Bên B bảo đảm rằng Hàng hóa không bị ảnh hưởng bởi kết quả kiểm tra, thử nghiệm trước khi nhận và không làm ảnh hưởng đến các quyền của Bên A. Nếu Bên A phát hiện thấy hàng hóa (hoặc một phần hàng hóa) không đúng như các quy định, mô tả kỹ thuật, bị khiếm khuyết, sai quy cách, hư hỏng trong Hợp Đồng này, Bên A có quyền từ chối không nhận Hàng hóa hoặc yêu cầu Bên B phải gửi bổ sung hoặc thay thế Hàng hóa (hoặc một phần Hàng hóa) sai quy cách hay bị hư hỏng bằng các hàng hóa mới theo đúng các yêu cầu kỹ thuật và các điều kiện được quy định trong Hợp Đồng này. Bên B phải chịu mọi phí tổn liên quan đến việc thay thế này. Hàng hóa (hoặc một phần Hàng hóa) được thay thế sẽ được bảo hành tiếp trong khoảng thời gian tương đương với thời hạn bảo hành quy định trong Hợp Đồng kể từ thời điểm thay thế.
- Trong thời gian bảo hành, nếu Bên B không thực hiện trách nhiệm bảo hành, Bên A sẽ tự khắc phục sửa chữa hoặc thay thế mới bằng nhân lực và chi phí của mình hoặc thông qua Bên thứ ba. Bên B chịu trách nhiệm hoàn trả cho Bên A toàn bộ số tiền phát sinh căn cứ theo các chứng từ hợp lệ mà Bên A cung cấp, kể cả chi phí đó vượt giá trị bảo lãnh bảo hành.

10.3. Bản quyền

Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến Hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

B. CÁC QUY ĐỊNH VỀ NHÂN SỰ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Điều 11. Yêu cầu đối với nhân sự thực hiện Hợp đồng

- 11.1. Trong mọi trường hợp, việc thay đổi nhân sự phải được sự chấp thuận của Bên A.
- 11.2. Trong mọi trường hợp thay đổi nhân sự, nhân sự thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn nhân sự đã đề xuất.
- 11.3. Bên B phải huy động và không thay đổi Danh sách nhân sự chủ chốt tại phụ lục ... để thực hiện các nội dung công việc trừ trường hợp Bên A có thỏa thuận khác. Trong trường hợp bắt buộc phải thay thế nhân sự chủ chốt do ốm đau, mất khả năng lao động, chuyển công tác,... Bên B phải trình văn bản để Bên A phê duyệt, đính kèm bản sao công chứng/ chứng thực các tài liệu sau:
 - Tài liệu chứng minh lý do bắt buộc thay thế (trường hợp ốm đau, mất khả năng lao động có xác nhận của bệnh viện, cơ quan có thẩm quyền);
 - Tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm của vị trí thay thế nhân sự theo đúng yêu cầu của HSMT.
- 11.4. Bên B cam kết không thay đổi quá tổng số nhân sự trực tiếp thực hiện Hợp đồng này.
- 11.5. Bên B cam kết trong trường hợp cùng lúc thực hiện lớn hơn một (01) Hợp đồng trong kỳ đại tu NMD Cà Mau 1 năm 2026, Bên B không sử dụng nhân sự huy động cho Hợp đồng này để thực hiện bất kỳ công việc nào khác nằm ngoài phạm vi Hợp đồng.
- 11.6. Nhân sự của Bên B phải đảm bảo:
 - Có đủ năng lực và kinh nghiệm, bằng cấp, chứng chỉ liên quan;

- Được huấn luyện, đào tạo và đáp ứng các yêu cầu về an toàn trước khi thực hiện công việc;
 - Nhân sự của Bên B phải chấp hành đầy đủ các nội quy và quy định về an toàn khi vào nhà máy làm việc như: Mặc quần áo bảo hộ, giày bảo hộ, mũ bảo hộ, kính bảo vệ, làm việc trên cao phải mang dây an toàn và lắp giàn giáo v.v....
 - Bên B sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm về lỗi do nhân sự của Bên B không tuân thủ những quy định của Bên A gây ra.
- 11.7. Bên A có quyền yêu cầu Bên B thay đổi bất kỳ nhân sự nào của Bên B và các nhà thầu phụ của Bên B (nếu có) khi có bằng chứng chứng minh nhân sự của Bên B hoặc các nhà thầu phụ của Bên B vi phạm một trong các trường hợp sau:
- Không bảo đảm năng lực chuyên môn để thực hiện công việc theo Hợp đồng;
 - Có những biểu hiện không tốt về hành vi, đạo đức (như say rượu, gây gổ, đánh người, cư xử thiếu văn hóa, ...); vi phạm Pháp luật từ mức bị lập biên bản vi phạm bởi cơ quan bảo vệ Pháp luật địa phương trở lên;
 - Vi phạm nghiêm trọng các điều khoản của Hợp đồng;
 - Không có biện pháp tích cực và đúng đắn bảo đảm an toàn trong công việc, hoặc để xảy ra tai nạn chủ quan cho người và thiết bị nhưng không kịp thời, nhanh chóng khắc phục hậu quả;
 - Không có tinh thần hợp tác tích cực với Bên A để thực hiện ngay công tác bảo trì sửa chữa hệ thống/thiết bị (trong sửa chữa định kỳ, sự cố) nhằm bảo đảm nhanh chóng đưa Nhà máy/ hệ thống/ thiết bị trở lại vận hành.
- 11.8. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của Bên A, trong vòng 03 ngày làm việc, Bên B phải thực hiện thay thế nhân sự có năng lực và kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Bên B chịu.

Điều 12. Yêu cầu đối với sản phẩm báo cáo của chuyên gia

.....

Điều 13. Phạt vi phạm về nhân sự thực hiện Hợp đồng:

Nếu Bên B vi phạm trong việc thay thế nhân sự theo quy định tại ĐiềuHợp đồng này thì mức phạt áp dụng như sau:

- Trường hợp Bên B thay đổi quá% tổng số nhân sự trực tiếp thực hiện Hợp đồng này: Mức phạt 10.000.000 VNĐ/người/lần/vị trí công tác (Mười triệu VNĐ/người/lần/vị trí công tác).
- Trường hợp Bên B thay đổi nhân sự lần thứ 2 cho 1 vị trí mà không chứng minh được lý do bắt buộc thay thế: Mức phạt 15.000.000 VNĐ/người/lần/vị trí công tác (mười lăm triệu VNĐ/người/lần/vị trí công tác).

C. CÁC QUY ĐỊNH VỀ DỊCH VỤ

Điều 14. Phạt vi phạm cung cấp dịch vụ và bồi thường thiệt hại

15.1. Phạt vi phạm tiến độ cung cấp dịch vụ:

Tiến độ thực hiện cung cấp dịch vụ bắt đầu được tính từ ngày Đến thời điểm hai bên ký ***Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành.***

Nếu Bên B do lỗi của mình dẫn đến **chậm tiến độ cung cấp dịch vụ** thì mức phạt đối với mỗi hạng mục chậm tiến độ được áp dụng như sau:

- Mức phạt: 1%/ ngày x giá trị hạng mục thực hiện chậm.

- Tổng mức phạt vi phạm tiến độ tối đa là 8% giá trị Hợp đồng trước thuế.

15.2. Phạt vi phạm An toàn – Sức khỏe – Môi trường:

Nếu Bên B chậm trễ trong việc trình Hồ sơ theo quy định tại Điều 4 Hợp đồng này thì mức phạt áp dụng như sau kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực:

- Từ ngày thứ đến ngày thứ: Phạt 50.000.000 VNĐ (Năm mươi triệu VNĐ);
- Từ ngày thứ đến ngày: Phạt 100.000.000 VNĐ (Một trăm triệu VNĐ);
- Từ ngày thứ trở lên: Phạt 150.000.000 VNĐ (Một trăm năm mươi triệu VNĐ).

15.3. Bồi thường thiệt hại:

Trường hợp Bên B vi phạm Hợp đồng gây thiệt hại cho Bên A thì ngoài trách nhiệm phạt vi phạm, Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại trực tiếp cho Bên A. Mức bồi thường thiệt hại không quá 100% giá trị của Hợp đồng.

Trường hợp (i) việc thực hiện phạm vi công việc của Bên B mà yêu cầu sự chuẩn bị của Bên A hoặc (ii) Tiến độ thực hiện công việc của Bên B bị ảnh hưởng vì nguyên nhân xuất phát từ Bên A hoặc các nhà thầu của Bên A dẫn tới phát sinh các chi phí trong thời gian chờ đợi, các chi phí sẽ được hai bên sẽ thỏa thuận, thống nhất bằng văn bản.

Điều 15. Nghiệm thu hoàn thành Dịch vụ

16.1 Phương thức nghiệm thu hoàn thành Dịch vụ:

- Căn cứ kiểm tra, nghiệm thu hoàn thành Dịch vụ bao gồm các bản vẽ thiết kế của Nhà chế tạo thiết bị, tài liệu vận hành bảo dưỡng sửa chữa, thuyết minh chỉ dẫn kỹ thuật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan, chứng chỉ kết quả thí nghiệm, kiểm định, ...
- Bên B phải thông báo trước cho Bên A tối thiểu 24 giờ để thực hiện nghiệm thu hoàn thành dịch vụ theo thiết bị, hệ thống.
- Bên B chuẩn bị đầy đủ các phương tiện máy móc phục vụ công tác nghiệm thu.
- Bên A cử đại diện giám sát, nghiệm thu các bước trong quá trình thực hiện công việc và cùng trực tiếp nghiệm thu hoàn thành Dịch vụ.
- Đối với kiểm tra hoàn thành từng giai đoạn trong quá trình thực hiện công việc, Bên B thực hiện đo đạc đầy đủ các thông số của thiết bị theo yêu cầu (checklist) kiểm tra của Bên A. Các thông số này phải được thông qua và xác nhận bởi đại diện của Bên A trước khi Bên B thực hiện các công việc tiếp theo.
- Bên B cung cấp đầy đủ Hồ sơ nghiệm thu chất lượng theo Quy định nghiệm thu và Biện pháp thi công đã được Bên A phê duyệt.
- Bên A có quyền từ chối nghiệm thu dịch vụ nếu thi công không đạt chất lượng theo yêu cầu của Bên A theo quy định của Hợp đồng hoặc khi thiết bị không đạt đủ thông số vận hành. Trong trường hợp này, Bên B bằng chi phí của mình, có trách nhiệm thực hiện lại công tác bảo dưỡng sửa chữa. Trường hợp việc thực hiện lại làm ảnh hưởng đến tiến độ chung để nhà máy trở lại vận hành thương mại, ngoài việc chịu chi phí thực hiện lại, Bên B còn có trách nhiệm bồi thường cho Bên A những thiệt hại trực tiếp.

16.2 Quy trình xử lý khi có phát sinh tăng:

- Phát sinh tăng hạng mục công việc bao gồm các công việc cần thiết ngoài phạm vi công việc theo quy định tại Phụ lục nhưng liên quan trực tiếp đến phạm vi công việc của Hợp đồng và thuộc phạm vi hệ thống thiết bị do Bên B phụ trách thực hiện theo Hợp đồng này.
- Trường hợp có phát sinh tăng hạng mục công việc: Hai bên sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết Sửa đổi, Bổ sung Hợp đồng theo trình tự sau:

- + Bên B tiếp nhận thông tin về phát sinh tăng hạng mục công việc từ Bên A.
- + Bên B khảo sát thực tế và phân tích khả năng thực hiện công việc, lập phương án kỹ thuật, tiến độ thi công và dự trù vật tư, thiết bị.
- + Bên B lập bản chào giá.
- + Trên cơ sở bản chào giá của Bên B, Hai bên sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết Sửa đổi, Bổ sung Hợp đồng.
- + Các công tác bao gồm: Chuẩn bị thi công; Thực hiện công việc; Nghiệm thu hoàn thành dịch vụ, thanh toán giá trị phát sinh: Thực hiện theo nội dung đã được thống nhất giữa hai Bên.

16.3 Quy trình xử lý khi có phát sinh giảm:

- Phát sinh giảm hạng mục công việc bao gồm các công việc theo yêu cầu của Bên A dẫn đến việc Bên B không triển khai hạng mục công việc thuộc phạm vi công việc quy định tại Phụ lục của Hợp đồng này.
- Trường hợp có phát sinh giảm hạng mục công việc: Hai bên thống nhất bằng Biên bản phát sinh giảm hạng mục công việc được đại diện có thẩm quyền ký xác nhận.
- Bên A không phải thanh toán cho các hạng mục phát sinh giảm và được giảm trừ thanh toán theo giá trị quy định tại bảng giá Hợp đồng.

Điều 16. Bảo hành dịch vụ

Đối với dịch vụ: Bên B cung cấp cam kết bảo hành tối thiểu tháng kể từ ngày ký **Biên bản nghiệm thu giá trị khối lượng hoàn thành.**

Trong thời gian bảo hành, nếu Bên B không thực hiện trách nhiệm bảo hành, Bên A sẽ tự khắc phục sửa chữa hoặc thay mới bằng nhân lực và chi phí của mình hoặc thông qua Bên thứ ba. Bên B chịu trách nhiệm hoàn trả cho Bên A toàn bộ số tiền phát sinh căn cứ theo các chứng từ hợp lệ mà Bên A cung cấp, kể cả chi phí đó vượt giá trị bảo lãnh bảo hành.

D. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 17. Hình thức và phương thức thanh toán

18.1. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản bằng tiền Việt Nam.

Bên A sẽ thực hiện tạm ứng/ thanh toán cho từng thành viên trong Liên danh trên cơ sở bộ hồ sơ đề nghị tạm ứng/ thanh toán của từng thành viên tương ứng với phạm vi công việc và giá trị của mỗi thành viên đảm nhận trong Liên danh.

18.2. Tạm ứng:

Sau khi Hợp đồng có hiệu lực, Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B% giá trị Hợp đồng trong vòng 30 ba mươi ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ bộ hồ sơ đề nghị tạm ứng của Bên B bao gồm như sau:

- Một (01) bản gốc **Đề nghị tạm ứng** của Bên B.
- Một (01) bản gốc **Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng.**
- Một (01) bản gốc **Bảo lãnh tiền tạm ứng** vô điều kiện không hủy ngang có giá trị bằng 100% giá trị tạm ứng do Ngân hàng thương mại hợp pháp tại Việt Nam phát hành, có hiệu lực kể từ ngày Ngân hàng phát hành bảo lãnh đến ngày Bên A thu hồi hết toàn bộ số tiền tạm ứng hoặc đến ngày 31/12/..... Trường hợp đến ngày hết hạn của Bảo lãnh tiền tạm ứng mà Bên A chưa thu hồi được toàn bộ tiền đã tạm ứng thì Bên B có trách nhiệm thực hiện gia hạn thời gian Bảo lãnh tiền tạm ứng đến thời điểm Bên A thu hồi toàn bộ tiền đã tạm ứng cho Bên B.

18.3. Thanh toán:

Việc thanh toán giá trị còn lại của Hợp đồng sẽ được thực hiện trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ Hồ sơ thanh toán hoàn chỉnh và sau khi thu hồi toàn bộ giá trị tạm ứng.

Hồ sơ thanh toán bao gồm các chứng từ và tài liệu sau:

- Một (01) bản gốc **Đề nghị thanh toán** ghi rõ số tiền đề nghị thanh toán, số tài khoản, đơn vị hưởng ;
- Một (01) **Hoá đơn Tài chính** hợp pháp, hợp lệ ghi rõ 100% giá trị hạng mục công việc hoàn thành;

VÀ HỒ SƠ KHÁC THEO TỪNG TRƯỜNG HỢP NHƯ SAU :

A. ĐỐI VỚI PHẦN HÀNG HÓA

- Một (01) bản gốc hoặc bản điện tử **Giấy Chứng nhận Chất lượng (C/Q)** của nhà sản xuất hoặc Cam kết của Bên B chứng nhận Hàng hóa cung cấp cho Bên A theo Hợp đồng này có các đặc tính kỹ thuật phù hợp với tiêu chuẩn chế tạo sản xuất của nhà sản xuất, áp dụng cho danh mục được quy định tại **Phụ lục ...**;
- Một (01) bản gốc hoặc bản điện tử **Giấy Chứng nhận Xuất xứ Hàng hóa (C/O)** đối với Hàng hóa nhập khẩu do Phòng Thương mại và Công nghiệp của quốc gia sản xuất hoặc xuất khẩu cấp hoặc Bản gốc **Giấy cam kết nguồn gốc xuất xứ** của Nhà thầu cho danh mục được quy định tại **Phụ lục ...**;
- Một (01) bản gốc **Giấy Chứng nhận Bảo Hành** của nhà sản xuất gốc/ nhà sản xuất tương đương hoặc của Bên B ghi rõ nội dung bảo hành Hàng hóa theo quy định.
- Một (01) bản gốc **Biên bản nghiệm thu kỹ thuật hàng hóa** được đại diện có thẩm quyền của hai Bên cùng ký xác nhận
- Một (01) bản gốc **Biên bản nghiệm thu giá trị hàng hóa** được đại diện có thẩm quyền của hai Bên cùng ký xác nhận.
- Một (01) bản gốc **Biên bản phạt chậm giao hàng** (nếu có).

B. ĐỐI VỚI PHẦN CHUYÊN GIA

- Một (01) bản gốc **Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc của chuyên gia** được đại diện có thẩm quyền của hai Bên cùng ký xác nhận (Nếu chuyên gia là người nước ngoài thì Bên B phải đính kèm các giấy tờ sau cùng Biên bản: Bản sao Thẻ lên tàu bay, Bản sao Hộ chiếu và Visa, Bản sao chứng nhận bảo hiểm);
- Một (01) bản gốc **Biên bản nghiệm thu giá trị khối lượng công việc của chuyên gia** được đại diện có thẩm quyền của hai Bên cùng ký xác nhận;
- Một (01) bản gốc các **Báo cáo đánh giá cuối cùng của chuyên gia** theo yêu cầu tại Điều ... Hợp đồng này do Chuyên gia và đại diện có thẩm quyền của Bên B ký.

C. ĐỐI VỚI PHẦN DỊCH VỤ

- Một (01) bản gốc **Bảng xác nhận tiến độ thi công thực tế** được đại diện có thẩm quyền của hai Bên cùng ký xác nhận;
- Một (01) bản gốc **Biên bản phạt chậm tiến độ, phạt vi phạm ATSKMT, bồi thường thiệt hại** được đại diện có thẩm quyền của hai Bên cùng ký xác nhận (nếu có);
- Một (01) bản gốc **Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành** được đại diện có thẩm quyền của hai Bên cùng ký xác nhận;

- Một (01) bản gốc **Biên bản nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng** được đại diện có thẩm quyền của hai Bên cùng ký xác nhận
- Một (01) bản gốc **Biên bản nghiệm thu giá trị khối lượng hoàn thành** được đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký xác nhận (đính kèm các biên bản thử nghiệm/thí nghiệm (nếu có)).
- Một (01) bản gốc **Bảo lãnh Bảo hành** vô điều kiện không hủy ngang của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định tại Điều;
- Một (01) bản gốc **Giấy cam kết Bảo hành** được phát hành bởi Bên B theo quy định tại Điều ... ;
- Một (01) bản gốc **Biên bản Quyết toán hợp đồng** được đại diện có thẩm quyền của các Bên cùng ký xác nhận;
- Một (01) bản gốc **Biên bản Thanh lý hợp đồng** được đại diện có thẩm quyền của các Bên cùng ký xác nhận.

18.4. Thông tin Hóa đơn thuế GTGT: Hóa đơn thuế GTGT cho Bên A được xuất theo tên, địa chỉ và mã số thuế như sau:

- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần - Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật;
- Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội;
- Mã số thuế: 0102276173-009.

18.5. Quy trình thực hiện thanh toán trong trường hợp phát sinh tăng/ giảm phạm vi công việc sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều của Hợp đồng này

Điều 18. Quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên A

19.1. Quyền của Bên A:

- Kiểm tra, giám sát chất lượng thực hiện Dịch vụ của Bên B và yêu cầu Bên B báo cáo, cung cấp tài liệu liên quan theo tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật quy định trong Hợp đồng.
- Chấm dứt Hợp đồng khi Bên B vi phạm các điều khoản quy định trong Hợp đồng này.
- Từ chối thanh toán khi Bên B không tuân thủ các quy định của Hợp đồng.
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

19.2. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên A:

- Nghiệm thu Hàng hóa, phê duyệt kế hoạch, biện pháp thi công, biện pháp an toàn, tiến độ thi công chi tiết cho phạm vi công việc cung cấp Dịch vụ của Bên B.
- Tổ chức hướng dẫn an toàn, nội quy, quy định lao động và cấp thẻ ra/vào Công trường cho nhân sự của Bên B thực hiện Dịch vụ. Bên A sẽ thông báo cho Bên B thời gian tổ chức hướng dẫn an toàn, nội quy, quy định lao động trước ngày bắt đầu thực hiện Dịch vụ 02 (hai) ngày. Bên A sẽ không chịu trách nhiệm nếu có bất kỳ chậm trễ phát sinh nào gây ra do Bên B chậm trễ trong việc cử nhân sự của mình tham gia đào tạo về nội quy làm việc, quy định an toàn lao động như quy định nêu trên.
- Tạo điều kiện thuận lợi trong phạm vi có thể (bao gồm cung cấp cho Bên B các hồ sơ, tài liệu mà Bên A có liên quan; nguồn điện, nguồn nước, nguồn khí, mặt bằng, các thiết bị hiện có) để Bên B thực hiện Dịch vụ.
- Bên A có trách nhiệm điều hành phối hợp các công việc liên quan không ảnh hưởng tới việc vận hành chung của Nhà máy và việc thực hiện Dịch vụ của Bên B được an toàn và đáp

ứng tiến độ chung của Hợp đồng

- Cử cán bộ chuyên trách giám sát thường xuyên tại Công trường để cùng với Bên B giải quyết các vướng mắc (nếu có) và xác nhận khối lượng công việc đã thực hiện, thời gian thực hiện thực tế của Bên B.
- Thông báo kịp thời những hư hỏng trong thời gian Bảo hành để Bên B tiến hành khắc phục sửa chữa hoặc thay thế mới.
- Thông báo và cung cấp kịp thời cho Bên B các thông tin thay đổi về yêu cầu của Bên A trên cơ sở quy định Hợp đồng (nếu có).
- Tạm ứng, nghiệm thu, thanh quyết toán cho Bên B kịp thời đúng theo quy định Hợp đồng.
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên B

20.1. Quyền lợi của Bên B

- Được cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan, công cụ dụng cụ đặc biệt (nếu có) để phục vụ công việc.
- Được đáp ứng đầy đủ, kịp thời các yêu cầu chính đáng theo Luật định hoặc đã được Bên A chấp thuận về ATSKMT. Trong một số trường hợp được quyền từ chối vì lý do an toàn nhưng phải chịu trách nhiệm về hành động này.
- Toàn bộ nhân lực của Bên B tham gia thi công công trình sẽ được Bên A bồi huấn về an toàn trước khi vào thi công.
- Được tạm ứng, thanh toán, quyết toán theo quy định của Hợp đồng.

20.2. Nghĩa vụ của Bên B:

20.2.1. Về các công việc chung:

- Bên B có trách nhiệm thực hiện cung cấp Hàng hóa và Dịch vụ gồm toàn bộ công việc theo phạm vi quy định tại Phụ lục 1, tuân thủ đúng quy trình, tài liệu O&M, thiết kế của nhà chế tạo thiết bị và các quy định trong lĩnh vực điện, đảm bảo sau khi nghiệm thu chạy thử Nhà máy điện Vũng Áng 1 vận hành an toàn, tin cậy, đảm bảo các thông số kỹ thuật thiết bị.
- Chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung biện pháp thi công, biện pháp an toàn, tiến độ thi công chi tiết liên quan phạm vi công việc được giao ngay cả trong trường hợp các bên liên quan đã thông qua.
- Bên B không được chuyển nhượng hoặc giao lại trách nhiệm, nghĩa vụ của mình được quy định trong Hợp đồng này cho bất kỳ một Bên thứ ba nào khác nếu chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A.
- Bên B cam kết và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Pháp luật về an toàn và bảo hiểm cho nhân sự, máy móc, trang thiết bị... của mình trong suốt quá trình thực hiện cung cấp Hàng hóa và Dịch vụ; tính chính xác và hợp pháp của toàn bộ nhân sự, vật tư, máy móc, thiết bị, công cụ dụng cụ và của hồ sơ, tài liệu, chứng từ do Bên B cung cấp trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng.
- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu Bên B gặp những điều kiện cản trở việc thực hiện cung cấp Hàng hóa và Dịch vụ đúng tiến độ thì Bên B phải thông báo ngay cho Bên A bằng văn bản về thực trạng chậm trễ đó, bao gồm thời hạn và nguyên nhân chậm trễ. Ngay sau khi nhận được thông báo của Bên B, Bên A sẽ đánh giá tình hình và có thể gia hạn thời gian thực hiện nghĩa vụ của Bên B, kèm theo điều kiện bồi thường thiệt hại (nếu có).
- Chịu trách nhiệm trước quy định của pháp luật về an toàn và bảo hiểm cho nhân sự, máy móc, trang thiết bị... của mình trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng và cam kết toàn bộ

máy móc, thiết bị, dụng cụ để thực hiện Hợp đồng (nếu có) được kiểm định nếu có yêu cầu của pháp luật và còn trong thời hạn kiểm định và sử dụng tốt;

- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Bên B có trách nhiệm thông báo ngay cho Bên A và các tổ chức, cá nhân có liên quan khi xảy ra sự cố.
- Bên B phải tuyệt đối tuân thủ các biện pháp bảo đảm an toàn, phòng chống cháy nổ và giữ gìn vệ sinh môi trường trong suốt quá trình thi công trên công trường theo quy định hiện hành của Chủ đầu tư hoặc Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau.
- Bên B có nghĩa vụ thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh đối với nhân sự huy động của mình, đảm bảo tuân thủ nghiêm theo quy định hiện hành của Chính phủ, Bộ Y tế, Sở ban ngành địa Phương và chủ động làm việc với chính quyền địa Phương trong trường hợp cần thiết.
- Bên B có nghĩa vụ lập và giải trình các tài liệu, hồ sơ tạm ứng, thanh toán, quyết toán hợp đồng theo đúng quy định. Duy trì sổ sách, hóa đơn, chứng từ và các bằng chứng liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng này theo các quy định pháp luật hiện hành và có trách nhiệm trình sổ sách, hóa đơn, chứng từ bất kỳ lúc nào để Bên A kiểm tra hoặc khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
- Bên B có nghĩa vụ thanh toán cho Bên A khoản tiền phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại trong trường hợp Bên B vi phạm hợp đồng.

20.2.2. Về tiến độ, chất lượng công việc:

- Về Hàng hóa: Bên B có trách nhiệm đảm bảo tiến độ giao nhận đúng yêu cầu Hợp đồng.
- Về cung cấp Dịch vụ, Bên B có trách nhiệm trình biện pháp thi công chi tiết; Hồ sơ an toàn sức khỏe môi trường, biện pháp an toàn chi tiết cho từng khu vực, vị trí thi công; lập biểu đồ tiến độ chi tiết (tiến độ cấp 3) trong đó có đầy đủ thông tin về nguồn lực: biện pháp tổ chức thực hiện, nhân sự, máy móc vật tư thiết bị, các mốc tiến độ phải hoàn thành để đảm bảo tiến độ tổng thể của Hợp đồng.
- Chuẩn bị đầy đủ nhân lực, máy móc, phương tiện, trang thiết bị, công cụ, vật tư đúng chủng loại và tiêu chuẩn kỹ thuật, thích hợp thực hiện công việc theo phạm vi công việc của Hợp đồng này.
- Toàn bộ thiết bị, vật tư tiêu hao, công cụ dụng cụ để thực hiện Dịch vụ phải được tập kết trước 02 (hai) ngày tại công trường.
- Bên B có trách nhiệm Bàn giao lại toàn bộ vật tư thay thế do Bên A cấp nhưng không sử dụng/vật tư thu hồi (nếu có) cho Bên A sau khi Bên B hoàn thành phạm vi công việc theo Hợp đồng.
- Bên B có trách nhiệm thu gom, vận chuyển và xử lý các phế thải tại khu vực Bên B thi công tại công trường theo quy định của pháp luật.
- Bên B cam kết thực hiện đúng quy định phối hợp, biểu mẫu và cách thức nghiệm thu từng phần, khu vực và hoàn thành công việc. Cung cấp đầy đủ bộ Hồ sơ nghiệm thu nghiệm thu theo quy định của Hợp đồng.

20.2.3. Về nhân sự:

- Bên B chịu trách nhiệm bố trí và chịu chi phí ăn uống, đi lại và nơi ở tại địa điểm làm việc cho nhân sự thi công và chuyên gia của Bên B trong quá trình thực hiện Hợp đồng.
- Bên B phải huy động nhân sự phối hợp với Bên A trong công tác kiểm tra, nghiệm thu, chạy thử và xác nhận vật tư trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Bên B phải huy động cán bộ giám sát an toàn thường trực tại Công trường trong suốt quá trình thực hiện Dịch vụ.

- Bên B chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A trong trường hợp mất mát, hư hỏng do nhân viên Bên B gây ra được hai Bên xác nhận.

Điều 20. Nhà thầu phụ

Bên B chỉ được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ như đề xuất tại HSDT để thực hiện một phần công việc của Hợp đồng. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Bên B. Bên B phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện.

Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã được quy định tại Mục này chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Bên A chấp thuận.

Bên B có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Bên B và nhà thầu phụ. Bên B không được sử dụng nhà thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ trong HSDT.

Điều 21. Chấm dứt hợp đồng

22.1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt Hợp đồng nếu một trong hai Bên có vi phạm cơ bản về Hợp đồng như sau:

- a. Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo Hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong Hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn để thực hiện;
- b. Bên A hoặc Bên B bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập;
- c. Có bằng chứng cho thấy Bên B đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 89 Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng;
- d. Xảy ra Sự kiện bất khả kháng;
- e. Chậm tiến độ thực hiện Hợp đồng mà không được Bên A chấp thuận.

22.2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ Hợp đồng theo quy định tại Mục này, Bên A có thể ký Hợp đồng với nhà cung cấp dịch vụ khác để thực hiện phần Hợp đồng bị chấm dứt đó. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần Hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần Hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm đối với phần Hợp đồng do mình thực hiện.

22.3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Mục này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt Hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của Hợp đồng và pháp luật.

Điều 22. Bất khả kháng

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, gây ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Hai Bên theo Hợp đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn các sự kiện sau:

- Chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch, sóng thần, động đất, núi lửa, lốc xoáy, hạn hán, lũ lụt.
- Sự cố của hệ thống điện Quốc gia gây ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Nhà máy.

Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, Bên chịu tác động trước bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo ngay thông qua các hình thức thông tin liên lạc và không muộn hơn 48 giờ phải có thông báo bằng văn bản cho Bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Văn bản

thông báo về sự kiện bất khả kháng phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

Trong khoảng thời gian không thể thực hiện công việc do điều kiện bất khả kháng, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng.

Nếu một Bên bị hoặc sẽ bị cản trở việc thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào theo quy định của Hợp đồng vì nguyên nhân Bất khả kháng, thì Bên đó phải gửi thông báo cho Bên kia về sự cố Bất khả kháng, đồng thời chỉ rõ các nghĩa vụ không thể thực hiện được. Thông báo này phải được gửi trong vòng mười bốn (14) ngày sau khi Bên đó biết hoặc đáng lẽ đã biết về hoàn cảnh/ tình huống dẫn đến Bất khả kháng. Bên đó sau khi đã gửi thông báo, sẽ được miễn việc thực hiện các nghĩa vụ vì lý do Bất khả kháng.

Trong trường hợp xảy ra Bất khả kháng, Bên B sẽ cố gắng thực hiện tốt nhất nghĩa vụ của mình, tuy nhiên hai Bên sẽ thương lượng và thống nhất các chi phí bổ sung cần thiết để Bên B nỗ lực thực hiện công việc của mình trong quá trình xảy ra Bất khả kháng.

Điều 23. Giải quyết tranh chấp

Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa Hai Bên thông qua thương lượng, hòa giải.

Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ Bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa vụ việc tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền, luật điều chỉnh Hợp đồng là luật Việt Nam. Mọi chi phí liên quan do Tòa quyết định.

Việc thực hiện Hợp đồng vẫn phải tiếp tục trong suốt quá trình giải quyết tranh chấp trừ khi Bên A ra lệnh ngừng thực hiện công việc.

Điều 24. Điều khoản khác

- 25.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và kết thúc khi hai Bên thực hiện xong các nghĩa vụ và trách nhiệm được quy định trong Hợp đồng này.
- 25.2. Bất kỳ thay đổi, sửa đổi, bổ sung nào có liên quan tới Hợp đồng này đều phải được cả hai Bên thỏa thuận bằng văn bản.
- 25.3. Các Phụ lục Hợp đồng kèm theo và các Sửa đổi Bổ sung Hợp đồng (nếu có) là bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng này. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng với các Phụ lục kèm theo và các sửa đổi bổ sung Hợp đồng thì nội dung các điều khoản và điều kiện sẽ được ưu tiên thi hành theo thứ tự như sau: i. Hợp đồng, ii. Phụ lục 01, iii. Các sửa đổi bổ sung Hợp đồng.
- 25.4. Những vấn đề không được quy định trong Hợp đồng này sẽ tuân thủ các văn bản Pháp luật hiện hành khác của Nước CHXHCN Việt Nam.
- 25.5. Hợp đồng được lập thành sáu (06) bộ, Bên A giữ ba (03) bộ, Bên B giữ ba (03) bộ, các bộ Hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [ghi tên Chủ đầu tư] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

Theo đề nghị của ____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ cho gói thầu trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”); ⁽¹⁾

Theo quy định trong HSMT (hoặc hợp đồng), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [ghi tên của ngân hàng] ở ____ [ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại ____ [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽²⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ [ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽³⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số ____ [ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là “Hợp đồng”).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu .

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG ⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)
 ____ [*ghi tên hợp đồng, số hợp đồng*]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, ____ [*ghi tên và địa chỉ của nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*] cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [*ghi tên của ngân hàng*] ở ____ [*ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ*] có trụ sở đăng ký tại ____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng*⁽²⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*].

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Chủ đầu tư thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định tại Điều 5 của Hợp đồng sau khi nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾ hoặc khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
 [*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày hoàn thành việc cung cấp dịch vụ quy định trong hợp đồng. Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng

**Gói thầu số 16 – Cung cấp dịch vụ thuê chuyên gia kiểm tra đánh giá lò thu hồi nhiệt,
dịch vụ xử lý ăn mòn dòng chảy FAC và dịch vụ Xray cho các van
và các đường ống của buồng đốt**

**Lô 1: Cung cấp dịch vụ Thuê chuyên gia kiểm tra, đánh giá lò thu hồi nhiệt HRSG11-12
và dịch vụ xử lý hiện tượng ăn mòn dòng chảy FAC**

**PHỤ LỤC 1: Phạm vi công việc
của Chuyên gia kiểm tra, đánh giá lò thu hồi nhiệt HRSG11-12**

1. Chuyên gia HRSG Condition Assessment

- HRSG inspector to inspect the condition of the HRSGs

+ HRSG FAC Risk Assessment: The engineering review will focus on single-phase water, and IP and LP two-phase steam/water mixture regions within the HRSG proper (ASME Section I Code boundaries), excluding vent and drain piping. This typically includes:

- Feedwater piping from stop/check valves downstream of the boiler feedwater pumps to the economizer.
- Economizer tubes, headers and jumper piping.
- Feedwater piping from economizers to evaporators.
- IP and LP evaporator tubes, headers, downcomers, feeder pipes, riser pipes and steam drum internals.
- Attenuator spraywater lines.
- Continuous blowdown lines from the steam drum to their termination at a tank or a different steam drum.
- Create a table summarizing a circuit-by-circuit listing of size, material, and the circuit configuration of flow paths susceptible to FAC.
- Prepare a circulation model for the IP and LP evaporators to determine water/steam velocities and circulation ratios in susceptible areas.
- Prepare a prioritized listing of FAC risk areas based on pipe size, material, steam/water velocities, steam/water temperatures, and steam/water impingement intensity.
- Contractor will prepare and send a water chemistry survey that is to be filled-out by the plant's water chemist. The survey is to flag practices that increase the risk of FAC damage. Contractor will provide water chemistry recommendations based on standard industrial practice for mitigating FAC. This survey should not be considered a thorough chemistry review.
- Provide a report that summarizes a prioritized list of recommended FAC locations. The prioritized list will allow strategic targeting of the areas that should receive periodic NDE.

+ Cycle Chemistry Review: This is in addition to the chemistry review activities associated with the FAC Risk Assessment. Possible scope items include:

- Recent chemistry upsets and changes to the chemistry regime that fall outside of the current chemistry treatment.
 - Comparison of grab sample data vs. online data looking for irregular trends.
- + Review of DCS historian data to identify issues for discussion in the report. Contractor will provide a list of instruments. The data set will include the following at one (1) minute intervals:
- Cold start.
 - Warm start.

- Hot start.
- One (1) hour period of steady-state, base-load operation.
- + Based on the plant data review, identify issues such as:
 - Economizer thermal shock.
 - Attenuator issues such as hunting and over-spray.
 - HP steam drum ramp rate limits or any cycling-related issues.
 - HP and RH superheater drain operation.
 - Steam drum level control valve cycling.
- + Review of failure history of the HRSG and assess the potential root causes.
- + SH and RH tube creep-life calculations.
- + Economizer buoyancy instability calculations.
- + SH and RH drain capacity calculations to determine the potential for condensate-related damage during startup.
- Issue a preliminary report showing high-priority findings approximately midway through the project.
- Develop a prioritized list of issues, based on engineering calculations, plant history, and HRSG design review.
- Issue a final report detailing calculations, findings, and recommendations from the assessment.
- A remote closing meeting will be provided to discuss the reported findings.

2. Chuyên gia HRSG Standard Inspection

- Up to four and one half (4.5) weekdays onsite for two (2) Contractor inspectors to inspect two (2) HRSGs; four (4) days are for working on the HRSGs and the remainder is to prepare and lead an exit meeting. Workdays are generally limited to 10 hours onsite, including lunch.
- Travel and living expenses, including travel time and airfare, if required.
- The Contractor inspector will bring their own personal protection equipment and inspection gear including a safety harness, camera, and UT meter for the inspection.
- Internal inspection of the exhaust gas path from floor level. Inspection will commence at the start of the floating duct-liner system; the turbine bearing-tunnel and diffuser struts are not included in the inspection. This inspection includes:
 - The boiler tube, tube fins and header of modules. Penetration testing some suspected welds.
 - The HRSG casing, structures, diffuser, diverter damper, inlet duct, exterior at grade, exterior roof.
 - The tie bar of the modules.
 - The hanger supports of Boiler includes internal and external.
 - The HRSG exhaust stacks: damper, floor, silencer,...
 - The expansion joints at diffuser, at stack
 - The metallic bellows.
 - The bare tube baffles and upper/lower floor baffles, sidewall pipe flashing, upper/lower floor pipe flashing.
- Check the friction between fin tube ECO HP3 and tie bar. Provide a solution to thoroughly handle the abnormality.

- Internal inspection of upper and lower gas-side crawl spaces, where applicable and accessible.
- Internal inspection of steam drums: Borescope inspection in the riser pipe at the elbow IP, LP drums; Visual inspection internal Deaerator (1), blowdown tanks (1 per HRSG).
- External inspection of casing and penetrations.
- Spot check ultrasonic thickness (UT) testing where Contractor believes it is warranted. Typical areas are IP and LP drum internals where scouring is found and where inspection reveals concerning pipe or tube corrosion.
- Visual inspection of the pipe supports from top of HRSG to pipe bridge (near grade) for cold reheat, hot reheat and super heater steam lines.
- Inspection for creep failure, Thermal fatigue failure, corrosion fatigue failure, ... occurs at various location of boiler after continuous operation for long as: headers, elbows, Tee at main steam pipe HP, IP, LP and Steam drums.
- Onsite closing presentation with summary list and photos covering items found that should or could be repaired during the outage, including brief recommendations on the repair method. An electronic copy of the slides from this presentation will be left with the client in PDF format, in addition to all inspection photos and applicable repair procedures.
- Office time to prepare and provide a final report in hard copy and PDF electronic copy. The report will include discussion with recommendations, photo pages and a prioritized summary list of all recommendations. It will be delivered no later than six (6) weeks following the onsite inspection. The final report and photos presented in the report help to benchmark the condition of the HRSG for future tracking of deterioration or problems

Gói thầu số 16 – Cung cấp dịch vụ thuê chuyên gia kiểm tra đánh giá lò thu hồi nhiệt, dịch vụ xử lý ăn mòn dòng chảy FAC và dịch vụ Xray cho các van và các đường ống của buồng đốt

Lô 1: Cung cấp dịch vụ Thuê chuyên gia kiểm tra, đánh giá lò thu hồi nhiệt HRS G11-12 và dịch vụ xử lý hiện tượng ăn mòn dòng chảy FAC

PHỤ LỤC 2: Dịch vụ xử lý hiện tượng ăn mòn dòng chảy FAC

Bảng 1: Danh mục vật tư thay thế phục vụ xử lý hiện tượng ăn mòn dòng chảy FAC

Nhà thầu chào trọn gói cho danh mục vật tư dưới đây

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Seamless Elbow (Cổ ống đúc)	- Size: Ø38.1 x 2.6 thickness (mm) - Chiều dài: 914 mm - Góc co 27 độ - Độ dày tại góc co 27 độ là 2.6mm - Vật liệu: SA213-T11	Hise Co., Ltd (OEM Doosan Engineering & Construction Co., Ltd)/Korea	cái	240		
2	Seamless Elbow (Cổ ống đúc)	- Size: Ø38.1 x 2.6 thicknes (mm) - Chiều dài: 914 mm - Góc co 12 độ - Độ dày tại góc co 12 độ là 2.6mm - Vật liệu: SA213-T11	Hise Co., Ltd (OEM Doosan Engineering & Construction Co., Ltd)/Korea	cái	296		
3	Seamless Elbow (Cổ ống đúc)	- Size: Ø38.1 x 2.6 thickness (mm) - Chiều dài: 914 mm - Góc co 36 độ - Độ dày tại góc co 36 độ là 2.6mm - Vật liệu: SA213-T11	Hise Co., Ltd (OEM Doosan Engineering & Construction Co., Ltd)/Korea	cái	300		

Sit	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
4	Seamless tube (Ống đúc)	- Size: Ø38.1 x 2.6 thickness (mm) - Chiều dài: 914 mm - Vật liệu: SA213-T11	Hise Co., Ltd (OEM Doosan Engineering & Construction Co., Ltd)/Korea	cái	120		
5	Alloy Steel Seamless Pipe (Ống đúc)	- Size: 219.1 OD x 8.18 Thickness (mm) - Cutting to: 3 Meters / Length - Material: ASME SA335 P11 / ASTM A335 P11 - Ống thẳng.	Piyush Steel / India	cái	4		
Thành tiền kết chuyển sang Bảng 2							

Gói thầu số 16 – Cung cấp dịch vụ thuê chuyên gia kiểm tra đánh giá lò thu hồi nhiệt, dịch vụ xử lý ăn mòn dòng chảy FAC và dịch vụ Xray cho các van và các đường ống của buồng đốt

Lô 1: Cung cấp dịch vụ Thuê chuyên gia kiểm tra, đánh giá lò thu hồi nhiệt HRSG11-12 và dịch vụ xử lý hiện tượng ăn mòn dòng chảy FAC

PHỤ LỤC 2: Dịch vụ xử lý hiện tượng ăn mòn dòng chảy FAC

Bảng 2: Bảng giá dự thầu lô 1

Stt	Phạm vi công việc	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Thuê chuyên gia kiểm tra, đánh giá lò thu hồi nhiệt					Trọn gói
1.1	Chuyên gia HRSG Condition Assessment	người				
1.2	Chuyên gia HRSG Standard Inspection	người				
2	Dịch vụ xử lý hiện tượng ăn mòn dòng chảy FAC					
2,1	Chi phí vật tư thay thế					Trọn gói, chi tiết tại Bảng 1 - PL2
2,2	Chi phí Dịch vụ bao gồm: Nhân sự, CCDC, máy móc thiết bị, vật tư tiêu hao,...để thực hiện các công việc sau: - Thi công hàn cắt co ống, ống LP Eva và riser pipe LP lò thu hồi nhiệt 11, 12. - Kiểm tra không phá hủy (NDT) toàn bộ các mối hàn ống trao đổi nhiệt. - Làm sạch, thử áp toàn bộ hệ thống sinh hơi hạ áp sau khi thi công lắp đặt xong. - Hoàn thiện báo cáo sau khi hoàn thành công tác thi công xử lý FAC	Ống	960			Đơn giá cố định
TỔNG CỘNG						

Gói thầu số 16 – Cung cấp dịch vụ thuê chuyên gia kiểm tra đánh giá lò thu hồi nhiệt, dịch vụ xử lý ăn mòn dòng chảy FAC và dịch vụ Xray cho các van và các đường ống của buồng đốt

Lô 1: Cung cấp dịch vụ Thuê chuyên gia kiểm tra, đánh giá lò thu hồi nhiệt HRSG11-12 và dịch vụ xử lý hiện tượng ăn mòn dòng chảy FAC

Bảng 3: Danh mục vật tư tiêu hao phục vụ xử lý hiện tượng ăn mòn dòng chảy FAC

Nhà thầu chịu trách nhiệm cung cấp đầy đủ vật tư tiêu hao, vật liệu phụ, công cụ dụng cụ, máy thi công... để hoàn thành toàn bộ phạm vi công việc theo yêu cầu của HSMT.

Nhà thầu tham khảo vật tư tiêu hao theo danh mục dưới đây.

Đối với các vật tư tiêu hao yêu cầu có chứng chỉ chất lượng, nhà thầu phải cam kết đáp ứng đầy đủ khi xây dựng biện pháp thi công

STT	Tên vật tư	Nhà sản xuất hoặc tương đương	Ghi chú
1	Đá cắt Inox 180	Flexovit	
	Size: 180 x 7.0 x 22.23		
2	Đá cắt Inox 125	Flexovit	
	Size: 125 x 6.8 x 22.2,		
3	Đá cắt Inox 100	Flexovit	
	Size: 100 x 7.0 x 16.0		
4	Que hàn tig ER80S-B2, size: 2.4mm	Kiswel	CQ
5	Que hàn tig 309L, size: 2.4mm	Kiswel	CQ
6	Kim hàn TIG; size: 2.4mm	Kiswel	
7	Đá mài 100	Flexovit	
8	Đá mài 125	Flexovit	
9	Thép tấm 2 x 287 x 1750	Columbus Stainless	CQ
	(Vật liệu: A240TP409)		
10	Mũi khoan hợp kim 12mm	RUKO	
11	Mũi doa hợp kim hình trái ớt	RUKO	
12	Khí Argon		
13	Găng tay hàn Tig		
14	Găng tay len có gai cao su		
15	Khẩu trang y tế		
16	Vải lau cotton màu		
17	Vải lau cotton trắng		
18	Kính hàn		
19	Mặt nạ cắt (có kính che)		
20	Đá đầu mài, hình trụ		
21	Đá đầu mài, hình chop		
22	Nút bịt đầu ống (nhựa), đường kính trong Φ 32mm, L: 36mm		
23	Thép CT3 tròn Φ40		
24	Chất tẩy rửa RP7		

Gói thầu số 16 – Cung cấp dịch vụ thuê chuyên gia kiểm tra đánh giá lò thu hồi nhiệt, dịch vụ xử lý ăn mòn dòng chảy FAC và dịch vụ Xray cho các van và các đường ống của buồng đốt

Lô 2: Cung cấp dịch vụ Xray cho các van và các đường ống của buồng đốt
PHỤ LỤC 3: Dịch vụ Xray cho các van và các đường ống của buồng đốt

Bảng 1: Phạm vi công việc chụp phóng xạ cho các van và các đường ống của buồng đốt

Stt	KKS	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	X-ray	PWHT	Chu vi (cm)	Số phim	Kích thước phim	Vật liệu	Độ dày ống (phía đầu vào)	Độ dày ống (phía đầu ra)
1	20MAL11 AA051	Van điều khiển	Forged Steel Throttle Type Globe Valves with Pneumatic Actuator One Set Consist of: Size: 2" - 2.1/2" Class 2500 Body Material: ASTM A182-F91 Valves End Connection In and Out: Butt Weld Ends Schedule 160 ACC. ASME B16.25	x	x	25,12	8	Phim 40x10 cm	Pipe: size 2", A335 P91	5.54 mm	7.01 mm
2	20MAL12 AA051	Van điều khiển	Forged Steel Throttle Type Globe Valves with Pneumatic Actuator One Set Consist of: Size: 2" - 2.1/2" Class 2500 Body Material: ASTM A182-F91 Valves End Connection In and Out: Butt Weld Ends Schedule 160 ACC. ASME B16.25	x	x	25,12	8	Phim 40x10 cm	Pipe: size 2", A335 P91	5.54 mm	7.01 mm
3	20MAL26 AA051	Van điều khiển	Forged Steel Throttle Type Globe Valves with Pneumatic Actuator One Set Consist of: Size: 1-1/2" - 2" Class 1500 Body Material: ASTM A182-F22 Valves End Connection In and Out: Butt Weld Ends Schedule 40 - Schedule 160 ACC. ASME B16.25	x	x	25,12	8	Phim 40x10 cm	Pipe: size 1.5", A335 P22	3.68 mm	3.91 mm

Bảng 1: Phạm vi công việc chụp phóng xạ cho các van và các đường ống của buồng đốt

Stt	KKS	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	X-ray	PWHT	Chu vi (cm)	Số phim	Kích thước phim	Vật liệu	Độ dày ống (phía đầu vào)	Độ dày ống (phía đầu ra)
4	20MAL27 AA051	Van điều khiển	Forged Steel Throttle Type Globe Valves with Pneumatic Actuator One Set Consist of: Size: 1-1/2" - 2" Class 1500 Body Material: ASTM A182-F22 Valves End Connection In and Out: Butt Weld Ends Schedule 40 - Schedule 160 ACC. ASME B16.25	x	x	25,12	8	Phim 40x10 cm	Pipe: size 1.5", A335 P22	3.68 mm	3.91 mm
5	20MAL15 AA051	Van điều khiển	Forged Steel Throttle Type Globe Valves with Pneumatic Actuator One Set Consist of: Size: 2" - 2.1/2" Class 2500 Body Material: ASTM A182-F91 Valves End Connection In and Out: Butt Weld Ends Schedule 160 ACC. ASME B16.25	x	x	25,12	8	Phim 40x10 cm	Pipe: size 1.5", A335 P91	5.08 mm	5.54 mm
6	20LBA25A A002	Warm-up HRH	High pressure stop valve- FACE TO FACE: 300 (mm), Connection: BW Ends, ISO 5210 size F10, Material: A182-F91, Pres: 461 bar; Type: Glove Valve HD2000 200LM F3.2 NPS 2/ SIC12675	x	x		8	Phim 40x10 cm	Pipe: size 2", Standard: ASME B36.10M (thickness: 5.54 mm) Sch-80 Material: A335-P91	5.54 mm	5.54 mm
7	20LBA25A A001	Warm-up HRH	High pressure stop valve- FACE TO FACE: 300 (mm), Connection: BW Ends, ISO 5210 size F10, Material: A182-F91, Pres: 461 bar; Type: Glove Valve HD2000 200LM F3.2 NPS 2/ SIC12675	x	x				Pipe: size 2", Standard: ASME B36.10M (thickness: 5.54 mm) Sch-80 Material: A335-P91	5.54 mm	5.54 mm

Bảng 1: Phạm vi công việc chụp phóng xạ cho các van và các đường ống của buồng đốt

Stt	KKS	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	X-ray	PWHT	Chu vi (cm)	Số phim	Kích thước phim	Vật liệu	Độ dày ống (phía đầu vào)	Độ dày ống (phía đầu ra)
8	20LBA26A A002	Warm-up HRH	High pressure stop valve- FACE TO FACE: 300 (mm), Connection: BW Ends, ISO 5210 size F10, Material: A182-F91, Pres: 461 bar; Type: Glove Valve HD2000 200LM F3.2 NPS 2/ SIC12675	x	x		8	Phim 40x10 cm	Pipe: size 2", Standard: ASME B36.10M (thickness: 5.54 mm) Sch-80 Material: A335-P91	5.54 mm	5.54 mm
9	20LBA26A A001	Warm-up HRH	High pressure stop valve- FACE TO FACE: 300 (mm), Connection: BW Ends, ISO 5210 size F10, Material: A182-F91, Pres: 461 bar; Type: Glove Valve HD2000 200LM F3.2 NPS 2/ SIC12675	x	x				Pipe: size 2", Standard: ASME B36.10M (thickness: 5.54 mm) Sch-80 Material: A335-P91	5.54 mm	5.54 mm
10	20LBA21A A401	HP MS ESV 2 D-DRN-V	L-4530-SH40+IND F91-F304-F6FH Globe Valve outside screwstem-screw welded bonnet-DN 1" class 4500 Making: 07-0028	x					Pipe: size 1", A335 P91	3.38 mm	3.38 mm
11	20LBA21A A402	HP MS ESV 2 D-DRN-V	Type: VA500.80.2680.1" 1" .GW 33.A 41.0 45.1 183.0	x					Pipe: size 1", A335 P91	3.38 mm	3.38 mm
12	20LBB52A A402	HRH ESV 2 D-DRN-V	High pressure stop valve Type: VA500.63.2680.1" 1" .GW 33.A 41.0 45.1 183.0 Material: SA182-F22	x					Pipe: size 1", A335 P22	3.38 mm	3.38 mm
13	20LBB50A A402	HOT REHEAT D-DRN-V	High pressure stop valve Type: VA500.63.1500.2" 2" .G.W 33.A 41.0 45.0 183.0	x					Pipe: size 2", A335 P22	3.91 mm	3.91 mm
14	21LBB56A A001	HOT REHEAT W/U-V	Gate valve 3" Class 1500# SPL Type: V531DP	x					Pipe: size 2", A335 P91	3.91 mm	3.91 mm
15	22LBB56A A001	HOT REHEAT W/U-V	Gate valve 3" Class 1500# SPL Type: V531DP	x					Pipe: size 2", A335 P91	3.91 mm	3.91 mm

Bảng 1: Phạm vi công việc chụp phóng xạ cho các van và các đường ống của buồng đốt

Stt	KKS	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	X-ray	PWHT	Chu vi (cm)	Số phim	Kích thước phim	Vật liệu	Độ dày ống (phía đầu vào)	Độ dày ống (phía đầu ra)
16	20LBB51A A402	HRH ESV 1 DRN-V	High pressure stop valve Type: VA500.63.2680.1".1".GW 33.A 41.0 45.1 183.0 Material: SA182-F22	x					Pipe: size 2.", A335 P22	3.91 mm	3.91 mm
17	21LBB45A A402	HOT REHEAT DRN-V	High pressure stop valve Type: VA500.63.1500.2".2".G.W 33.A 41.0 45.0 183.0	x					Pipe: size 2.", A335 P22	3.91 mm	3.91 mm
18	20LBA20A A404	HP MS DRN-V		x						3.38 mm	3.38 mm
19	20LBA20A A403	HP MS D-V		x						3.38 mm	3.38 mm
20	20LBA22A A401	HP MS ESV 2 D- V	L-4530-SH40+IND F91-F304-F6FH Globe Valve outside screwstem-screw welded bonnet-DN 1" class 4500 Making: 07-0028	x					Pipe: size 1.", A335 P91	3.38 mm	3.38 mm
21	20LBA22A A402	HP MS ESV 2 DRN-V	Type: VA500.80.2680.1".1".GW 33.A 41.0 45.1 183.0	x					Pipe: size 1.", A335 P91	3.38 mm	3.38 mm
22	20LBB51A A401	HRH ESV 1 D-V		x						3.91 mm	3.91 mm
23	21LAB30A A001	Van S/O nước cấp HP lò 21		x						23.1 mm	23.1 mm
24		Pipe burner					55		1/4 inch		
25		Pipe burner					50		1/2 inch		
26		Pipe burner					45		1.1/2 inch		
27		Pipe burner					35		2 inch		

Gói thầu số 16 – Cung cấp dịch vụ thuê chuyên gia kiểm tra đánh giá lò thu hồi nhiệt, dịch vụ xử lý ăn mòn dòng chảy FAC và dịch vụ Xray cho các van và các đường ống của buồng đốt

Lô 2: Cung cấp dịch vụ Xray cho các van và các đường ống của buồng đốt

PHỤ LỤC 3: Dịch vụ Xray cho các van và các đường ống của buồng đốt

Bảng 2: Bảng giá dự thầu Lô 2

Stt	Mô tả dịch vụ	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Chi Phí Lưu Trú: Chi phí ăn uống, lưu trú và di chuyển tại công trường cho đội chụp phim X-Ray tại địa điểm thực hiện dự án	Ngày	20			Đơn giá cố định
2	Chi Phí Vận Chuyển: Chi phí huy động thiết bị, dụng cụ, máy móc và nhân sự từ điểm huy động đến/trở về trước và sau khi hoàn thành dịch vụ	Lượt	3			Đơn giá cố định
3	Chi phí dịch vụ Dịch vụ bao gồm: nhân công, vật tư, thiết bị chính, thiết bị phụ trợ để thực hiện chụp X-Ray các môi hàn theo chỉ định của chủ đầu tư và đánh giá chất lượng môi hàn đã chụp. Số lượng phim chụp tối thiểu cho toàn bộ dự án: 241 phim	Ngày	20			Đơn giá cố định